

## MỤC LỤC

### Câu 1:

**Trong 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, nhân dân Đồng Nai đã trải qua những cuộc kháng chiến nào? Hãy trình bày cảm nhận của anh, chị về truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai?**

I. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ nhất -----	tr 3
1. Các cuộc khởi nghĩa của sĩ phu yêu nước -----	tr 4
2. Đoàn Văn Cự (1835-1905) -----	tr 6
3. Trại Lâm Trung. -----	tr 8
4. Phú Riêng đỏ. -----	tr9
5. Chi bộ Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa.-----	Tr 11
5.1 Sự ra đời của chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều -----	tr 11
5.2 Thành lập Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa-----	tr 14
6. Cách mạng tháng Tám 1945 ở Biên Hòa -----	tr 15
II. Kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ hai -----	tr 18
1. Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu -----	tr 18
2. Trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa (2/1/1946). -----	Tr 19
3. Trận La Ngà (1/3/1948). -----	Tr 21
4. Biên Hòa, nơi sản sinh cách đánh đặc công-----	tr 25
5. Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất -----	tr 27
III. Kháng chiến chống Mỹ cứu nước-----	tr 29
1. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp -----	tr 29
2. Trận đánh Mỹ đầu tiên ở miền Nam Việt Nam tại Biên Hòa -----	tr 33
3. Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hòa-----	tr 34
4. Đặc công đánh căn cứ, kho tàng Mỹ nguy ở Biên Hòa -----	tr 37
4.1 Đánh kho Long Bình. -----	Tr 37
4.2 Những trận tấn công của quân cách mạng vào kho vũ khí Thành Tuy Hạ ở Nhơn Trạch -----	tr 39
4.3 Đánh địch trên sông Lòng Tàu .....	tr 39
5. Tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 -----	tr 41
6. Chiến dịch Xuân Lộc đập tan cánh cửa thép của Mỹ nguy -----	tr 44
7. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam và tỉnh Đồng Nai. -----	Tr 47
* Cảm nhận: -----	tr50

### Câu 2

**Hãy cho biết và nêu cảm nhận về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai; từ đó giới thiệu một hoạt động tín**

**ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội mà anh (chị) từng biết hoặc tham gia? Đề phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay anh (chị) sẽ làm gì? ----- Tr56**

I. Cộng đồng người Việt -----	tr 56
1. Tục thờ cúng trong nhà -----	tr 56
1.1 Thờ cúng tổ tiên -----	tr 56
1.2 Thờ thần độ mạng -----	tr 58
1.3 Thờ cúng các thần bản gia -----	tr 59
1.4 Thờ khác -----	tr 59
2. Các lễ tiết gia đình trong năm -----	tr 59
2.1 Tết: -----	tr 59
2.2 Những ngày rằm -----	tr 59
2.3 Những ngày vía -----	tr 59
3. Tập quán, tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội -----	tr 59
3.1 Đình -----	tr 60
3.1.1 Đối tượng thờ -----	tr 60
3.1.2 Lễ hội cúng đình: -----	tr 61
3.2 Đền -----	tr 62
3.3 Miếu và lễ hội cúng bà -----	tr 64
3.3.1 Đối tượng thờ -----	tr 64
3.3.2 Lễ hội -----	tr 64
II. Cộng đồng người Hoa -----	tr 65
1. Vài nét về người Hoa ở Đồng Nai -----	tr 66
2. Về tập quán, tín ngưỡng dân gian của người Hoa -----	tr 68
III. Cộng đồng các dân tộc bản địa: -----	tr 72
1. Tập quán, tín ngưỡng dân gian -----	tr 72
2. Lễ hội truyền thống -----	tr 74
- Người Mạ: -----	tr 74
- Người Choro: -----	tr 75
- Người S'tiêng: -----	tr 77
* Cảm nhận: -----	tr 80
* Giới thiệu một hoạt động tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội mà bản thân tham gia -----	tr 82
* Đề phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay, bản thân sẽ: -----	tr 95
* Phụ lục tên và lịch lễ một số đình, miếu ở tỉnh Đồng Nai -----	tr 100
* Tài liệu tham khảo: -----	tr 107

## **CÂU 1:**

**TRONG 320 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI, NHÂN DÂN ĐỒNG NAI ĐÃ TRẢI QUA NHỮNG CUỘC KHÁNG CHIẾN NÀO? HÃY TRÌNH BÀY CẢM NHẬN CỦA ANH, CHỊ VỀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI?**

**\* TRONG 320 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI, NHÂN DÂN ĐỒNG NAI ĐÃ TRẢI QUA NHỮNG CUỘC KHÁNG CHIẾN:**

Nếu tính từ năm 1698, khi lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng mệnh chúa Nguyễn vào kinh lược xứ Đàng Trong, lấy đất Đồng Nai lập huyện Phước Long dựng dinh Trấn Biên, lấy xứ Sài Gòn lập huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn<sup>1</sup> làm cột mốc thì vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai đến nay vừa tròn 320 năm tuổi. 320 năm với bao biến cố, thăng trầm, bao gian lao, vất vả nhưng không kém phần vẻ vang và hào hùng.

Trước khi đề cập đến những cuộc kháng chiến trong 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai của nhân dân Đồng Nai, tôi xin điểm qua một chút các cuộc bình định biên giới từ thời mở cõi.

Năm 1699, vua Chân Lạp là Nặc Thu (Ang Saur, có sách ghi Nặc Ong Thu - Chey Chettha IV) đem quân tiến công Đại Việt. Chúa Nguyễn Phúc Chu đã cử Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống binh, cùng với Phó tướng Phạm Cẩm Long, Tham tướng Nguyễn Hữu Khánh đem quân lính, thuyền chiến hợp cùng tướng Trần Thượng Xuyên<sup>2</sup> lo việc đánh dẹp và an dân. Thủy binh của Nguyễn Hữu Cảnh đã tiến thẳng đến thành La Bích (Nam Vang), đánh tan quân của Nặc Thu.

Kỷ mảo, năm thứ 8 [1699]<sup>3</sup>, mùa thu, tháng 7, Nặc Thu nước Chân Lạp làm phản, đắp các lũy Bích Đồi, Nam Vang và Cầu Nam, cướp bóc dân buôn. Tướng Long Môn là Trần Thượng Xuyên đóng giữ Doanh Châu (nay thuộc Vĩnh Long)

---

1. Gia Định thành thông chí, Trịnh Hoài Đức.

2. Trần Thượng Xuyên, người tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc). Ông nguyên là Tổng lãnh binh ba châu Cao - Lôi - Liêm. Năm 1649, vương triều Minh ở Trung Quốc sụp đổ. Năm 1679, sau khi phát cờ “bài Mãn phục Minh” thất bại, ông đem hơn 3.000 quân thân tín cùng gia quyến trên 50 thuyền đến Đại Việt xin thuận phục. Chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) chấp thuận cho vào khai khẩn xứ Đông Phố lúc này đang còn hoang sơ.

3. Sách Đại Nam thực lục.

đem việc báo lên. Đến mùa đông, tháng 10, lại sai Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống suất, Cai bạ Phạm Cẩm Long làm Tham mưu, Lưu thủ Trần Biên là Nguyễn Hữu Khánh làm tiên phong, lãnh quân hai dinh Bình Khang, Trần Biên, và thuộc binh 7 thuyền dinh Quảng Nam, cùng với tướng sĩ Long Môn đi đánh. Canh Thìn năm thứ 9 [1700], tháng 2, Nguyễn Hữu Cảnh đem quân các đạo tiến vào nước Chân Lạp, đóng ở Ngư Khê, sai người dò xét thực hư, chia đường tiến quân.

Tháng 3, Thống binh Trần Thượng Xuyên cùng quân giặc đánh liên tiếp nhiều trận đều được. Khi quân ta đến lũy Bích Đồi và Nam Vang, Nặc Thu đem quân đón đánh. Nguyễn Hữu Cảnh mặc nhung phục đứng trên đầu thuyền, vung gươm vẩy cờ, đốc các quân đánh gấp, tiếng súng vang như sấm. Nặc Thu cả sợ, bỏ thành chạy. Nặc Yên (con vua thứ hai Nặc Nộn) ra hàng, Nguyễn Hữu Cảnh vào thành, vỗ yên dân chúng.

Đến mùa hè, tháng 4, Nặc Thu đến cửa quân đầu hàng, xin nộp cống. Nguyễn Hữu Cảnh báo tin thắng trận rồi lui quân đóng đồn ở Lao Đồi, kinh lý việc biên giới.

Năm Giáp Ngọ (1714), quân của Nặc Ông Thâm đến lấy thành La Bích và vây đánh Nặc Ông Yên nguy cấp lắm. Ông Yên sai người sang Gia Định cầu cứu. Quan đô đốc Phiên Trấn (Gia Định) là Trần Thượng Xuyên và quan phó tướng Trần Biên (Biên Hòa) là Nguyễn Cửu Phú phát binh sang đánh, vây Nặc Ông Thu và Nặc Ông Thâm ở trong thành La Bích. Nặc Ông Thu và Nặc Ông Thâm sợ hãi, bỏ thành chạy sang Tiêm la (Xiêm). Nhóm ông Trần Thượng Xuyên lập Nặc Ông Yên lên làm vua Chân Lạp<sup>4</sup>.....

## **I. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ nhất**

### **1. Các cuộc khởi nghĩa của sĩ phu yêu nước.**

Năm 1858, thực dân Pháp nã súng vào Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược chính thức nước ta.

Ngày 17/2/1859, thực dân Pháp đưa quân chiếm Cần Giờ và tiến đánh Gia Định. Năm 1860, Nguyễn Tri Phương được cử vào Gia Định, cho đắp đồn Chí Hòa, ban hịch kêu gọi đánh Tây. Ngày 07/2/1861, Chaner điều quân tiến công Sài Gòn. Ngày 25/2, đại đồn Chí Hòa thất thủ. Nguyễn Tri Phương bị thương, rút về Biên Hòa, cho đắp 9 cửa hàn trên sông Đồng Nai ngăn giặc. Ngày 17/12/1861, quân thủy bộ Pháp do Bonard chỉ huy tấn công thành Biên Hòa, sau

<sup>4</sup>. Sách Việt Nam sử lược, Trần Trọng Kim.

đó đánh chiếm các đồn lũy khác, lãnh binh Nguyễn Đức Ứng chiến đấu chống giặc ở Long Thành, hy sinh ngày 21/12/1861. Ngày 5/6/1862, triều đình Nguyễn ký hòa ước Nhâm Tuất nhượng 3 tỉnh miền Đông: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường cho Pháp. Triều đình ra lệnh bãi binh. Quan cơ Trương Định không tuân lệnh vua, thuận theo lòng dân, giương cờ Bình Tây Đại Nguyên Soái, tập hợp dân chúng tiếp tục chống Pháp; đánh đồn Rạch Tra, Đồng Môn, Long Thành, đốt tàu giặc trên sông Đồng Nai, lập căn cứ ở Lý Nhơn (Cần Giò), Bến Bạ (Nhơn Trạch). Nghĩa binh vùng Nhơn Trạch, Long Thành, Biên Hòa theo Trương Định rất đông. Như cha con Quan cơ Nguyễn Ngọc Hớn ở Phú Thạnh chẳng hạn. Nguyễn Ngọc Hớn kiên cường chống Pháp, bị bắt, mất năm 1863, con trai là Nguyễn Ngọc Sang tiếp tục lãnh đạo nghĩa binh tham gia đốt tàu giặc ở Nhật Tảo, Cồn Cò, lập căn cứ ở Bến Bạ, gây cho giặc nhiều tổn thất.

Ngày 25/9/1863, giặc Pháp tập trung tiêu diệt căn cứ Lý Nhơn, nghĩa quân Trương Định tử chiến phá vây, sau đó bị Huỳnh Công Tấn phản bội, phục kích, tử tiết ngày 19/8/1864. Trương Quyền (cùng Phan Chính) tiếp tục sự nghiệp của cha, lập căn cứ ở Giao Loan (Rừng Lá, huyện Xuân Lộc ngày nay) tiến công đồn Biên Hòa, giặc Pháp huy động lực lượng tấn công căn cứ Giao Loan, đến tháng 4/1865 nghĩa quân mới tan rã, phong trào tạm lắng.



*Miếu Ngũ hành nương nương - một cơ sở hoạt động của cách mạng thuộc Căn cứ Rừng Lá (xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc). Ảnh tư liệu*

Trương Định, Trương Quyền hy sinh nhưng phong trào kháng chiến chống Pháp không tắt. Long Thành, Nhơn Trạch, Biên Hòa, Tân Uyên tổ chức nhiều hội kín chống Pháp. Huyện Thạc, huyện Ân làm tay sai cho Pháp bị phản ứng nhiều lần, sợ quá phải xin chuyển đi nơi khác. Năm 1881, thực dân Pháp đưa Trần Bá Hựu, em của Trần Bá Lộc (tay sai khét tiếng) về làm tri huyện Long Thành. Tên này độc ác không kém Trần Bá Lộc. Hội kín quyết diệt bằng được. Tháng 2/1881, nhà sư Trần Văn Tấn (pháp hiệu là Huyền Vi) cùng đồng đạo lập mưu giết chết Trần Bá Hựu. Hội kín Long Thành bị đàn áp, nhà sư Trần Văn Tấn lãnh án tử hình, nhiều người khác bị đày khổ sai.

## **2. Đoàn Văn Cự (1835-1905)**

Đoàn Văn Cự - người con anh hùng của quê hương Biên Hòa là một trong những nghĩa sĩ tiêu biểu trong phong trào chống thực dân Pháp ở Nam bộ đầu thế kỷ 20. Ông sinh năm 1835, quê ở làng Bình An (Thủ Đức).

Cha cụ là một bậc túc nho có chí khí và lòng yêu nước nồng nàn. Gia đình cụ luôn bị thực dân Pháp theo dõi, cụ phải rời quê hương đến trú ngụ tại rừng Bung Kiệu, thôn Vĩnh Cửu (nay thuộc phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa).

Tiếp nối truyền thống của gia đình, Đoàn Văn Cự theo nghề cha dạy học và làm thuốc để giúp đỡ dân nghèo. Chính vì thế, cụ đã tạo được uy tín và điều kiện để tiếp xúc tuyên truyền, khơi dậy lòng yêu nước trong các tầng lớp nhân dân lao động. Lợi dụng địa thế rừng, cụ xây dựng Bung Kiệu thành căn cứ để mưu cầu đại sự. Là người thông minh, tài trí, cụ đã khéo léo dùng hình thức hoạt động tôn giáo để thu phục nhân tâm, qua đó tuyên truyền thức tỉnh lòng yêu nước, tinh thần xả thân vì đại nghĩa của dân tộc. Các tín đồ và đồng chí của cụ có mặt khắp miền Đông, nhưng đông nhất là vùng Bình An, Chợ Chiếu cho tới khu vực núi Nứa (Long Thành).



*Đền thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh Thiên địa hội tại Tp. Biên Hòa  
(Ảnh tư liệu)*

Tổ chức Hội kín do cụ thành lập quy tụ nhiều danh tài hảo hán, tinh thông võ nghệ, coi việc nghĩa là việc đại sự, một lòng vì nước, vì dân. Lực lượng nghĩa quân phát triển ngày một lớn mạnh; lương thực, khí giới được tích trữ chuẩn bị cho việc dấy binh. Nhưng hoạt động của cụ không còn giữ được bí mật, giặc Pháp đã nắm được tin. Ngày 8/4 âm lịch (tức ngày 11/5/1905), chính quyền thực dân cho một tiểu đội lính bí mật đến bao vây thôn Vĩnh Cửu. Được tin, Đoàn Văn Cự đã triệu tập hàng trăm nghĩa quân tổ chức mai phục sẵn sàng đánh địch. Phục kích cả ngày không thấy địch đến, tưởng địch đã rút lui, đến tối, cụ cho nghĩa quân rút về căn cứ ăn cơm. Lúc này giặc mới ập đến, vây chặt căn cứ Bung Kiệu. Tên đại úy chỉ huy quân Pháp dẫn một tốp lính xông thẳng vào nhà cụ. Biết khó lòng thoát hiểm, cụ điềm tĩnh vận bộ trang phục uy nghi, đầu chít khăn lụa điều, mình buộc thắt lưng màu hồng, giắt đoản đao đầu hổ, làm lễ trước bàn thờ tổ chờ địch đến. Khi toán lính bước vào nhà, cụ vung thanh đoản đao sáng loáng chém bị thương tên chỉ huy. Hắn bắn trả một loạt đạn. Cụ Đoàn Văn Cự trúng đạn, ngã xuống trước bàn thờ tổ. Quân Pháp tấn công vào doanh trại của nghĩa quân và đốt phá kho lương thực.

Rừng Bung Kiệu ngập khói lửa kín cả một góc trời. Mười sáu nghĩa quân anh dũng hy sinh. Số còn lại đều chạy thoát vào rừng. Hôm sau, giặc Pháp bắt

nhân dân khiêng xác tử sĩ và chôn chung vào một hầm lớn. Cụ Đoàn Văn Cự cùng 16 nghĩa quân hy sinh anh dũng và nằm chung một ngôi mộ. Hiện nay, ngôi mộ của cụ cùng 16 nghĩa quân nằm yên nghỉ tại Bưng Kiệu thuộc phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa. Đền thờ cụ ở phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

### **3. Trại Lâm Trung.**

Trại Lâm Trung là một tổ chức yêu nước nằm trong hình thái Hội kín rất phổ biến và phát triển ở Nam bộ đầu thế kỷ 20. Mục đích của các Hội kín này là tập hợp nhân dân, xây dựng lực lượng để kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tại Biên Hòa, một nhóm người yêu nước đã thành lập ra Trại Lâm Trung, căn cứ đóng tại xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu). Trại thành lập trong lúc chiến tranh thế giới lần thứ nhất đang diễn ra quyết liệt; thực dân Pháp càng ra sức bóc lột, vơ vét tài nguyên bằng sưu thuế nặng nề để trang trải chiến phí và tăng cường bắt thanh niên Việt Nam đi lính để "hy sinh cho mẫu quốc" Pháp. Trại có các nhân vật yêu nước tinh thông võ nghệ như: Năm Hy, Tư Hổ, Ba Hàu, Hai Lực, Bảy Đen, Ba Vạn, Hai Cầm... Trại tổ chức luyện tập võ nghệ, trại viên được trang bị vũ khí thô sơ như gậy, dao, gươm và một ít súng điều thương. Trại đã được nhân dân Vĩnh Cửu, Tân Uyên ủng hộ giúp đỡ, tích trữ lương thực. Hoạt động của Trại Lâm Trung bí mật, các đội viên liên lạc với nhau đều bằng mật hiệu, khẩu hiệu.



*Chùa Cô hồn – nơi thờ các lãnh tụ của trại Lâm Trung  
(Ảnh tư liệu)*

Đầu năm 1916, Trại Lâm Trung đề ra kế hoạch hoạt động với hai mục tiêu:



- Tiên đánh thành Săng Đá (thành cổ Biên Hòa ngày nay) để tiêu diệt quân Pháp.

- Tiên đánh khám đường Biên Hòa, giải thoát các người yêu nước và thanh niên bị Pháp bắt đi lính.

Đêm 12/1 Âm lịch năm 1916 (nhằm đêm 16/2/1916), Trại phát động tấn công. Trong đêm, trống mõ trong các làng đồng loạt nổi lên, thúc giục trại viên xuống đường tiến công các mục tiêu: Nhà làng Tân Trạch, Tân Lương, Tân Khánh, Bến Cá... Một số thanh niên đã được giải thoát. Các ông Mười Sốt, Mười Tiết chỉ huy mũi tiên đánh khám Biên Hòa. Tuy có bất ngờ, nhưng vì vũ khí thô sơ, địch lại được lính từ thành Săng đá (thành cổ Biên Hòa ngày nay) tiếp viện nên việc không thành. Hai ông Mười Sốt, Mười Tiết bị bắt sống, các trại viên còn lại chạy thoát. Một số đông phạm nhân bên trong nhân cơ hội nổi dậy phá khám chạy thoát được. Giặc Pháp ở Biên Hòa đã tổ chức lùng sục vào các làng tìm bắt các lãnh tụ Trại Lâm Trung. Chúng dùng cả thủ đoạn bắt cha mẹ, vợ con họ để buộc họ phải ra hàng. Do có bọn tay sai chỉ điểm, tháng 3/1916, các ông cầm đầu Lâm Trung Trại đã sa vào tay giặc Pháp như: Năm Hy, Hai Lựu, Lào Lọt, Hai Sờ, Ba Vạn, Bảy Phát, Hai Danh, Ba Hậu... Khoảng tháng 6/1916, thực dân Pháp đã xử bắn chín người lãnh đạo Trại Lâm Trung tại ngã ba Dốc Sỏi (xóm Bình Thành), trước sự chứng kiến của hàng trăm bà con xung quanh vùng. Cả chín ông đều bị trói chặt hai tay vào một cột trụ. Trước cái chết, ông Hương hào Hậu đồng dục: "Ta sinh làm tướng, chết làm thần, chào bà con ở lại mạnh giỏi". Anh Hai Sờ hiên ngang: "Cứ bắn ta đi! Sờ này không sợ đâu. Cái chết ta thị như quy tân gia".

Thực dân Pháp đưa thi thể 9 lãnh tụ của Trại Lâm Trung chôn chung một nấm mồ tại "Cây Gõ cụt" cách nơi hành hình khoảng 50 mét. Năm 1918, nhân dân đã xây dựng một miếu thờ dưới gốc đa ở ngã ba Dốc Sỏi, hàng ngày nhang khói để cầu siêu và tưởng nhớ gương nghĩa liệt của các ông. Đến năm 1920, ngôi miếu chuyển về phía đông và được xây cất lại thành ngôi chùa với tên "Bửu Hưng Tự"; nhân dân Biên Hòa vẫn thường gọi là "Chùa Cô Hồn" (nay thuộc phường Quang Vinh, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai).

#### **4. Phú Riềng Đỏ.**

Phú Riềng Đỏ là một trong những phong trào công nhân đầu tiên tại Việt Nam được thực hiện bởi các công nhân cao su tại đồn điền Phú Riềng, Biên Hòa (nay thuộc địa phận tỉnh Bình Phước). Phong trào này đã gây tiếng vang lớn trong lịch sử và là mốc mở đầu cho các phong trào công nhân khác của Việt

Nam công lại thực dân Pháp trong thập niên 1930 như cuộc đình công khổng lồ tại Nhà máy sợi Nam Định và Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư bản Pháp, dẫn đầu bởi công ty Michelin, bắt đầu ồ ạt thực hiện đầu tư khai thác và phát triển các đồn điền cao su tại Việt Nam. Theo thống kê của chính quyền thuộc địa, năm 1922, tổng số diện tích trồng cao su ở Đông Dương mới chỉ có 30.000 mẫu nhưng đến năm 1929 con số này đã là 120.000 mẫu. Hàng trăm nghìn người từ khắp Việt Nam đã được tuyển mộ vào Nam để khai thác các đồn điền cao su.

Trong quá trình phát triển đầu tư các đồn điền cao su, tư bản Pháp, dưới sự hỗ trợ của bộ máy chính quyền thuộc địa, đã bóc lột thậm tệ và tàn nhẫn sức lao động của những người công nhân cao su Việt Nam.

Gần 12.000 công nhân cao su trong 45.000 công nhân tại đồn điền đã bỏ mạng trong khoảng thời gian 1917-1941 do chế độ lao động hà khắc và khí hậu khắc nghiệt tại đây.

Do chế độ đối xử tàn nhẫn và hà khắc của chủ đồn điền và quản đốc cuối những năm 1928-1929 một số vụ nổi loạn của công nhân đã diễn ra. Nổi bật là cuộc đấu tranh do Nguyễn Đình Tứ khởi xướng, đã giết chết 6 quản đốc người Pháp. Những người nổi loạn đã bị đàn áp dã man, nhiều người trong số họ bị bắn chết tại chỗ, chặt đầu, xử tử và tù đày. Nguyễn Đình Tứ bị xử tử hình tại Sài Gòn.

Cuộc đấu tranh của những người công nhân cao su tại Phú Riềng đã gây một tiếng vang trong dư luận lúc bấy giờ. Những người Cộng sản đầu tiên bắt đầu chú ý đến phong trào công nhân cao su Phú Riềng. Ông Ngô Gia Tự vào Nam từ năm 1927 để gây cơ sở đầu tiên của cách mạng, đã cử Nguyễn Xuân Cừ (tức Vĩnh) lên đồn điền cao su để tuyên truyền tư tưởng cách mạng vô sản. Một trong những người công nhân cao su được đảng Cộng sản Việt Nam bắt rữ là Trần Tử Bình.

Đầu năm 1928, theo chỉ thị của Ngô Gia Tự, Nguyễn Xuân Cừ và Trần Tử Bình đi vào tổ chức quần chúng. Họ đã thiết lập Nghiệp đoàn Cao su Phú Riềng với thành viên là 1/3 tổng số những người lao động tại Phú Riềng. Nghiệp đoàn đã đấu tranh với chủ đòi giảm bớt đánh đập, chống cúp lương vô lý, đòi cải thiện sinh hoạt.

Ngày 3/2/1930, dưới sự lãnh đạo của Trần Tử Bình, lúc đó là Bí thư chi bộ Phú Riềng, hơn 5.000 công nhân cao su và người lao động của 10 làng trong khu vực đã tiến hành biểu tình, bao vây khu nhà chủ sở của công ty Michelin và

buộc giới chủ phải đáp ứng thực hiện 6 quyền lợi thiết yếu bao gồm: Cấm đánh đập, cấm cúp phạt, miễn sưu thuế, trả lương cho nữ công nhân nghỉ đẻ, ngày làm 8 giờ kể cả thời gian đi sáng-chi-ê và về lán, bồi thường cho công nhân bị tai nạn lao động.

Công nhân đã phong tỏa toàn bộ khu vực đồn điền Phú Riềng, sau đó tiếp tục tuần hành từ nhà chủ sở về làng số 3 chiếm giữ khu trại cưa, tước vũ khí của viên giám thị và viên cai, chiếm nhà máy điện, nhà máy cưa, kho gạo, làm chủ các làng số 3, số 9. Toàn bộ đồn điền Phú Riềng trở thành "Khu đỏ" đặt dưới quyền quản lý của tự vệ và công nhân. Tuy nhiên, theo chỉ đạo của chi bộ Đảng, toàn bộ các cuộc mít tinh biểu tình đều được thực hiện có tổ chức và trong hòa bình, không gây đổ máu, với phương châm "đấu tranh hợp pháp với đế quốc". Chính yếu tố này đã giúp cho phong trào đấu tranh đạt được một số thành quả tích cực và tránh những tổn thất cho lực lượng công nhân.

Sáng ngày 6/2, thực dân Pháp huy động xe bọc thép, hơn 300 lính lê dương, 500 lính khố đỏ, do đích thân Thống đốc Nam Kỳ Jean-Félix Krautheimer, cùng Công sứ Biên Hòa Marty, Phó công sứ Biên Hòa Vilmont và Chánh mật thám Đông Dương Arnoux chỉ huy đã tiến tới khu vực đồn điền Phú Riềng. Chính quyền thuộc địa đã chuẩn bị một cuộc đàn áp mạnh tay đối với phong trào công nhân Phú Riềng, nếu có bất kỳ sự phản kháng nào của công nhân. Tuy nhiên, kế hoạch đã bất thành khi toàn bộ công nhân Phú Riềng vẫn sinh hoạt bình thường. Họ "... rủ nhau xếp hàng, ngồi trật tự nghe đại biểu của mình đấu lý với giới chủ và chính quyền thực dân". Dưới sức ép đấu tranh của công nhân giới chủ đồn điền và thống sứ Nam kỳ đã phải chấp nhận một số yêu sách của công nhân.

Tuy nhiên, sau đó, chính quyền thực dân đã tiến hành bắt giữ tất cả các lãnh đạo của phong trào Phú Riềng. Ông Trần Tử Bình đã bị kết án tù 10 năm và bị đày ra Côn Đảo. Phong trào công nhân Phú Riềng vì thế đã lắng xuống trong một thời gian. Nhưng cuộc đấu tranh này đã xiết chặt thêm hàng ngũ của công nhân cao su đồn điền Phú Riềng và rèn luyện thêm kinh nghiệm đấu tranh hợp pháp, bán hợp pháp và hoạt động bí mật cho những người còn lại.

## ***5. Chi bộ Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa.***

### ***5.1 Sự ra đời của chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều***

Trước sự phát triển của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta trên phạm vi cả nước cũng như ở tỉnh Biên Hòa, thực dân Pháp và bè lũ tay sai tập trung mọi lực lượng khủng bố, đàn áp, tàn sát dã man những chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước.

Từ tháng 10/1930, nhiều cơ sở Đảng ở Nam kỳ bị vỡ, nhiều đảng viên ưu tú bị giặc giết hại, tù đày. Tại Biên Hòa, giặc Pháp tung bọn mật thám ngày đêm ráo riết dò la, các nhà máy, đồn điền cao su, các xóm ấp để truy tìm, lùng bắt các cán bộ cách mạng. Cuối tháng 5/1930, số đảng viên và cơ sở cách mạng cốt cán ở Nhà máy cưa BIF, ga xe lửa Biên Hòa, đồn điền cao su Cam Tiêm, Cẩm Mỹ, An Lộc... bị giặc bắt đày đi Côn Đảo, Bà Rá, Tà Lài. Một số đảng viên còn ở lại thị xã Biên Hòa, các huyện hoàn toàn đứt liên lạc với cấp trên, phải trốn lánh đi các địa phương khác.

Đến tháng 5/1931, hầu hết các đồng chí trong Ban thường vụ Trung ương Đảng, cả đồng chí Tổng bí thư Trần Phú đều bị giặc bắt, Xứ ủy Nam kỳ bị vỡ. Phong trào cách mạng ở Biên Hòa bước vào giai đoạn “thoái trào”, tạm thời lắng xuống.

Từ cuối năm 1931 đến giữa năm 1935, Xứ ủy Nam kỳ được lập đi lập lại nhiều lần nhưng tồn tại không được bao lâu, chưa móc nối với các hoạt động địa phương thì đã bị địch đánh tan rã. Đến tháng 4/1935, đồng chí Võ Văn Ngân lập lại Xứ ủy và cử cán bộ về các tỉnh móc nối với các đảng viên và cơ sở Đảng còn lại để khôi phục phong trào.



*Di tích lịch sử Địa điểm thành lập Chi bộ Cộng sản Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa (huyện Vĩnh Cửu). Ảnh tư liệu*

Ở tỉnh Biên Hòa, sau thời gian tạm lánh, năm 1933, đồng chí Lưu Văn Việt (Tur Chà) trở về quê hương làng Tân Phong (quận Châu Thành) tiếp tục xây dựng cơ sở, vận động cách mạng. Với chiếc xe đạp cũ kỹ, dưới lớp áo của người bán hàng rong, bán bánh mì dạo, đồng chí đi nhiều nơi trong tỉnh để bí mật tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, đường lối, chủ trương giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp của Đảng, tập hợp quần chúng công nông đoàn kết đấu tranh. Tại Nhà thương điên (Bệnh viện tâm thần Biên Hòa) đồng chí tuyên truyền kết nạp người em trai của mình là Lưu Văn Văn (Chín Văn) vào Đảng. Qua đồng chí Văn, một số nhân viên khác ở bệnh viện tâm thần cũng được tổ chức xây dựng trở thành những cơ sở cảm tình của Đảng. Tại Bến Cá (quận Châu Thành) đồng chí cũng đã tuyên truyền, vận động tổ chức được một số cơ sở cách mạng trong thanh niên học sinh.

Đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Minh Châu (tức Vĩ) quê ở Tiền Giang được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về hoạt động ở Biên Hòa. Đồng chí đã xin vào làm thợ ở Nhà máy cơ khí Trường Tiền (thị xã Châu Thành, Biên Hòa). Từ đây, đồng chí bước đầu xây dựng được một số cơ sở trong nhà máy, đồng thời thăm dò liên lạc với nhóm cơ sở Đảng do đồng chí Lưu Văn Việt tổ chức xây dựng trước đó. Sau khi đã móc nối và thống nhất lại với nhau, đồng chí Hoàng Minh Châu đã vận động thành lập chi bộ Đảng đầu tiên lấy tên là chi bộ Bình Phước - Tân Triều. Chi bộ do đồng chí Hoàng Minh Châu làm bí thư, đồng chí Huỳnh Văn Phan, phó bí thư, các đảng viên là: Lưu Văn Việt, Lưu Văn Văn, Quánh Tỹ, Quánh Sanh, Trần Minh Triết, Phạm Văn Khoai... Địa bàn hoạt động chủ yếu là khu vực thị xã và các xã thuộc quận Châu Thành (huyện Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa ngày nay).

Để phát triển phong trào, mở rộng hình thức tuyên truyền xây dựng cơ sở cách mạng trong tầng lớp thanh niên học sinh, chi bộ phân công hai đồng chí Hoàng Minh Châu và Quánh Sanh bí mật thành lập “Liên đoàn học sinh” ở trường tiểu học Bình Hòa. Đây là trường chung cho cả tổng Phước Vĩnh trung. Do hoạt động lộ liễu, địch phát hiện truy tìm, một số bị bắt, học sinh các xã Bửu Long, Bình Hòa còn lại phải chuyển vào hoạt động bí mật. Một số thanh niên, học sinh ưu tú giác ngộ cách mạng và được kết nạp vào Đảng như các đồng chí Phạm Văn Thuận, Huỳnh Dân Sanh, Huỳnh Văn Lũy...

Sự ra đời của chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều và các tổ chức cách mạng của Đảng giữa năm 1935 đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng, một bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở tỉnh Biên Hòa. Đây là chi bộ Đảng đầu tiên đã được thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện nay, là hạt nhân lãnh

đạo phong trào cách mạng ở địa phương và là nòng cốt để hình thành tổ chức Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa sau này.

### *5.2 Thành lập Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa*

Từ giữa năm 1936, trong phong trào mặt trận Dân chủ Đông Dương, phong trào cách mạng ở Biên Hòa phát triển lại ngày càng mạnh mẽ. Tháng 8/1939, Ủy ban tru bị Đông Dương đại hội được thành lập tại Sài Gòn và các ủy ban hành động của các tỉnh ở Nam kỳ cũng nhanh chóng được tổ chức. Xứ ủy Nam kỳ và ủy ban tru bị Đông Dương đại hội cử các đồng chí Dương Bạch Mai và Nguyễn Văn Nghĩa về Biên Hòa trực tiếp tổ chức và chỉ đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Trở về Biên Hòa, quê hương của mình, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã móc nối liên lạc ngay với các đảng viên trong chi bộ Bình Phước - Tân Triều và một số đồng chí thân quen như: Huỳnh Văn Lũy, Nguyễn Văn Ký, Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại, Lưu Văn Văn... để tổ chức vận động cách mạng. Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa được thành lập, do đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa làm chủ tịch.

Ủy ban hành động của các quận: Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên, Long Thành cũng được tổ chức và hoạt động công khai, thu hút đông đảo các tầng lớp dân chúng tham gia, nhất là giới nhân sĩ, trí thức, thanh niên, học sinh và công nhân. Nhiều cuộc mít tinh, tuần hành được tổ chức khắp nơi, hàng vạn truyền đơn, tài liệu của Đảng được phát hành rộng rãi trong nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đòi dân sinh dân chủ của các tầng lớp nhân dân lao động ở Biên Hòa nổ ra liên tục, mạnh mẽ, nhất là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, điểm tập trung sôi động là nhà máy cưa BIF, ga xe lửa Biên Hòa và các đồn điền cao su ở Xuân Lộc. Cuối năm 1946, Liên Tỉnh ủy miền Đông cử đồng chí Trương Văn Bang (Ba Bang) nguyên bí thư Xứ ủy Nam kỳ 1933-1935 và đồng chí Cao Hồng Lĩnh về Biên Hòa hoạt động, trực tiếp tổ chức, vận động thành lập Ban cán sự Đảng tỉnh Biên Hòa và xây dựng tổ chức một số chi bộ Đảng ở các cơ sở địa phương trong tỉnh.

Đầu năm 1937, Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa được thành lập do đồng chí Trương Văn Bang trực tiếp làm bí thư. Các đồng chí Tỉnh ủy khác gồm có: Trần Minh Triết, Huỳnh Văn Phan, Lê Văn Tôn, Huỳnh Liễn, Nguyễn Hồng Kỳ. Nhiều đồng chí đảng viên ở các nơi khác cũng lần lượt về Biên Hòa móc nối liên lạc hoạt động, tổ chức các chi bộ Đảng cơ sở. Công tác xây dựng Đảng từ đây có những bước phát triển mới, một số chi bộ được thành lập. Tại nhà máy cưa BIF, có hai chi bộ Đảng được thành lập là chi bộ khối nhà máy và chi bộ khối lao động đơn giản, mỗi chi bộ có 3 đảng viên. Ở xã Bửu Long cũng hình

thành một chi bộ. Hai xã Tân Phong và Bình Ý, chi bộ liên xã cũng được thành lập trong thời kỳ này.

Ở quận Xuân Lộc, đến tháng 2/1937, thành lập được một chi bộ do đồng chí Nguyễn Văn Lắm (Ba Nghệ) công nhân cao su làm bí thư. Một số sở cao su dọc liên tỉnh lộ số 2 (Xuân Lộc-Bà Rịa) cũng tổ chức được chi bộ Đảng như: đồn điền Cuộc-tơ-nay (Cẩm Mỹ). Ngoài ra, Tỉnh ủy còn chỉ đạo thành lập các tổ chức bí mật, hợp pháp, bán hợp pháp để tập hợp lực lượng, tuyên truyền giác ngộ cách mạng, phát động quần chúng đấu tranh. Tổ chức Công hội đỏ được bí mật xây dựng ở nhà máy cưa BIF, ga xe lửa Biên Hòa, các sở cao su ở Long Thành, Xuân Lộc. Ở các xã Bình Phước, Bình Ý, Bình Thạnh... (quận Châu Thành) một số tiểu tổ Công hội đỏ cũng được thành lập. Phổ biến nhất là các hội ái hữu như: hội chùa, hội miếu, hội đá bóng, hội lân, hội cày, hội cấy được tổ chức ở nhiều nơi, thu hút hàng vạn người tham gia. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa, phong trào đấu tranh cách mạng của các tầng lớp nhân dân tiếp tục diễn ra sôi nổi trong các năm 1937, 1938, 1939. Qua phong trào đấu tranh cách mạng, nhiều công nhân, nông dân, thanh niên, trí thức ưu tú được kết nạp vào Đảng, trở thành những nhân tố cốt cán trong việc tuyên truyền, vận động phát triển phong trào cách mạng ở các địa phương trong tỉnh. Sự ra đời của Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa và những thành quả đã giành được trong cao trào cách mạng 1936-1939 của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Biên Hòa, đánh dấu một bước phát triển quan trọng, tạo cơ sở vững chắc cho phong trào đấu tranh cách mạng trong những năm kế tiếp, nhất là cao trào Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945.

### ***6. Cách mạng tháng Tám 1945 ở Biên Hòa***

Ngày 9/3/1945, phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp để độc chiếm Đông Dương. Ở Biên Hòa, ngay sáng ngày 10/3/1945, bộ máy thống trị của thực dân Pháp lọt vào tay phát xít Nhật. Ngay trong đêm Nhật đảo chính Pháp, Ban thường vụ Trung ương Đảng triệu tập hội nghị mở rộng tại Đình Bảng, tỉnh Bắc Ninh.

Hội nghị đề ra nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân lúc này là phát động phong trào chống Nhật cứu nước, đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Tháng 5/1945, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Nam kỳ, tổ chức thanh niên Tiên phong được thành lập tại Sài Gòn, do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, đảng viên Đảng Cộng sản làm thủ lĩnh.

Ở Biên Hòa, tổ chức Thanh niên Tiền Phong do Huỳnh Thiện Nghệ làm thủ lĩnh, đã phát triển nhanh chóng từ tỉnh đến cơ sở làng, xã xí nghiệp, đồn điền cao su, nhà máy.

Cũng trong tháng 5/1945, tại ấp Vĩnh Cửu, xã Tam Hiệp, quận Châu Thành, Biên Hòa, Liên Tỉnh ủy miền Đông triệu tập cuộc họp cán bộ Đảng toàn miền Đông để phổ biến chủ trương của Trung ương về tình hình nhiệm vụ mới, trọng tâm là vấn đề chuẩn bị lực lượng để tham gia cuộc tổng khởi nghĩa trên phạm vi toàn quốc.

Tiếp đó, tháng 7/1945 tại chùa Tân Mai, quận Châu Thành, đồng chí Hà Huy Giáp đại diện Xứ ủy Nam kỳ đã họp với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Biên Hòa để phổ biến chủ trương của Xứ ủy là gấp rút xây dựng phát triển lực lượng cách mạng. Hội nghị nhấn mạnh việc khẩn trương phát triển các tổ chức đoàn thể Việt Minh, nắm chắc lực lượng Thanh niên Tiền phong, chuẩn bị phát động quần chúng nhân dân trong toàn tỉnh nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 15/8/1945, Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện. Tin Nhật đầu hàng lan truyền nhanh chóng. Bọn sĩ quan và binh lính Nhật ở Biên Hòa hoang mang, rệu rã. Ngọn lửa cách mạng bùng lên mạnh mẽ. Bầu không khí tiền khởi nghĩa sôi động khắp thành thị và nông thôn. Ngày cũng như đêm, trên khắp các nẻo đường, xóm ấp ở Biên Hòa rộn rã tiếng hát, lời ca cách mạng. Những ca khúc "Tiếng hát thanh niên", "Bạch Đằng giang", "Chi Lăng" giục giã lòng người, bừng bừng khí thế vùng dậy đấu tranh để cởi bỏ gông xiềng nô lệ. Ngày 19/8/1945, cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội đã giành được thắng lợi rực rỡ. Ngày 20/8, Xứ ủy Nam kỳ họp hội nghị tại Chợ Đệm để phổ biến kế hoạch khởi nghĩa ở Nam bộ.

Ngày 3/8/1945, tại căn nhà số 2 dãy phố Sáu Sứ, xã Bình Trước, quận Châu Thành, Biên Hòa, đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì cuộc họp với các đồng chí cán bộ trong tỉnh để bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền, trọng điểm là tỉnh lỵ Biên Hòa.

Ngay trong đêm 23 rạng sáng ngày 24/8/1945, trong nội thành thị xã Biên Hòa, nhân dân đã treo cờ đỏ sao vàng, cờ búa liềm, cờ vàng sao đỏ (cờ Thanh niên Tiền phong), dán khẩu hiệu khắp các phố thị... Trụ sở ủy ban khởi nghĩa đặt gần ga xe lửa Biên Hòa luôn tấp nập các đoàn cán bộ ở các địa phương về nhận chỉ thị khởi nghĩa.

Lúc này, hầu hết các tầng lớp nhân dân đều sục sôi cách mạng, tinh thần quyết tâm giành độc lập dâng cao hơn bao giờ hết. Sáng sớm ngày 24/8, dưới sự



lãnh đạo của chi bộ nhà máy cưa BIF, chi bộ ga xe lửa Biên Hòa, công nhân và nhân dân các ấp Tân Mai, Tân Thành, Vĩnh Thị đã nổi dậy làm chủ các cơ sở trên, đồng thời lập lực lượng xung kích làm lực lượng nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa ở Biên Hòa. Đêm 24/8, tại rạp hát Trần Điền (thị xã Biên Hòa), một cuộc mít tinh lớn được tổ chức với hàng trăm quần chúng tham gia.

Các đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa đã diễn thuyết, kêu gọi đồng bào tham gia Mặt trận Việt Minh, tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền. Suốt đêm 24/8, lực lượng Thanh niên xung kích rầm rập đi tuần tra trên các đường phố thị xã. Lực lượng cách mạng đã làm chủ nội thành và ngoại thành Biên Hòa. 4 giờ sáng ngày 25/8, chuyến xe lửa đầu tiên trong ngày do ông Ba Miều lái từ ga Biên Hòa đã đưa hơn 500 người, bao gồm đại diện công nhân các nhà máy, nhân dân các ấp thuộc xã Bình Trước, quận Châu Thành về Sài Gòn cùng tham gia giành chính quyền. Thắng lợi Sài Gòn càng làm nức lòng cán bộ, nhân dân Biên Hòa. Lực lượng xung kích đã chiếm giữ hầu hết các công sở trong thị xã Biên Hòa.

Sáng sớm ngày 26/8/1945, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã tập họp hàng trăm quần chúng tiến thẳng vào Tòa bố Biên Hòa, treo lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên tại dinh tỉnh trưởng. Đông đảo đồng bào tập trung trước Tòa bố reo hò vang dậy. Đến 11 giờ trưa cùng ngày, các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hón và một số đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa tiếp tục đến Tòa bố buộc tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý cùng các viên chức đứng đầu các công sở trong tỉnh bàn giao chính quyền cho cách mạng.

Ngay chiều hôm đó (14 giờ), lực lượng cách mạng đã bắt giữ tên cò Phước chỉ huy lực lượng cảnh sát tỉnh Biên Hòa, tịch thu 40 khẩu súng các loại của bọn lính mã tà tại cửa tiền (khám lớn). Lực lượng xung kích nhanh chóng chiếm lĩnh, tiếp quản các cơ quan, công sở còn lại ở quận Châu Thành. Sáng sớm ngày 27/8/1945, tại quảng trường Sông Phố, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức; gần một vạn người từ khắp các huyện về tham dự.

Sau lễ chào quốc kỳ, đồng chí Dương Bạch Mai, cán bộ Xứ ủy Nam kỳ đại diện Mặt trận Việt Minh ở Nam bộ, diễn thuyết được quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh. Tiếp đó, đồng chí Hoàng Minh Châu, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa, đọc diễn văn tuyên bố chính quyền về tay nhân dân và công bố thành phần Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa, gồm các đồng chí: Hoàng Minh Châu, Chủ tịch; Huỳnh Văn Hón, Phó chủ tịch kiêm Trưởng ban tuyên truyền; Nguyễn Văn Long, phụ trách Cảnh sát; Ngô Hà Thành, Ủy viên phụ trách Quốc

gia tự vệ cuộc; Nguyễn Văn Tàng, Ủy viên phụ trách Ban quản trị tài sản quốc gia tỉnh.

Kết thúc cuộc mít tinh là lễ tuyên thệ, gần một vạn người thay mặt cho hơn 15 vạn đồng bào trong tỉnh đã long trọng đưa cao nắm tay thề sẵn sàng hy sinh tính mạng, tài sản, kiên quyết bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc, bảo vệ những thành quả của cách mạng vừa giành được.

Đến 12 giờ trưa, cuộc mít tinh kết thúc. Quân chúng phấn khởi hô vang các khẩu hiệu: "Việt Nam độc lập muôn năm", "Việt Minh muôn năm"... tiếp tục diễu hành tỏa về các địa phương biểu dương lực lượng. Tỉnh Biên Hòa từ thị xã đến nông thôn, nhà máy, đồn điền thực sự là một ngày hội lớn. Khắp các nẻo đường, đâu đâu cũng sôi động cả một rừng người và cả một rừng cờ, ai ai cũng hân hoan cảm động đến trào nước mắt.

Sau khi giành chính quyền ở tỉnh, chính quyền ở các quận, xã còn lại ở các quận Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên cũng nhanh chóng về tay nhân dân vài ngày sau đó. Từ thân phận nô lệ làm than, nhân dân tỉnh Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng đã cùng cả nước vùng dậy, đập tan bộ máy thống trị của thực dân, giành lấy độc lập tự do cho Tổ quốc. Phấn khởi tự hào trước thắng lợi giành được, Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa đã đoàn kết một lòng, khắc phục những khó khăn trở ngại, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

## **II. Kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ hai**

### ***1. Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu***

Tháng 9/1945, Tỉnh ủy Biên Hòa đã thành lập trường huấn luyện cán bộ quân sự đầu tiên ở Miền Đông, bấy giờ gọi là trại Du kích Vĩnh Cửu. Lãnh đạo tổ chức trại gồm: Phan Đình Công - Thường vụ Tỉnh ủy Biên Hòa phụ trách quân sự, Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định, giáo sư Phạm Thiệu, Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Đình Ưu, Huỳnh Văn Hón Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Biên Hòa.

Địa điểm được chọn để mở trường huấn luyện là ấp Vĩnh Cửu thuộc xã Tam Hiệp, quận Châu Thành, Biên Hòa (nay là phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa). Ấp Vĩnh Cửu chỉ cách thành phố Biên Hòa khoảng 6 km theo đường kiểm đất đỏ, ra quốc lộ 15 chỉ 800 mét.

Giảng viên chính của trại gồm: ông Nguyễn Xuân Diệu, ông Nguyễn Trí Định (dạy quân sự). Ngoài huấn luyện quân sự, chính trị, tăng cường cán bộ cho các địa phương, trường còn phối hợp với lực lượng quân Nam tiến đánh chiếm cầu Bình Lợi, ngăn chặn quân Pháp mở rộng lấn chiếm ra ngoài Sài Gòn.



*Di tích Đất Cuốc - Trường huấn luyện du kích tỉnh Biên Hòa xưa (nay thuộc tỉnh Bình Dương) - Ảnh tư liệu*

Trường huấn luyện du kích Vĩnh Cửu, Bình Đa, chính là tiền thân của trường Quân chính Quân khu 7 trong kháng chiến chống Pháp. Thực chất trại Vĩnh Cửu, trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu là một tổ chức quân sự tập trung có quân số khá đông (4 phân đội 100 người), có tổ chức chỉ huy. Đó là một đội quân có quy củ, được trang bị mạnh ngay từ những ngày đầu kháng chiến, có sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Trại là một trong những lực lượng quan trọng hợp thành chi đội 10 Biên Hòa sau này.

## **2. Trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa (2/1/1946).**

Nhân dân Biên Hòa chỉ được hưởng độc lập từ ngày 26/8/1945 đến ngày 24/10/1945, tức chỉ được 1 tháng 28 ngày.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ II, thực dân Pháp đã âm mưu quay lại xâm lược nước ta lần nữa. Cuối tháng 10/1945, Pháp phá vỡ vòng vây ở Sài Gòn. Và mục tiêu lần chiếm kế tiếp là Biên Hòa, tỉnh có vị trí quan trọng để mở đường chiếm các tỉnh miền Đông Nam bộ, ra cực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Ngày 24/10/1945, thực dân Pháp với quân Anh hỗ trợ đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa. Chúng đưa quân trấn giữ các đầu mối giao thông, chiếm thành Săng Đá, chiếm đóng các công sở như Tòa bố, bưu điện, kho bạc, tòa án... bắt tay xây

dựng lại bộ máy chính quyền tay sai ở tỉnh lỵ và thị xã. Tuy nhiên, phạm vi chiếm đóng của thực dân Pháp đến cuối tháng 12/1945 vẫn là khu vực xã Bình Trước, giới hạn bởi các con đường 16 (đi Tân Uyên), đường 24 (đi Vĩnh Cửu), quốc lộ 1 (về Sài Gòn), đường 15 (đi Long Thành). Các ấp ven thị xã như Lân Thị, Gò Me, Vĩnh Thị, Núi Đất..., các xã ven như Hiệp Hòa, Tân Vạn, Tam Hiệp, Tân Phong..., các đội du kích, tự vệ chiến đấu và xung phong cảm tử Châu Thành vẫn liên tục hoạt động, đột nhập thị xã và các xã ven, các xã dọc lộ 1, 15 diệt tề trừ gian, gây cho địch nhiều thiệt hại về người.

Trong lúc đó, tại Biên Hòa, từ cuối tháng 10/1945, nhiều lực lượng vũ trang đã về đứng chân: Liên chi 2-3 Bình Xuyên ở hướng Rừng Sác, Vệ quốc đoàn Biên Hòa (bộ đội Huỳnh Văn Nghệ) ở Tân Uyên và Châu Thành; Xung phong cảm tử quận Châu Thành ở Bình Thảo (Bình Phước); Vệ quốc đoàn Châu Thành ở Thiện Tân, Vệ quốc đoàn Long Thành, lực lượng trường du kích Vĩnh Cửu; quân Nam tiến ở Xuân Lộc. Và đến tháng 12/1945, chiến khu 7 thành lập do Nguyễn Bình làm Tư lệnh, lực lượng vũ trang miền Đông từng bước có sự chỉ huy và lãnh đạo thống nhất. Thị xã Biên Hòa lúc này được thực dân Pháp xây dựng, tổ chức thành một trung tâm chỉ huy đánh phá phong trào cách mạng ở miền Đông với nhiều cơ quan quân sự quan trọng. Cơ quan tuyên truyền của địch không ngớt ca ngợi "thành quả" lấn chiếm, mở rộng của Pháp nằm trong chiến lược "đánh nhanh, chiếm nhanh và bình định nhanh" Nam bộ. Để đập tan luận điệu tuyên truyền của thực dân Pháp, khẳng định sự tồn tại và phát triển của lực lượng kháng chiến ở miền Đông, cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân, Tư lệnh chiến khu 7 Nguyễn Bình quyết định tổ chức trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa.

Đây là một chủ trương táo bạo và cần thiết. Công tác trinh sát, nghiên cứu địch trong thị xã được giao cho Vệ quốc đoàn Biên Hòa. Phân đội 4 do Nguyễn Chúc Sắc chỉ huy. Phân đội trưởng phân đội 5 là Lê Thoa cùng các chiến sĩ công tác thành nhiều lần hóa trang, bí mật lọt vào nội ô tỉnh lỵ để nghiên cứu các mục tiêu, lên sơ đồ các điểm đóng quân của Pháp, các công sở của địch, trọng điểm là thành Săng Đá, sở hiến binh, bưu điện, nhà ga Biên Hòa, cầu Gành, hăng dầu... Các lực lượng tham gia cuộc tập kích bao gồm: Vệ quốc đoàn Biên Hòa, Vệ quốc đoàn quận Châu Thành, liên quân Hóc Môn - Gia Định, liên chi 2-3 Bình Xuyên.

Cuối tháng 12/1945, công tác tổ chức và phương án tiến công đã được thông qua. Các lực lượng vũ trang đã được điều về áp sát thị xã trên các hướng Hóa An, Tân Phong, Bình Đa... Thời gian được chọn là sau ngày tết dương lịch, ngày địch ít phòng bị nhất. Đêm 1 rạng sáng ngày 2/1/1946, các lực lượng nổ

súng tiến công vào thành Săng Đá, các tua gác ở đầu cầu Gành, nhà máy của BIF, các công sở của địch trong tỉnh lỵ Biên Hòa, nhà ga Biên Hòa. Tiếng súng của các lực lượng kháng chiến trong nội ô tỉnh lỵ Biên Hòa như đánh thức ngay lòng người dân đang bị địch kìm kẹp trong nội ô. Thực dân Pháp hoàn toàn bị bất ngờ. Chúng không thể tin rằng quân kháng chiến ở Biên Hòa lại có khả năng tập hợp, di chuyển nhanh chóng sau khi rút khỏi thị xã.



*Thành Săng Đá (Thành cổ Biên Hòa ngày nay)  
(Ảnh tư liệu)*

Trận đánh vào tỉnh lỵ Biên Hòa đêm 1 rạng sáng 2/1/1946 là trận đột kích đầu tiên của Vệ quốc đoàn Biên Hòa có sự phối hợp của nhiều lực lượng vào một đô thị ở Nam bộ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai.

Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu nào trong thị xã, nhưng trận đánh đã gây tiếng vang rất lớn. Đứng về mặt chiến lược, lời tuyên truyền là đã "bình định xong Nam kỳ" của thực dân Pháp hoàn toàn bị đập tan. Lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông tuy mới thành lập, nhưng có đủ khả năng đánh hợp đồng khá xuất sắc. Và điểm quan trọng hơn là "Tiếng súng Biên Hòa" có sức cổ vũ, động viên rất lớn tinh thần kháng chiến của nhân dân miền Đông, nhất là nhân dân trong vùng địch còn kiểm soát, kêu gọi được các tầng lớp nhân dân yêu nước từ mọi nơi về Biên Hòa, về chiến khu Đ tham gia kháng chiến.

### **3. Trận La Ngà (1/3/1948).**

Rút kinh nghiệm trận đánh Đồng Xoài, Ban chỉ huy chi đội 10 quyết định tổ chức trận đánh giao thông địch trên quốc lộ 20 (Sài Gòn đi Đà Lạt) đánh đoàn xe đưa cán bộ, sĩ quan cấp cao của thực dân dự hội nghị quân chính Đà Lạt cùng chính quyền bù nhìn Bảo Đại.

Từ tháng 1/1948, công tác chuẩn bị cho trận đánh giao thông trên quốc lộ 20 được triển khai, công tác vận động lương thực, trinh sát triển khai trước.



*Xác xe quân Pháp bị hỏng nặng trong trận La Ngà (ảnh tư liệu)*

Ngày 22/2/1948, công tác lương thực đã chuẩn bị xong, các kho dự trữ đảm bảo cho 1.000 quân ăn trong 7 – 10 ngày. Trinh sát chi đội nắm chắc quy luật các đoàn xe địch thường di chuyển trên quốc lộ 20. Địa điểm phục kích được chọn từ cầu La Ngà đến Định Quán (cây số 104 đến 113). Đảng ủy, Ban chỉ huy chi đội 10 mở cuộc họp hạ quyết tâm và thông qua kế hoạch tác chiến gồm các điểm chính:

- Tiêu diệt gọn đoàn xe chở cán bộ quân sự địch đi dự hội nghị quân chính Đà Lạt vào đầu tháng 3/1948 trên quốc lộ 20.

- Phải thắng cả quân sự, chính trị, dân vận và địch vận. Do đó phải giáo dục bộ đội giữ nghiêm kỷ luật chiến trường, thực hiện tốt chính sách tù hàng binh và công tác dân vận.

- Phải bố trí lực lượng tốt ở căn cứ để chống càn vì sau trận đánh, địch thua đau sẽ trả đũa càn quét vào căn cứ kháng chiến, có kế hoạch bám sát địch, ngay từ đầu và đánh mạnh thị xã Biên Hòa, thị trấn Xuân Lộc... buộc địch phải bị động ứng phó.

- Tập trung đủ lực lượng (kể cả Liên quân 17 của khu đang huấn luyện ở chi đội 10) gồm 9 trung đội: Đại đội A 2 trung đội, Đại đội B 2 trung đội, Đại đội C 1 trung đội, Liên quân 17 có 3 trung đội, quốc vệ đội Xuân lộc 1 trung đội.

Tuyến phục kích kéo dài 9 km (cây số 104 đến 113) chia làm 3 trận địa: A - trận địa chặn đầu, C - trận địa khóa đuôi, B - trận địa ở giữa. Khi chưa nghe lệnh tấn công bằng mìn ở trận địa A, không được hành động mà phải tuyệt đối giữ bí mật để đoàn xe địch lọt hết vào trận địa phục kích. Không được bắn vào các xe ca đi trong đoàn để không gây thiệt hại cho hành khách.

Cách đánh là bí mật, bất ngờ, xung phong mãnh liệt, giải quyết nhanh trận địa, tích cực truy kích địch kết hợp kêu gọi đầu hàng.

Kế hoạch khắc phục máy bay địch lên phản kích gồm hai điểm:

- Trung đội 5 của đại đội B phối hợp cùng dân quân quận Châu Thành và Xuân Lộc chặt cây cho ngã ra đường, tổ chức bắn tỉa quấy rối địch đoạn từ Hồ Nai lên Dầu Giây. Mục đích là làm đoàn xe địch phải chậm mất từ 2 – 3 giờ, buộc chúng vào trận địa khoảng 15 giờ trở đi vì giờ đó có nhiều sương mù, máy bay khó phát huy tác dụng. Mặc khác, hoạt động bắn tỉa, quấy rối... sẽ làm cho binh lính địch mệt mỏi, tinh thần căng thẳng, sức chiến đấu sẽ giảm.

- Đặt một tổ nghi binh ở phía đông đường 20 (ta phục kích ở phía tây). Khi có hiệu lệnh tấn công, tổ nghi binh sẽ đốt nhiều đốt nhiều đồng lúa dưới các tán cây rừng rậm rạp nhằm thu hút máy bay địch lên chi viện.

Trong quá trình chuẩn bị trận đánh, Huỳnh Văn Nghệ được đề bạt làm Khu bộ phó khu 7, nhưng vẫn kiêm chi đội trưởng chi đội 10 Biên Hòa. Đồng chí Nguyễn Văn Lung - chi đội phó trực tiếp chỉ huy tổ chức trận đánh giao thông.

Ngày 26/2/1948, đơn vị hành quân bí mật từ chiến khu Đ về trận địa tây quốc lộ 20 cách căn cứ 80 km. Ngày 29/2, toàn lực lượng chiếm lĩnh trận địa chiến đấu, Binh công xưởng chi đội bố trí địa lôi ở 3 trận địa A, B, C, bên trên ngụy trang bằng những đồng phân voi. Tại sở chỉ huy, Ban chỉ huy nhận được điện của Khu bộ phó Huỳnh Văn Nghệ: Trận phục kích giao thông được mang tên Dương Văn Dương để kỷ niệm 2 năm ngày mất của ông - nguyên là Khu bộ phó Khu 7.

Trận đánh diễn ra đúng như kế hoạch của Ban chỉ huy chi đội. Lúc 15 giờ 2 phút, quả địa lôi ở mặt trận A nổ, chiếc xe bọc thép đi đầu bị phá hủy. Từ phía tây lộ 20, lực lượng ta xung phong ra đường tấn công địch quyết liệt, 15 giờ 27 phút, địa lôi trận địa C nổ, cả đoàn xe địch bị giam vào trong trận địa, chỉ còn lại hơn 10 chiếc hoảng sợ rút chạy ngược về hướng cầu La Ngà. Trên cả ba mặt trận, chi đội 10, liên quân 17 dũng mãnh xung phong. Địch Hoàn toàn bất ngờ, chống trả yếu ớt.

Gần 1 tiếng đồng hồ, trận đánh kết thúc, ta phá hủy 59 xe quân sự của địch, diệt 150 binh lính hộ tống, 25 tên sĩ quan chỉ huy, hậu cần, tham mưu đi dự hội nghị quân chính, bắt sống trung úy Joeffrey chỉ huy đại đội hộ tống. Trong 25 sĩ quan chết có: Đại tá De sérigné chỉ huy bán lữ đoàn Lê Dương thứ 13, đại tá Paruit phó tham mưu trưởng thứ nhất quân đội Pháp ở Nam Đông Dương; thiếu tá chỉ huy phân khu quân sự Hóc Môn; đại úy Jean Couvreur trưởng phòng xe hơi.

Trong số 270 tù hàng binh và hành khách, có nhiều người và binh lính bị thương và người già, sức yếu, trẻ em sau khi được săn sóc, giải thích rõ chủ trương chính sách của Mặt trận Việt Minh, ta phóng thích tại chỗ. Số còn lại được đưa về căn cứ tập kết ở Suối Cát, gồm nhiều thành phần: trí thức, nữ tu, người buôn bán, hầu hết đều ở Sài Gòn. Tất cả được chia xẻ khẩu phần ăn đạm bạc của bộ đội. Trời mờ sáng, tất cả hành khách được hướng dẫn ra quốc lộ 20 để về Sài Gòn. Riêng Trung úy Joeffrey được điều trị vết thương gãy chân và trao trả sau này.

Toàn bộ lực lượng ta cấp tốc hành quân trở về chiến khu Đ, kịp thời phối hợp cùng các đơn vị tại chỗ tổ chức đánh địch bẻ gãy trận càn của 4.000 quân Pháp vào căn cứ.

Chiến thắng La Ngà là thắng lợi lớn diệt gọn đoàn xe quân sự địch, bắt sống tù binh, gây ảnh hưởng tốt, có tiếng vang trong nước và thế giới.

Đây là trận đánh giao thông giành thắng lợi lớn về quân sự. Qua báo chí và lời kể của hành khách đi theo đoàn xe, nhân dân vùng tạm chiếm hiểu được chính nghĩa của cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, không dễ dàng bị lừa bịp bởi các luận điệu tuyên truyền của thực dân và tay sai. Nhiều sĩ quan, binh lính Pháp trước tinh thần nhân đạo cách mạng của bộ đội, nhận thức được tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược mà họ bị bắt buộc tiến hành. Không ít người sau này thoát ly theo Việt Minh kháng chiến và chống chiến tranh xâm lược của Pháp. Sau chiến thắng La Ngà, nhiều thanh niên trong vùng



tạm chiếm tình nguyện ra chiến khu, bà con vùng tạm chiến vận động nhau mua lương thực, thuốc men, chuyển ra ủng hộ kháng chiến.

#### ***4. Biên Hòa, nơi sản sinh cách đánh đặc công***

Bị thất bại ở chiến trường Việt Bắc thu đông 1947-1948, thực dân buộc phải chuyển hướng chiến lược từ đánh nhanh thắng nhanh sang bình định Nam bộ, "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt giết người Việt". Trên chiến trường miền Đông và Biên Hòa, tướng De Latour đã cho thực hiện chiến thuật "điểm và đường". Địch cho xây dựng một hệ thống đồn bót, tháp canh dọc các Quốc lộ 1, 15, 20, Tỉnh lộ 24, 16, nhằm bảo vệ giao thông của chúng, cắt đứt giao thông vận chuyển của kháng chiến. Tháp canh của Pháp gồm hai loại: tháp canh con (tháp nhỏ) cao từ 6 đến 8 mét do 1 bán đội canh giữ; tháp canh lớn (tháp mẹ - tour de la mère) cao từ 10 đến 12 mét do 1 tiểu đội canh giữ. Các tháp canh được xây bằng tường hoặc đá, độ dày từ 0,6-0,8 mét, chia làm ba tầng, tầng trên cùng có nhiều lỗ châu mai. Các tháp canh cách nhau khoảng 300 mét tùy theo địa hình, có cái chỉ cách nhau 100, 150 mét để có thể bắn hỗ trợ lẫn nhau khi bị tấn công.



*Trung đoàn đặc công 113 chiếm lĩnh trận địa. Ảnh: tư liệu*

Địa hình xung quanh các tháp canh đều được địch phát trồng, ban đêm có đèn soi, do đó việc đến gần tháp canh rất khó. Với độ cao của tháp canh, địch có lợi thế quan sát xa. Tường tháp canh lại dày, lực lượng vũ trang của ta chưa có vũ khí để công phá tường tháp. Địch cho tháp canh là rất an toàn. Dựa vào ưu thế này, thực dân Pháp còn dùng tháp canh như một phương tiện để mở rộng lấn chiếm vùng căn cứ, du kích, lấn chiếm đến đâu địch cho xây tháp canh đến đó. Chiến thuật tháp canh của Pháp còn được gọi là chiến thuật "tầm ăn lá dâu", "vết dầu loang" hay "chiến thuật De Latour".

Tính đến tháng 6/1949, ở miền Đông (cả Sài Gòn, Chợ Lớn, Khu 8), địch đã xây dựng được 200 tháp canh. Hệ thống tháp canh của Pháp gây cho ta nhiều khó khăn, việc di chuyển qua lại trên đường của ta bị địch khống chế. Trên chiến trường miền Đông, theo sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh khu 7, nhiều tỉnh như Thủ Dầu Một, Bà Rịa... đều tổ chức nghiên cứu đánh tháp canh. Có nơi dùng vũ trang kết hợp binh vận; có nơi dùng hỏa công bằng cách dùng bụi nhùi cột vào đuôi trâu đốt cháy rồi lừa vào tháp canh; có nơi đào hào cho nước vào đồn..., nhưng tất cả đều không thành công. Đánh hạ tháp canh trở thành bài toán khó. Trong lúc đó, đội du kích huyện Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy, dựa vào cơ sở nhân dân đã điều nghiên khá kỹ tháp canh cầu Bà Kiên trên tỉnh lộ số 16 và nhận thấy:

\* Muốn đánh được tháp canh phải lọt vào tiếp cận tháp canh, bằng cách lợi dụng sơ hở của địch khi đổi gác, đốt thuốc...

\* Phải hóa trang cho tiếp với màu đất xung quanh tháp, mắt không hướng lên khi địch soi đèn.

\* Sử dụng thang để lên tháp canh ném lựu đạn vào lỗ châu mai. Ông chọn một cây độc mộc trong căn cứ, cho vài du kích leo lên cây soi đèn xuống các hướng, bên dưới du kích tập bò vào, rút kinh nghiệm làm lại nhiều lần đến khi người ngồi trên cây không phát hiện được người phía dưới khi đã vào sát tường. Đêm 18 rạng 19/3/1948, tổ du kích Tân Uyên do Trần Công An, Hồ Văn Lung, Trần Văn Nguyên lên đường đánh tháp canh, vũ khí gồm 1 súng trường, 8 lựu đạn (1 của Mỹ, 7 tự tạo) và một chiếc thang cây (dùng để hái trà, mượn của nhân dân). Cả ba du kích ở trần, dùng bùn non bôi lên người. Các anh vượt qua hàng rào quanh tháp, áp thang vào tường (hai đầu thang có bọc vải để không gây tiếng động). Cả ba anh đều leo lên thang, dùng lựu đạn đánh vào cả ba tầng tháp canh. Toàn bộ 11 tên lính trong tháp đều bị chết, ta thu 8 súng và 20 lựu đạn. Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên gây tiếng vang lớn. Lần đầu tháp canh Đờ La-tua bị đánh hạ. Với lối đánh bí mật, tiếp cận, lợi dụng sơ

hở của địch để tiến công mục tiêu, du kích Tân Uyên, Biên Hòa đã mở ra một cách đánh mới để hạ thấp canh. Cách đánh đó đòi hỏi lòng gan dạ, dũng cảm, trí thông minh, sáng tạo biết khắc phục khó khăn, biết tìm sơ hở của địch mà đánh.

Tháng 11/1949, Bộ Tư lệnh khu 7 mở hội nghị quân sự toàn khu tại Tân Hòa để bàn về chuyên đề đánh thấp canh. Từ kinh nghiệm trận đánh thấp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên, hội nghị đã rút ra nhiều kinh nghiệm quý để từng bước hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu, tiếp cận mục tiêu, hóa trang và vượt các chướng ngại... Đồng thời Bộ tư lệnh chỉ đạo cho Binh công xưởng nghiên cứu, chế tạo thành công mìn FT có khả năng phá được tường thấp canh. Công tác huấn luyện cách đánh thấp canh được tiến hành tại chiến khu Đ với du kích Tân Uyên làm chiến sĩ mẫu. Đêm 22/3/1950, ba trăm chiến sĩ, du kích chia làm 50 tổ đánh cùng lúc 50 tháp canh trên các Quốc lộ 1, 16, liên tỉnh 16, 24... Các tháp canh đều bị đánh thủng một lỗ to từ 0,8 mét đến 1,5 mét. Sau trận đánh, Bộ Tư lệnh khu 7 tiếp tục rút kinh nghiệm, chỉ đạo cải tiến vũ khí bằng cách đánh bồi thêm một quả mìn bê-ta khi tường tháp bị đánh thủng.

Đêm 19/4/1950, tổ đánh thấp canh của Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy với FT và bê-ta, đánh sập hoàn toàn tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ hai. Sau đó, tháng 5/1950, tổ lại đánh sập tháp canh Vàm Giá (Quốc lộ 14). Với trận Vàm Giá, kỹ thuật đánh thấp canh đã hoàn thiện. Hội nghị quân sự Khu 7 năm 1950 đã kết luận cách đánh thấp canh bằng cách tiếp cận mục tiêu, dùng mìn FT+bê-ta là cách đánh đặc công.

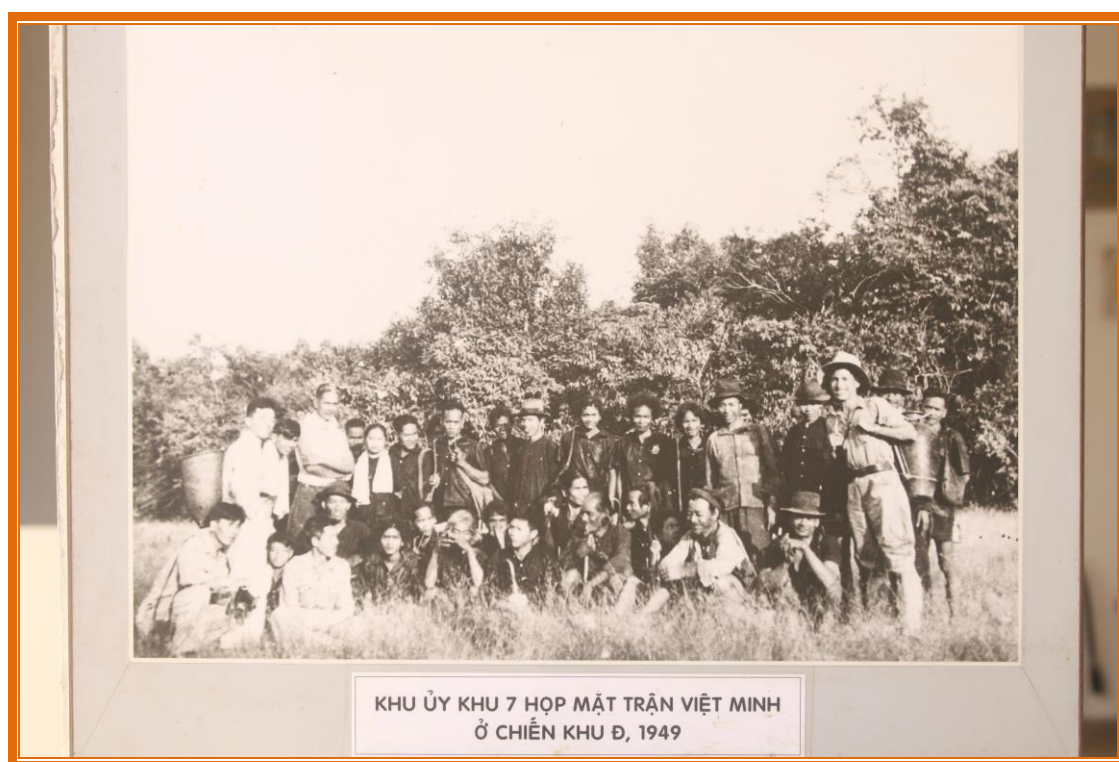
Ngày 25/5/1950, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa được thành lập, được công nhận là đại đội đặc công đầu tiên ở Nam bộ. Kỹ thuật đặc công từ Biên Hòa được phổ biến ra khắp miền Đông, góp phần đánh bại chiến thuật Đờ La-tua của Pháp. Từ 1952, cách đánh đặc công được phổ biến về miền Tây Nam bộ.... Nhiều trận đánh đặc công đã đạt hiệu suất cao, nhất là đánh vào kho tàng, cơ quan đầu não của địch như đánh kho Phú Thọ, sân bay Gia Lâm, Cát Bi, đánh đội A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ... Như vậy từ Biên Hòa, cách đánh đặc công đã ra đời, đó là kết quả của phong trào du kích phát triển cao với tinh thần sáng tạo trong chiến đấu và chế tạo vũ khí thích hợp. Biên Hòa cũng là nơi xây dựng đơn vị đặc công đầu tiên ở Nam bộ. Ngày 19/3/1948 sau này được lấy làm ngày truyền thống của binh chủng Đặc công.

### ***5. Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất***

Suốt chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, câu "Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất" là lời đánh giá của kẻ thù với một vùng căn cứ cách mạng ở Biên Hòa, thể hiện rõ vai trò, vị trí và sự lợi hại của căn cứ này với toàn bộ

cuộc kháng chiến ở miền Đông và Nam bộ. Khởi phát của căn cứ địa cách mạng Chiến khu Đ là các xã Mỹ Lộc, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An của huyện Tân Uyên (nay thuộc tỉnh Bình Dương).

Nơi đây từ năm 1940, đã hình thành đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa của tỉnh Biên Hòa. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, đội du kích do ông Nguyễn Văn Quỳnh (Chín Quỳnh) chỉ huy rút vào khu vực rừng Tân Uyên, bảo toàn được lực lượng cho đến khi Cách mạng tháng Tám thành công. Khi thực dân Pháp chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa (25/10/1945), một bộ phận của Ủy ban kháng chiến miền Đông do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy về Tân Tịch, kết hợp cùng đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa và trại du kích Vĩnh Cửu, hình thành Vệ quốc đoàn Biên Hòa. Tháng 12/1945, Chiến khu 7 ra đời do Nguyễn Bình làm Tư lệnh về đóng tại Lạc An.



*Khu ủy khu 7 họp Mặt trận Việt Minh ở rừng Chiến khu Đ  
(ảnh tư liệu)*

Tháng 2/1946, sau hội nghị quân sự khu Đông, Bộ tư lệnh quyết định xây dựng căn cứ địa và đặt tên là Chiến khu Đ (theo thứ tự vùng căn cứ A, B, C, Đ) trung tâm là xã Lạc An. Từ tháng 3/1946, Bộ tư lệnh Khu 7 dời về Đông Thành, Chiến khu Đ trở thành căn cứ địa kháng chiến của tỉnh Biên Hòa. Phạm vi Chiến khu Đ gồm 5 xã, nam giáp sông Đồng Nai, bắc giáp sông Bé, tây giáp Tỉnh lộ 16. Chiến khu Đ là nơi đóng cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa, Thủ Biên; các cơ quan Dân, Chính, Đảng của tỉnh, của huyện Tân Uyên; Chi đội 10, Trung đoàn 310, liên trung đoàn 301-310 cùng

các cơ quan Bình công xưởng, Quân nhu với một hệ thống sản xuất gồm các nông trường ở Lạc An, vàm Sông Bé, Giáp Lạc... Rừng bao la, dày đặc, nhiều suối với đủ loại cây, trái rừng, củ rừng (củ từ, củ nân, củ mài...), xen kẽ những trảng trống và đủ loại thú rừng từ voi, hổ, báo, bò rừng đến nai, hươu, khỉ, các giống chim, thú bò sát; những bàu Cá, bàu Phụng, bàu Sinh... Đó là những quà tặng của thiên nhiên với vùng căn cứ, đảm bảo được một phần nhu cầu lương thực, thực phẩm lúc khó khăn. Rừng chiến khu Đ trải dài từ bắc Biên Hòa đến rừng Tây Nguyên, tạo thành một hành lang nối liền miền Đông Nam bộ với Liên khu 5 và ra hậu phương lớn. Chiến khu Đ lại chỉ cách Biên Hòa - trung tâm chỉ huy đầu não của địch ở miền Đông, Sài Gòn thủ phủ nguy quyền Sài Gòn không xa. Bằng đường giao liên bí mật, công khai, các lực lượng kháng chiến xâm nhập vào các thị xã, thị trấn, vùng tạm chiếm, tiến công các cơ quan đầu não, kho tàng của thực dân.

Từ Chiến khu Tân Uyên, đêm 1/1/1946, các lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông tổ chức tiến công đầu tiên vào các công sở, nơi đóng quân của thực dân Pháp trong tỉnh lỵ Biên Hòa. Đòn tiến công bất ngờ này gây tiếng vang lớn ở Nam bộ. Cuộc kháng chiến nơi chiến khu Đ đã làm nên những nhân vật sống mãi với lịch sử: Huỳnh Văn Nghệ, nhà thơ - chiến sĩ; Nguyễn Văn Quý - người giữ rừng miền Đông suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp và s Chiến khu Đ là hình ảnh một xã hội mới trong kháng chiến 9 năm. Nơi đây, dân quân đoàn kết một lòng chống giặc. Các phong trào văn hóa như nếp sống mới, xóa mù chữ, bỏ tục văn hóa, lao động sản xuất thu hút nhân dân từ các vùng. Cuộc sống mới ở căn cứ đã biến Chiến khu Đ thành biểu tượng của lòng tin vào cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta. Kết hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ (đông xuân 1953-1954), từ Chiến khu Đ, các lực lượng vũ trang chủ lực, địa phương, du kích mở đợt tấn công địch, bao vây, bức rút các đồn bót địch ở Thường Lang, Tân Tịch, Tân Hòa, Mỹ Lộc (huyện Tân Uyên), các đồn bót ven chiến khu như: Phước Hòa, Tân Định, Đại An, Rạch Đông, vây lấn địch mở rộng Chiến khu Đ ra giáp sông Đồng Nai, đường 16 lên giáp Sông Bé. Tại Nhà Nai tháng 8/1954, Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức cuộc mít tinh lớn mừng thắng lợi cuộc kháng chiến. Các lực lượng vũ trang chia tay nhân dân để lên đường tập kết ra miền Bắc, hẹn hai năm sau gặp lại. Chiến khu Đ đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến chống thực dân Pháp. Rừng chiến khu Đ còn đó để chuẩn bị vào cuộc đấu tranh mới.

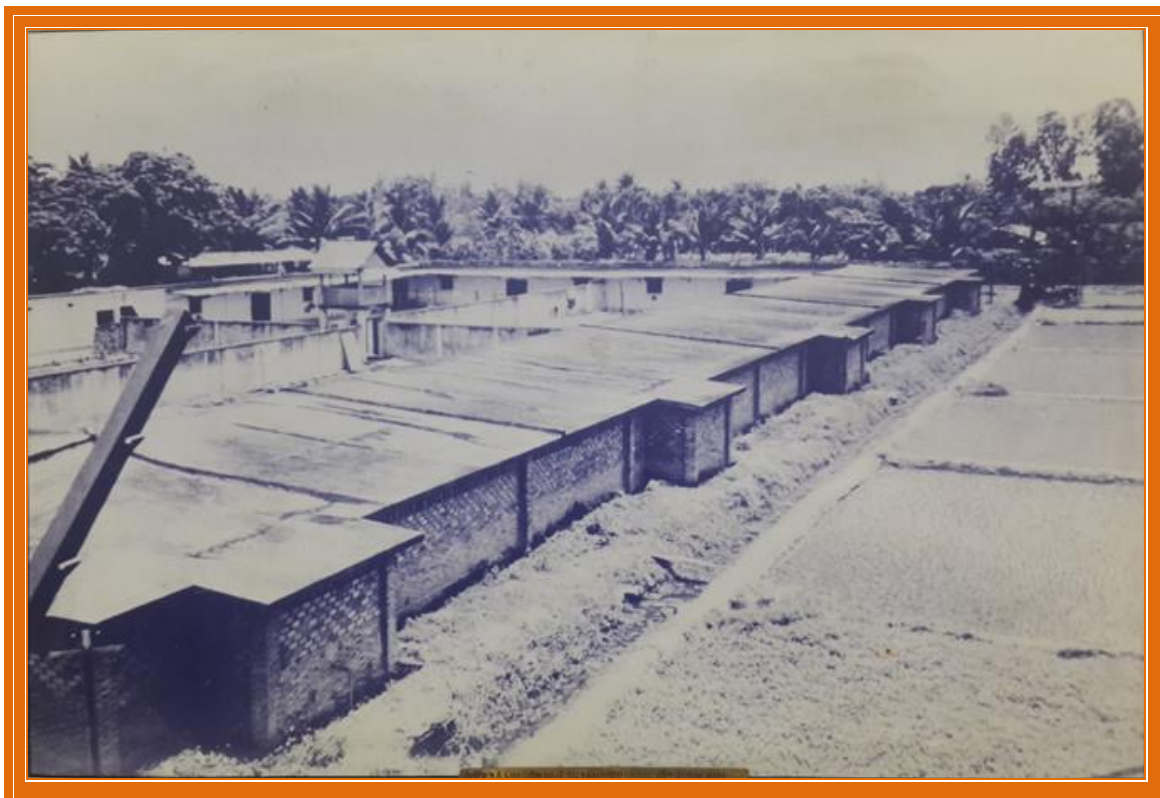
### **III. Kháng chiến chống Mỹ cứu nước**

#### ***1. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp***

Ngay sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ vừa được ký kết (tháng 7/1954), đế quốc Mỹ đã công khai phá hoại. Chúng thiết lập ngay bộ máy cai trị, lập chính phủ bù nhìn, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và tiền đồn chống cộng của chúng ở Đông Nam Á.

Với sự chỉ đạo của quan thầy, ngụy quyền Ngô Đình Diệm liên tục mở các chiến dịch "tố cộng, diệt cộng", mở rộng hệ thống nhà tù để giam cầm, đày ải, truy bức cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở miền Nam. Hàng trăm, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ cách mạng bị địch bắt đưa về giam giữ ở các nhà tù khắp miền Nam, trong đó có nhà tù Tân Hiệp, Biên Hòa.

Nhà tù Tân Hiệp được chúng gọi là "Trung tâm huấn chính" Biên Hòa có diện tích 3.600 mét vuông nằm cạnh Quốc lộ I (đối diện với Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa, thuộc phường Tân Tiến), cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 2 km về phía đông. Đây là một trong 6 nhà tù lớn của địch ở miền Nam lúc bấy giờ. Đến thời điểm tháng 12/1956, số lượng tù nhân bị địch giam giữ ở đây là 1.872 người trong đó có nhiều nhân sĩ trí thức yêu nước nổi tiếng như: Kỹ sư Lê Văn Thả; nhà văn, nhà báo Dương Tử Giang, Trần Ngọc Sơn, Lý Văn Sâm, Nguyễn Văn Mại, Phạm Thị Lạng...



*Nhà lao Tân Hiệp (ảnh tư liệu)*

Đến tháng 11/1956, kế hoạch nổi dậy phá khám Tân Hiệp cơ bản đã hình thành. Đảng ủy nhà tù do đồng chí Nguyễn Duy Đán (Nguyễn Trọng Tâm, nay

là Anh hùng lực lượng vũ trang) làm Bí thư, hạ quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra. Công tác tiến hành được chuẩn bị tuyệt đối bí mật, chặt chẽ và chu đáo. Đội xung kích gồm những đồng chí khoẻ mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Cội, nguyên là Huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng; Lê Minh Toàn chính trị viên. Tổ liên lạc dẫn đường có 6 người do đồng chí Ngô Văn Quảng, nguyên Bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Chuông được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn vượt ngục trở về căn cứ.

Giờ G nổi dậy phá khám được Đảng ủy quyết định vào chiều ngày chủ nhật 2/12/1956. 17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích đều đã ở trong tư thế sẵn sàng. Các tổ áp sát các mục tiêu đã được phân công. Mọi hoạt động của lực lượng chủ công đến giờ phút này vẫn giữ được bí mật hoàn toàn. Trời vào mùa đông, thời tiết se lạnh. Mới 17 giờ 45 phút mà trời đã nhá nhem tối. Một số đồng chí trong các tổ xung kích mình trần, mặc quần đùi đi lại bên ngoài sân trại. Số các tù nhân ở các trại D, E, G là những anh em đã được phổ biến trước đều đứng hoặc ngồi trước cửa, thấp thòm chờ giờ hành động. 17 giờ 50 phút, khi tên lính trực vừa đánh keng báo cho tù nhân vào trại, thì tiếng hô "xung phong" vang dậy khắp nơi. Các mũi xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến các mục tiêu đã được phân công. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Nguyễn Văn Cội trực tiếp chỉ huy đã xông thẳng vào kho vũ khí, bắt trói tên trưởng trạm gác, thu toàn bộ vũ khí trong kho. Cùng lúc, một tổ khác xông vào nhà tên Tính, giám đốc trại giam, khống chế hấn và số lính lái xe, bảo vệ, sau đó tiến vào văn phòng trại giam bắt trói tên thượng sĩ chỉ huy lính bảo an, cắt đứt đường dây điện thoại. Khi lệnh được phát ra, anh em tù nhân từ các trại D, E, G ò ạt chạy về phía cổng. Trước làn sóng người tuôn ra như nước vỡ bờ, tên lính gác bên ngoài cổng chính giương súng bắn một phát, lập tức bị một đồng chí quật ngã và đoạt lấy súng. Dòng người tuôn ra cửa mỗi lúc một đông. Cả một không gian sôi động trong tiếng hô xung phong vang dội, tiếng gọi nhau, tiếng chân rầm rập của hàng trăm người.

Chỉ trong 15 phút đầu, lực lượng xung kích hoàn toàn làm chủ tình hình. Bọn chỉ huy trại giam và toàn bộ lính canh gác bị bất ngờ và vô cùng hốt hoảng, chỉ lo bảo toàn tính mạng nên chưa có hành động nào chống trả. Theo chủ trương của Đảng ủy là không giết một tên lính nào nhằm hạn chế việc khủng bố, trả thù của địch đối với những anh em còn ở lại hoặc không ra được. Từ đó, hơn 15 phút sau bọn chúng mới hoàn hồn, vội vã nổ súng và truy đuổi.

Theo kế hoạch, khi đã giải quyết xong các mục tiêu bên trong, lực lượng xung kích nhanh chóng rút ra ngoài triển khai chốt chặn ở hai đầu đường Quốc

lộ I, dùng súng cướp được bắn áp chế các tháp canh xung quanh vòng rào để anh em tiếp tục chạy thoát. Song thực tế do có sự ùn tắc ở cổng chính, nên phương án trên không thực hiện được. Mặt khác, trong hoàn cảnh phải giữ bí mật tuyệt đối nêu việc phổ biến kế hoạch tác chiến gặp nhiều khó khăn, thiếu cụ thể, nên có trường hợp nhiều tổ xung kích cùng tiến công một mục tiêu. Tuy vậy tất cả các mục tiêu chính như: kho súng, nhà giám đốc, văn phòng trại giam... lực lượng ta đều vào được và khống chế bọn địch ngay từ phút đầu. Trước các làn đạn phản kích, bắn xối xả của địch, một số anh em ta chạy ra sau bị trúng đạn hy sinh (22 người) và bị thương khá nhiều, nằm trước cổng trại, sân banh và ven bờ suối. Trong số đó có nhà báo, nhà thơ Dương Tử Giang.

Cuộc nổi dậy phá khám diễn ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 phút, toàn bộ số tù nhân còn lại đều bị gom vào lại các trại. Do điện thoại ở nhà tù bị cắt đứt ngay phút đầu, tên phó giám đốc trại giam phải lùn lách hốt hoảng chạy bộ đến Bộ Tư lệnh sư đoàn dã chiến số 4 (cách đó khoảng 1 km) để cấp báo và xin cứu viện. Vì vậy một giờ sau cuộc nổi dậy, địch mới báo động được các nơi trong thị xã. 19 giờ, bọn lính Sư đoàn 4 dã chiến mới tới được trại giam cùng với bọn bảo an, hiến binh lo ổn định tình hình và nhận lệnh truy đuổi. Trong bóng đêm dày đặc, quang cảnh trại giam sau cuộc nổi dậy trở nên xơ xác, đượm bầu không khí căng thẳng, ngột ngạt.

Hơn 1.000 tù nhân còn lại trong các trại trung tâm ở trong tâm trạng lo lắng. Các anh chị vừa mừng lại vừa lo. Mừng vì biết rằng có thêm nhiều đảng viên, cán bộ trung kiên thoát được ra ngoài là nguồn lực bổ sung cho cách mạng đang trong thời kỳ khó khăn ác liệt. Lo là không biết rồi đây số phận những người còn lại sẽ như thế nào? Ngay từ bây giờ anh chị em phải chuẩn bị tư tưởng để tiếp tục đấu tranh với kẻ thù trong tình thế mới. Trước mắt là chịu đựng sự trả thù tàn bạo mà chắc chắn địch sẽ thực hiện. Bên ngoài trại giam, 22 thi thể đồng chí hy sinh và 6 người bị thương nặng nằm rải rác ngay trước cổng trại, sân banh và ven bờ suối Đồng Tràm. Sau khi thoát khỏi trại giam, các đồng chí đã chia làm nhiều đoàn để tìm về căn cứ và các cơ sở cách mạng ở các địa phương trong toàn miền. Mặc dù địch tăng cường lực lượng truy đuổi bố ráp gắt gao, một số đồng chí đã anh dũng hy sinh hoặc kiệt sức trên đường chạy, nhưng nhờ sự đùm bọc che chở của nhân dân, sự chuẩn bị của tổ chức Đảng cơ sở bên ngoài, không một ai nản lòng thoái chí. 462 đồng chí thoát được, trong đó có hai nữ (Nguyễn Thị Lý và Vũ Thị Thọ) đã trở về được với Đảng, với dân.

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp ngày 2/12/1956 là một nét son chói lọi, là sự tiếp nối truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng và của nhân dân ta.



## ***2. Trận đánh Mỹ đầu tiên ở miền Nam Việt Nam tại Biên Hòa***

Vào ngày 07/7/1959, tại Biên Hòa đã diễn ra một trận đánh táo bạo của quân dân cách mạng Biên Hòa vào Đoàn cố vấn Quân sự Mỹ tại Nhà Xanh (nay thuộc phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa).



***Di tích Nhà Xanh - Nơi diễn ra trận đánh Mỹ đầu tiên ở miền Nam Việt Nam (nay thuộc phường Thống Nhất, Biên Hòa (ảnh tư liệu)***

Năm 1907, công ty kỹ nghệ và lâm nghiệp Biên Hòa (gọi tắt là BIF: Bien Hoa Industrielle et Forestiere) được thành lập trên cơ sở trại cưa của Blonded (Blông-den) - đây là một cơ sở công nghiệp đầu tiên ở tỉnh Biên Hòa. Từ năm 1912 đến năm 1945, khu Nhà Xanh là một biệt thự Pháp được dùng làm văn phòng BIF. Trong giai đoạn 1945 - 1954, Nhà Xanh được quân Pháp sử dụng làm Sở chỉ huy tiểu khu Biên Hòa.

Từ năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành nhiều hoạt động khủng bố phong trào cách mạng miền Nam. Đặc biệt, vào tháng 5 tháng 1959, khi luật 10/59 “Đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật” được ban hành, phong trào cách mạng ở miền Nam Việt Nam được xem như “bị chìm trong biển máu”. Để quốc Mỹ đã lộ rõ bản chất xâm lược ở miền Nam, chúng tăng cường viện trợ kinh tế, quân sự và đưa cố vấn quân sự, làm nhiệm vụ huấn luyện quân đội Sài Gòn. Chính quyền Sài Gòn sử dụng biệt thự Nhà Xanh làm cư xá cho đoàn cố vấn quân sự Mỹ tại Biên Hòa. Khu vực Nhà Xanh được rào chắn bảo vệ bởi

nhiều lớp dây kẽm gai, nằm trong thế bảo vệ nghiêm ngặt, được định đánh giá là địa điểm an toàn lý tưởng.

Qua gợi ý của Thị ủy Biên Hòa, Tỉnh ủy miền Đông quyết định tổ chức một trận tập kích vào đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) tại Nhà Xanh, Biên Hòa. Thực hiện trận đánh là phân đội đặc công gồm 6 đồng chí Hoa, Huê, Phú, Bé, Sắc, Hưng do đồng chí Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa)- đại đội phó đại đội C250 chỉ huy.

Ngày tiến công được chọn là 07/7/ 1959 - ngày chính quyền Sài Gòn tổ chức lễ kỷ niệm 5 năm chấp chính của tổng thống Ngô Đình Diệm. Thực hiện trận đánh này, lực lượng cách mạng Biên Hòa phối hợp với phân đội đặc công, các cơ sở cách mạng tại Gò Me điều nghiên kỹ càng, chuyển vũ khí, ém quân tiếp cận mục tiêu.

Lúc 19 giờ ngày 07/7, phân đội đặc công hóa trang thành lính đi tuần tiến về khu cư xá. Sau khi diệt tên gác cổng, phân đội chia làm ba mũi (mỗi mũi 2 người) áp sát, tấn công vào đoàn cố vấn Mỹ đang trú đóng trong khu biệt thự. Mũi thứ nhất ém quân sau cánh cửa sổ tầng trệt chĩa súng bắn vào. Mũi thứ hai núp sau cửa sổ chân cầu thang dùng súng máy tấn công. Mũi thứ ba gồm đồng chí Huê và Sắc dùng mìn điện đưa vào bên trong biệt thự. Đồng chí Huê chấp nhận hy sinh, ôm quả mìn lao vào phía trong hô to “châm điện“ để đồng chí Sắc kích điện cho nổ. Trong lúc đó, đội biệt động thị xã Biên Hòa kịp thời phối hợp không chế kho súng và trại gia binh. Các đồng chí trong phân đội đặc công sau trận đánh chớp nhoáng rút về căn cứ an toàn. Kết quả trận đánh táo bạo này, quân cách mạng tiêu diệt hai cố vấn Mỹ là thiếu tá Bael Buis và trung sĩ Chester Ovmand, bắn bị thương đại úy Howard B. Boston.

Đây là trận tấn công đầu tiên của quân dân cách mạng Việt Nam vào quân đội Mỹ khi chúng can dự vào tình hình Việt Nam. Trận đánh đã gây nên tiếng vang dư luận trong và ngoài nước. Chính quyền Mỹ - Diệm tung lực lượng cảnh sát, mật vụ truy tìm nhưng vẫn không điều tra được gì. Cố vấn Mỹ Buis và Ovmand là hai người lính Mỹ được xem là đầu tiên chết trận trong cuộc chiến của đế quốc Mỹ ở Việt Nam. Người chiến sĩ Nguyễn Văn Huê hy sinh anh dũng trong trận đánh được Nhà nước truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

### ***3. Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hòa***

Tháng 9/1964, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đẩy mạnh tiến công và nổi dậy: tiến lên giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một vài năm tới.

Ngày 10/10/1964, Quân ủy quân sự Trung ương chỉ thị mở đợt hoạt động mùa khô 1964 - 1965 trên khắp chiến trường miền Nam nhằm tiêu diệt một bộ phận chủ lực ngụy, kết hợp tiêu hao rộng rãi, thúc đẩy sự tan rã của lực lượng địch, phá áp chiến lược, phá thế kìm kẹp, giành thêm nhiều nhân lực, mở rộng vùng giải phóng, thu hẹp vùng kiểm soát của địch, đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, làm tăng thêm sự khủng hoảng chính trị và mâu thuẫn nội bộ địch.

Bộ Chỉ huy quân sự Miền Nam (B2) chủ trương mở chiến dịch tiến công tiêu diệt địch, mở rộng vùng giải phóng. Hướng tập trung là các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh.

Tháng 10/1964, Tỉnh ủy Biên Hòa tiến hành Đại hội tại căn cứ Suối Cả (Long Thành). Kể từ 1954, đây là lần đầu tiên Biên Hòa tổ chức Đại hội tỉnh Đảng bộ. Đồng chí Phan Văn Trang (Năm Trang) được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Trước tình hình mới, khả năng đế quốc Mỹ tăng cường chiến tranh, đưa quân Mỹ trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy Biên Hòa tập trung chỉ đạo việc phát triển lực lượng, chuẩn bị nhân tài, vật lực để đánh Mỹ trên mọi mặt trận, mọi lúc.

Từ tháng 10/1964, phối hợp với các lực lượng trinh sát Miền, Tỉnh ủy, Thị ủy Biên Hòa chỉ đạo kết hợp điều nghiên địa hình, bố phòng sân bay Biên Hòa và chuẩn bị trận địa cho lực lượng pháo binh Miền và quân khu tấn công địch.



*Sân bay Biên Hòa sau trận pháo kích ngày 31.10.1964 (Ảnh tư liệu)*

Sân bay Biên Hòa cách Sài Gòn 30 km về phía Đông Bắc là một trong những sân bay quân sự lớn nhất của Mỹ - ngụy ở miền Nam, rộng khoảng 49 km<sup>2</sup> với 2 đường băng dài 3.600 mét và 1.000 mét. Sân bay được trang bị hệ thống radar, hệ thống chỉ huy liên lạc tối tân. Bên trong sân bay có 6 khu rộng chứa từ 170 – 190 máy bay, thường xuyên có 500 sĩ quan, phi công, nhân viên kỹ thuật và hàng trăm binh lính Mỹ - ngụy đồn trú bảo vệ. Hệ thống phòng thủ sân bay được địch bố trí kiên cố và nghiêm ngặt gồm nhiều lớp hàng rào kẽm gai với chiều rộng gần 1 km, bãi mìn, lựu đạn dày đặc và nhiều lô cốt, bót gác xung quanh. Ban đêm, sân bay được soi sáng bằng một hệ thống đèn pha cực mạnh. Lực lượng bảo vệ sân bay gồm đại đội pháo binh, một đại đội xe tăng, một tiểu đoàn quân khuyển (100 con chó béc giê). Bên cạnh sân bay là sở chỉ huy quân đoàn 3 ngụy, bên ngoài sân bay có một tiểu đoàn quân Mỹ và một tiểu đoàn lính bảo an ngụy thường xuyên tuần tra canh gác.

Bộ chỉ huy Miền chỉ định các đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã) và Nguyễn Văn Bứa (Hai Hồng Lâm) tổ chức chỉ huy trận đánh. Huyện ủy Vĩnh Cửu huy động gần 100 dân công tham gia tải đạn từ chiến khu Đ để phục vụ cho trận đánh.

Lực lượng tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu gồm một đại đội cối 81 (7 khẩu), một đại đội DKZ 75 (2 khẩu) của Miền kết hợp một đại đội cối 81 (3 khẩu), một trung đội đặc công tiểu đoàn 800 của quân khu miền Đông (T1), đại đội địa phương tỉnh Phước Thành và lực lượng vũ trang huyện Vĩnh Cửu, thị xã Biên Hòa.

Chiều 31/10/1964, từ căn cứ chiến khu Đ, các đơn vị xuất phát, bí mật hành quân đến vị trí tập kết, bố trí trận địa tại Hóc Bà Thúc (phường Tân Phong) phía Đông - Bắc sân bay Biên Hòa.

23 giờ 30 đêm 31/10/1964, pháo cối ta bắt đầu cấp tập bắn vào sân bay. Từng cụm lửa bốc cháy sáng rực cả một góc trời. Cả thị xã Biên Hòa và các vùng phụ cận rung lên vì những tiếng nổ long trời lở đất. Chỉ trong vòng 15 phút gần 130 quả đạn cối rơi gọn và chính xác xuống các mục tiêu, phá hủy 59 máy bay, trong đó có 21 máy bay B57, loại máy bay tối tân của Mỹ lúc bấy giờ mới đưa từ Philipin chuẩn bị gây tội ác ở miền Bắc, 11 máy bay AD6, 1 máy bay do thám (U2), diệt và làm bị thương 253 tên địch, thiêu hủy và nổ tung hoàn toàn 2 kho đạn lớn, 1 kho xăng, 1 đài quan sát và 18 căn trại lính. Địch không kịp phản ứng, ta rút về căn cứ an toàn.

Sáng ngày 1/11/1964, Tay - lơ đại sứ Mỹ từ Sài Gòn tức tốc đến sân bay Biên Hòa, thốt lên: “Rõ ràng Việt Cộng làm một việc chưa hề có...” và “Tôi

không muốn nhìn thấy cảnh tượng này nữa”. Báo Thế giới Tây Đức nhận xét rằng: “Trận đòn của Việt Cộng đánh vào sân bay của Mỹ ở Biên Hòa làm cho các nhà quân sự ở Hoa Thịnh Đốn rất đau đầu. Người ta cho rằng không còn có gì thêm nữa, Việt Cộng cũng có khả năng lập lại cuộc tấn công như vậy vào các vị trí quan trọng khác trong khi không bị thương vong một người nào. Việt Cộng ở Biên Hòa đã thực hiện một điều lý tưởng về chiến thuật quân sự là dùng phương tiện tối thiểu để thu được kết quả tối đa và gây tác hại hàng chục triệu đô la cho không quân Mỹ”.

Đây là một trận đánh táo bạo, bất ngờ. Lần đầu tiên, pháo binh Miền đã tận dụng yếu tố bí mật, kết hợp với lực lượng địa phương và phong trào quần chúng, mở đầu hàng loạt trận pháo kích vào các mục tiêu chiến lược quan trọng của Mỹ - ngụy.

Chiến thắng tại sân bay Biên Hòa làm nức lòng quân dân cả nước.

#### ***4. Đặc công đánh căn cứ, kho tàng Mỹ ngụy ở Biên Hòa***

##### ***4.1 Đánh kho Long Bình.***

Tổng kho Long Bình diện tích khoảng 24 km<sup>2</sup>, nằm cách Sài Gòn về phía đông 20 km, thành phố Biên Hòa 7 km. Trong tổng kho Long Bình có Bộ tư lệnh dã chiến II Mỹ, Bộ tư lệnh hậu cần số 1 của Mỹ, đồng thời là kho bom, đạn lớn của Mỹ ở miền Nam Việt Nam được xây dựng từ giữa năm 1965. Lực lượng Mỹ - Ngụy thường xuyên có 2.000 tên.

Tổng kho địch tổ chức phòng thủ chặt chẽ, bao bọc xung quanh từ 7 đến 12 lớp rào kết hợp gai mìn trái. Các lô cốt tiền duyên cách nhau 30 – 40 mét nằm cách lớp rào cuối cùng từ 40 – 50 mét. Bên trong có nhiều tuyến hào nối các lô cốt, đường đi, lối lại ngang dọc, hai bên đường đều rải hàng rào kẽm gai.

Hai khu kho quan trọng trong tổng kho là khu kho đồi 50 và đồi 53, có 18 dãy nhà kho với khoảng 200 gian chia làm 3 khu (mỗi khu 6 dãy), mỗi dãy cách nhau 100 mét, các nhà cách nhau 60 mét. Nhà kho xây hình khối chữ nhật ( 30m x 25m x 5,5m), cửa thép có khóa sắt, xung quanh có ụ đất dày 4 – 5 mét.

Ngày 22/6/1966, 6 chiến sĩ đặc công chia làm 3 tổ: Tổ 1 do Nguyễn Tấn Vàng tổ trưởng, tổ 2 do Nguyễn Văn Thái tổ trưởng, tổ 3 do Bùi Văn Hòa tổ trưởng, vượt rào và chường ngại vật tiếp cận khu kho đồi 53 đặt mìn có gắn kíp nổ hẹn giờ bằng đồng hồ.

Sáng 23/6, khu kho đồi 53 bắt đầu nổ, toàn bộ khu kho trùm trong khói lửa. Các phương tiện cứu hỏa của địch đều bất lực. Trận đánh gây thiệt hại nặng cho địch, hủy diệt 40.000 quả đạn pháo các loại của Mỹ.



*Trận đánh Tổng kho Long Bình năm 1966 (ảnh sưu tầm)*

Đây là trận tiên công đầu tiên của đặc công Biên Hòa vào tổng kho Long Bình, mở đầu cho hàng loạt trận đánh sau này. Trận đánh giành thắng lợi lớn và được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương quân công giải phóng hạng III và 4 huân chương chiến công giải phóng.

Để phối hợp với chiến trường chung, đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của đế quốc Mỹ (1965 - 1966; 1967 - 1968), Tỉnh đội Biên Hòa U1 chỉ đạo đặc công tỉnh liên tục tiến công vào kho Long Bình. Phương châm đánh là táo bạo, chắc, đánh bồi, phá hủy bom đạn, phương tiện chiến tranh của địch. Cuối năm 1966, đặc công U1 đã bí mật tiến công 3 lần (các tháng 10, 11, 12) vào tổng kho Long Bình, hủy diệt 353.000 đạn pháo và các loại bom của địch. Loạt trận đánh này thể hiện sự dũng cảm, mưu trí, sáng tạo và quyết tâm cao của đặc công U1, được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương quân công hạng II.

Đêm 3/2/1967, đặc công U1 lại đột nhập khu kho đôi 53 đặt mìn hẹn giờ. Bốn mươi dãy kho bị nổ tung với 800.000 quả đạn pháo các loại. Một tổ đặc công U1 từ chốt Bình Trị, Hóa An đột nhập vào sân bay quân sự Biên Hòa đặt mìn làm nổ tung kho chứa nhiên liệu, đốt cháy 10 triệu lít xăng dầu.

#### *4.2 Những trận tấn công của quân cách mạng vào kho vũ khí Thành Tuy Hạ ở Nhơn Trạch*

Thành Tuy Hạ là kho dự trữ bom đạn lớn của Mỹ ở miền Nam, là kho trung chuyển các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh. Kho vũ khí Thành Tuy Hạ do người Pháp xây dựng, dùng để cất giữ các loại phương tiện chiến tranh, có quy mô nhỏ. Về sau, Thành Tuy Hạ được người Mỹ đầu tư sửa chữa, nâng cấp và mở rộng, biến thành một kho chứa các loại vũ khí, đạn dược phục vụ cho cuộc chiến ở miền Nam Việt Nam.

Kho vũ khí Thành Tuy Hạ nằm về phía Đông Nam Sài Gòn khoảng 18km, giữa hai tỉnh lộ 25 và 19 thuộc quận Nhơn Trạch, tỉnh Biên Hoà (nay là huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai). Kho có chiều dài 1,5km, rộng 1km. Phía bắc, sát hàng rào kho có tỉnh lộ 25 từ cảng Cát Lái xuống kho tổng kho Long Bình. Con sông Sâu chảy song song với tỉnh lộ 17 từ Cát Lái đổ vào sông Đồng Nai, bờ phía nam của sông có 3 cảng cách nhau từ 200-500m. Tàu trọng tải 6 vạn tấn ra vào dễ dàng. Phía đông kho giáp rừng cao su, rừng chồi Phú Hội, có nhiều trảng trống. Phía nam có nhiều khoảng rừng trống, ruộng và các ấp chiến lược: Soài Minh, Ông Kèo nằm ven tỉnh lộ 19. Phía tây là ấp chiến lược Phước Lý và tỉnh lộ 19.

Bao bọc quanh kho là 14 lớp hàng rào kẽm gai tổng hợp, chia làm 3 tuyến phòng thủ. Mỗi tuyến đều có hệ thống lô cốt, hầm hào và nhiều chướng ngại vật. Lực lượng bảo vệ gồm 1 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn công binh, 1 trung đội cảnh sát, 10 chó béc giê, 1 xe jeep có gắn đại liên. Kho còn được sự yểm trợ của lực lượng giang thuyền gồm 18 chiếc từ Nhà Bè, Cát Lái. Ngoài ra còn có lực lượng của Quân đoàn 3, căn cứ Nước Trong, sân bay Biên Hoà... sẵn sàng chi viện khi kho bị tấn công.

Đêm 11/11/1972, tổ đặc công thuộc Đại đội 32 do Nguyễn Hữu Hoà chỉ huy tấn công phá huỷ 15 kho bom CBU, 17 kho đạn pháo 105 ly, 10.000 tấn bom đạn trong 33 nhà kho. Trận đánh thứ hai diễn ra vào 1 giờ sáng ngày 13/12/1972 do tổ đặc công thuộc Đội 5, Trung đoàn 10 đặc công Rừng Sác thực hiện. 32 khối thuốc nổ được áp sát vào các kho phá huỷ 80 dãy nhà kho chứa gần 18.057 tấn bom bao gồm 47 gian kho đạn pháo 105 ly, 14 gian kho bom CBU, 14 gian chứa các loại bom đạn khác. Trận đánh phá huỷ hoàn toàn 60% kho Thành Tuy Hạ, trong đó có 80% khu kho bom bị phá huỷ, 1 tiểu đoàn địch và bảy chó béc giê bị thiệt hại nặng.

#### *4.3 Đánh địch trên sông Lòng Tàu*

Sau khi thành lập (4/1966) Bộ chỉ huy Đặc khu Rừng Sác quyết định mở đợt tiến công tiêu diệt, tiêu hao một bộ phận sinh lực địch trên sông Lòng Tàu.

Đầu tháng 7/1966, kế hoạch đánh tàu địch trên sông Lòng Tàu được triển khai, lực lượng bố trí ở hai khu: đoạn sông từ ngã ba sông Đồng Tranh đến Đỗ Hòa và đoạn từ sông Lôi Giang đến vàm sông Giàn Xay.



*Trận địa B41 trên sông Lòng Tàu của Trung đoàn 10 Đặc công Rừng Sác phá kích vào kho bom Thành Tuy hạ năm 1972*

Ta bắn cháy một tàu 10.000 tấn và bốn tàu tuần tiễu, hai tàu quét mìn, một tàu hộ tống.

Tháng 8 năm 1966, theo lệnh của Bộ chỉ huy Miền, Đảng ủy, Bộ chỉ huy Đoàn 10 tổ chức trận đánh lớn trên sông Lòng Tàu. Lần đầu tiên, ta sử dụng hai quả thủy lôi K.B, mỗi quả nặng trên một tấn bố trí trận địa ở Vàm ngã Bảy và phối hợp với các trận địa trên bờ. Ba chiếc tàu hàng quân sự của Mỹ từ cảng Vũng Tàu vào sông Lòng Tàu. Mục tiêu chọn đánh là chiếc tàu đi sau cùng mang tên baton ruge Victory. Ngày 23/8/1966, đoàn tàu địch lọt vào trận địa của ta. Ta tiến công và diệt tàu Victory. Địch đã phản kích quyết liệt suốt 7 ngày. Pháo binh Đoàn 10 bám trụ đánh trả, bắn cháy thêm 7 tàu trong đó có chiếc trọng tải 8.000 tấn.



Baton Ruge Victory là tàu vận tải hậu cần của sư đoàn 4 Mỹ đã bị ta đánh chìm trên sông Lòng Tàu mang theo 45 thủy thủ, gần 100 thiết giáp M 113, 3 máy bay phản lực còn trong kiện và một khối lượng quân dụng, lương thực lớn đủ cho 1 sư đoàn Mỹ sử dụng trong cả chiến dịch mùa khô.

### **5. Tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968**

Thất bại trong cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ làm cho chiến lược “chiến tranh cục bộ” của địch đứng trước nguy cơ phá sản.

Tháng 10/1967, Bộ Chính trị ra Nghị quyết “Nhiệm vụ trọng đại cấp bách của ta là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ở hai miền, đưa cuộc cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích - tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định”.

Trung ương Cục miền Nam đề ra kế hoạch tổng công kích - tổng khởi nghĩa ở miền Nam, trọng điểm là Sài Gòn và miền Đông Nam bộ. Mục tiêu là đánh chiếm các thành phố, thị xã, thị trấn; làm tan rã đại bộ phận quân nguy, đánh đổ nguy quyền các cấp; tiêu diệt đại bộ phận quân Mỹ, làm chuyển biến cục diện chiến trường, tiến lên giành thắng lợi quyết định.

Khu miền Đông và Khu Sài Gòn - Gia Định giải thể, tổ chức lại thành 5 phân khu tạo thành 5 mũi tiến công vào Sài Gòn và phân khu 6 thuộc nội đô Sài Gòn. Do có sự bố trí lại trên chiến trường, địa bàn Biên Hòa, gồm có các tổ chức tương đương cấp tỉnh: Phân khu 4, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh và Biên Hòa U1.

Thị xã Biên Hòa được xác định là địa bàn quan trọng ở miền Đông Nam bộ. Đồng chí Lê Đức Anh phó Tư lệnh Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền về căn cứ Bàu Sao (bắc Trảng Bom) triển khai nhiệm vụ, phương án tiến công và nổi dậy ở Biên Hòa.

Bộ chỉ huy cuộc tiến công nổi dậy ở U1 được thành lập do đồng chí Trần Minh Tâm sư trưởng sư 5, tư lệnh. Trần Công An tỉnh đội trưởng U1, phó tư lệnh. Trần Văn An (Sáu An) chính ủy sư đoàn 5, chính ủy. Phan Văn Trang phó bí thư U1, phó chính ủy. Căn cứ Bộ tư lệnh tiền phương Mặt trận đứng chân ở đồi Bà Già (nay thuộc phường Trảng Dài).

Lực lượng tham gia gồm có sư đoàn 5 (trung đoàn 4 và 5), trung đoàn pháo 274; lực lượng địa phương có tiểu đoàn 1 và 2 đặc công U1, biệt động thị xã Biên Hòa, đội vũ trang tuyên truyền thị xã, bộ đội huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom, du kích các xã. Các mục tiêu tiến công: sân bay Biên Hòa, Bộ tư lệnh quân đoàn III nguy, Bộ tư lệnh dã chiến 2 Mỹ, tổng kho Long Bình, Tòa hành chính, Ty cảnh sát Biên Hoà, chi khu Trảng Bom.

Công tác chuẩn bị được tiến hành khẩn trương. Để đảm bảo cho sư đoàn 5 chủ lực Miền, đoàn hậu cần 814 mở các cửa khẩu ở nam - bắc lộ 20; bố trí ba tuyến hậu cần: ở quanh huyện Xuân Lộc, ở Túc Trưng, Vĩnh An, ở Phương Lâm, Trà Cỏ, Định Quán. Trong tháng 1/1968, đoàn 814 đã chuẩn bị được 500 tấn lương thực, 100 tấn thực phẩm và các đồ dùng khác.

Biệt động thị xã Biên Hòa từ Hưng Lộc (Trảng Bom) đưa vũ khí vào nội ô thị xã, xây dựng hầm bí mật ở Gò Me (Thống Nhất), Hiệp Hòa, Bình Đa... dẫn đường cho trinh sát nghiên cứu các mục tiêu trong thị xã Biên Hòa.

Đầu năm 1968, đặc phái viên Trung ương Cục làm việc với phân khu 4, đặc khu Rừng Sác, thành lập Bộ chỉ huy thống nhất. Ngày 26 và 27/1/1968. Thành lập Ban chỉ huy ở mặt trận Bà Rịa - Long Khánh.

Bộ tư lệnh Miền tăng cường cán bộ chiến sĩ thành lập thêm tiểu đoàn 2 (tức tiểu đoàn 440) phụ trách thị xã Long Khánh. Ngày N giờ G được Bộ tư lệnh miền Nam quy định là: 0 giờ đêm 30 rạng sáng 31/1, tức mừng một Tết Mậu Thân xuân 1968.

Tại mặt trận thị xã Biên Hòa: 0 giờ sáng 31/1/1968, trung đoàn 274 pháo binh, với 52 khẩu ĐKB, 30 khẩu 130 ly và 82 ly, 10 khẩu ĐKZ 75 bắn cấp tập vào sân bay Biên Hòa. Tiếng pháo đồng thời là hiệu lệnh tấn công cho các đơn vị tiến đánh các mục tiêu theo kế hoạch. Pháo của đoàn 274 đánh trúng sở chỉ huy sân bay, khu nhân viên kỹ thuật, kho xăng, kho chứa máy bay. Các đơn vị tiếp cận được mục tiêu đồng loạt nổ súng: Tiểu đoàn 1, đặc công U1 trung ương đoàn 4 sư 5 tiến vào sân bay phá hủy 120 máy bay các loại của Mỹ. Địch bắt đầu phản kích bằng xe tăng, máy bay phản lực. Đặc công sư đoàn, đội biệt động thị xã Biên Hòa nổ súng tiến công vào phía tây sở chỉ huy quân đoàn III ngụy.

Sáng 31/1/1968, đặc công sư đoàn và tiểu đoàn 2 của trung đoàn 5 tiến đánh sở chỉ huy Bộ tư lệnh dã chiến 2 của Mỹ ở Long Bình. Địch phản kích gây tổn thất nặng cho lực lượng của ta tại đây.

Tiểu đoàn 2 đặc công U1 bí mật đột nhập vào khu kho bom đạn ở đồi 53, đánh phá hủy 127 dãy kho bom đạn địch, làm chấn động cả Biên Hòa và Sài Gòn.

Rạng sáng 31/1/1968, bộ đội huyện Vĩnh Cửu và 1 đơn vị của sư 5 chủ lực tiến công bao vây chi khu Công Thanh, làm chủ khu vực thị trấn 4 ngày, nhân dân ở Tân Phú, Bình Long nổi dậy diệt ác giành quyền làm chủ. Du kích Thiện Tân, Tân Định, Đại An tiến công đồn bót, diệt bọn dân vệ, ác ôn... Bộ đội

huyện và lực lượng sư 5 bám trụ bắn máy bay, xe tăng địch phản kích, bắn cháy 8 xe tăng, thiết giáp và mở vòng vây vượt sông Đồng Nai về chiến khu Đ.

Bộ đội huyện Trảng Bom tấn công bao vây chi khu Trảng Bom, làm chủ thị trấn, phối hợp nhân dân các xã nổi dậy truy lùng bọn ác ôn.

Khu vực nội ô thị xã Biên Hòa, biệt động, đội vũ trang tuyên, phát động quần chúng, treo cờ, diệt ác ôn ở khu vực Bình Đa, Tân Thành, Gò Me, xã Hiệp Hòa...

Trước sức phản kích mạnh của Mỹ - ngụy, mừng 3 tết (2/2/1968), Bộ chỉ huy mặt trận Biên Hòa ra lệnh rút khỏi thị xã để bảo toàn lực lượng. Nhân dân nội ô thị xã Biên Hòa đã xuống đường tiếp tế lương thực; bảo vệ, cứu chữa nhiều bộ đội bị thương bám trụ trong thị xã. Các lực lượng vũ trang, cán bộ, đảng viên, cơ sở cốt cán của thị xã đã chuyển 250 thương binh vượt vòng vây của địch, qua sông Đồng Nai về chiến khu Đ an toàn.

Trên mặt trận phân khu 4: Rạng sáng ngày 31/1/1968, pháo binh ta nã đạn vào chi khu Long Thành. Bộ đội địa phương tiến công địch ở Nhà Mồ, Phước Long, Cầu Đen, bao vây cuộc canh sát khu vực Phước Hải, phát động quần chúng nổi dậy làm chủ thị trấn Long Thành. Lực lượng du kích các xã tấn công tất cả các đồn bót của địch.

Ở cao su Bình Sơn (Long Thành) chi bộ Đảng lãnh đạo đại đội du kích phối hợp bộ đội cao su, công nhân bao vây địch ở nhà máy, làm chủ suốt 3 ngày liền. Đoàn 10 Rừng Sác tiến công diệt đồn Phú Hữu (Nhơn Trạch), đồn bảo an Lý Nhơn, phát động quần chúng nổi dậy làm chủ ở 6 ấp chiến lược.

Mặt trận Long Khánh: Cuộc tiến công và nổi dậy chậm hơn 1 ngày so với Biên Hòa và phân khu 4. Rạng sáng ngày 2/2/1968, tiểu đoàn 440 tổ chức hai mũi tiến công vào các mục tiêu trụ sở tình báo CIA, tiểu khu Long Khánh, khu chợ, khu thông tin, tập kích dinh tỉnh trưởng, chiếm một số tua, chốt của địch. Cụm pháo của địch ở sân bay thị xã Long Khánh bị phá hủy ngay từ đầu bởi pháo của tiểu đoàn 440.

Từ căn cứ Suối Râm (lộ 2), trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ cho 100 xe tăng phản kích nhằm giải tỏa thị xã Long Khánh. Ta chặn đánh địch quyết liệt, bắn cháy 12 xe.

Tại xã Bảo Vinh A, trung đội dân vệ mang súng trở về với cách mạng, cùng du kích tiến công làm tan rã đơn vị bảo an Bảo Vinh. Tại xã Bảo Bình, du kích cùng nhân dân nổi dậy tiến công bức rút đồn bảo an Suối Cát. Các sở cao

su dọc lộ 1, lộ 2 như Cẩm Mỹ, Ông Quế, Hàng Gòn, Suối Tre... du kích mật, công nhân nổi dậy chiếm khu trung tâm sở.

Đơn vị 502 hậu cần 814 Miền cùng bộ đội huyện tiến công địch ở chi khu Định Quán diệt ác bao vây yếu khu Túc Trưng làm chủ ở xã Túc Trưng 1 tuần lễ.

Vào đợt 3, vào 4 giờ sáng ngày 22/8/1968, từ trận địa xã Phước Lương Nhơn Trạch, 2,5 tấn đạn pháo phản lực ĐKB của Đoàn 10, có sự phối thuộc của trung đoàn pháo 274, lần đầu tiên xuất hiện sát nách Sài Gòn - Gia Định rớt đạn trúng vào dinh Độc Lập, tòa đại sứ Mỹ làm chấn động dư luận trong và ngoài nước.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân dân Biên Hòa, phân khu 4, thị xã Long Khánh hòa cùng khí thế tiến công và nổi dậy toàn Miền là đòn tiến công chiến lược bất ngờ tấn công địch. Lần đầu tiên ta tấn công vào tận hang ổ kẻ thù. Cuộc tiến công và nổi dậy tuy không đạt được mục tiêu “giành thắng lợi quyết định”, giành quyền làm chủ hoàn toàn của dân, nhưng đã thể hiện được tinh thần, quyết tâm của quân dân ta. Cùng toàn miền Nam, cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 của quân dân Biên Hòa, Long Khánh, Phân khu 4 góp phần đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, làm thất bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ - ngụy ở miền Nam Việt Nam.

### ***6. Chiến dịch Xuân Lộc đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy***

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Xuân Lộc - Long Khánh luôn luôn là một trong những trọng điểm "bình định" của Mỹ ngụy ở miền Đông Nam bộ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ địa phương, quân dân Xuân Lộc - Long Khánh đã lập nên những chiến công xuất sắc, đặc biệt trong trận quyết chiến chiến lược mùa xuân 1975, đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy ở phía đông bắc Sài Gòn, góp phần to lớn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.



*Xe tăng quân đoàn 4 tiến công vào thị xã Xuân Lộc, tháng 4.1975*

Cuối tháng 3/1975, trước sức mạnh tiến công và nổi dậy của quân và dân ta trên khắp chiến trường miền Nam, Quân đoàn I và II của ngụy bị đập tan, các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên được giải phóng, chế độ tay sai ở Sài Gòn đang đứng trước nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn tình hình, ngày 28/3/1975, trung tướng Mỹ Uyên, đại sứ Mỹ Mác-tin cùng phái đoàn quân sự cao cấp của Nhà Trắng đến Sài Gòn bàn định việc cứu nguy cho chế độ ngụy ở Sài Gòn.

Uyên-en quyết định xây dựng một tuyến phòng thủ mới chốt tại thị xã Phan Rang, nối liền với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm và Tây Ninh là chốt phía tây bắc. Uyên-en nhấn mạnh với Thiệu là "Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn".

Ngay trong ngày 28/3, Uyên-en cùng tướng ngụy Cao Văn Viên bay lên Xuân Lộc để thị sát và trực tiếp chỉ huy xây dựng tuyến phòng thủ Xuân Lộc. "Tuyến phòng thủ thép Xuân Lộc" được xây dựng với hàng ngàn lính thuộc các đơn vị tinh nhuệ nhất của chúng ở Quân đoàn 3 như: Sư đoàn 18, Lữ đoàn dù số 1, Liên đoàn 7 biệt động quân, Lữ đoàn 3 thiết giáp... Nguyễn Văn Thiệu đã hứa hẹn với quan thầy: "Dù có chết, tôi cũng quyết giữ cho được Xuân Lộc". Nhận thức rõ tính chất quan trọng và vị trí chiến lược của thị xã Long Khánh, Hội nghị của Khu ủy miền Đông (từ 31/1/1975 đến 8/2/1975) đã xác định: "Thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông

hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân của mình" Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Khu ủy và Tỉnh ủy, Thị ủy Long Khánh đã hạ quyết tâm: Dùng ba mũi chính trị, binh vận kết hợp với vũ trang và cơ sở mật bên trong để bức hàng, bức rút các đồn, bót địch ở các xã vùng ven, tạo bàn đạp cho chủ lực (Quân đoàn 4) tiến công tiêu diệt địch ở thị xã Long Khánh.

Đến cuối tháng 3/1975, bằng lực lượng tại chỗ, thị xã Long Khánh đã giải phóng 4 ấp phía bắc thị xã: Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn, Bình Lộc. Trong lúc đó, bộ đội tỉnh, huyện tiến công giải phóng Suối Cát, ngã ba Ông Đồn đến Trà Tân 2 (lộ 3), đồn điền cao su Ông Quế, bức rút đồn Nam Hà, Mai Thọ Bích, tua Mã Trắng, bộ đội khu giải phóng Định Quán, làm chủ lộ 20. Như vậy, trước chiến dịch Xuân Lộc, các lực lượng vũ trang Long Khánh đã giải phóng các vùng ven thị xã, tạo bàn đạp đứng chân cho chủ lực Quân đoàn 4. Mặt khác, nhân dân thị xã Long Khánh đã chuẩn bị lương thực, thực phẩm cung cấp cho chiến dịch. Nhân dân đã đưa vào các kho dự trữ 7.500 tấn gạo, 17.000 ống thuốc cầm máu, 43.000 lọ thuốc kháng sinh, 4.000 kg bột ngọt, hàng chục triệu đồng và nhiều hàng hóa khác phục vụ chiến dịch.

Thắng lợi của Đảng bộ, quân dân Long Khánh trước chiến dịch Xuân Lộc đã được Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đánh giá cao: “Việc áp sát của quân khu chung quanh thị xã đã tạo điều kiện cho Miền quyết định đánh chiếm tiểu khu Long Khánh”. Từ ngày 4/4/1975, đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã bí mật dẫn đường cho trinh sát Sư đoàn 1, Sư đoàn 7 (Quân đoàn 4) vượt qua các hàng rào, tua, chốt gác của địch vào thị xã điều nghiên, nắm tình hình và lên phương án tác chiến. Hàng ngàn lá cờ Mặt trận đã được Thị ủy Long Khánh chuyển vào cho các cơ sở bí mật bên trong. Truyền đơn binh vận được rải nhiều nơi, đánh vào tư tưởng, làm rệu rã thêm tinh thần của binh lính ngụy. Sáng ngày 9/4/1975, chiến dịch Xuân Lộc bắt đầu. Sau các loạt pháo bắn cấp tập vào những mục tiêu trong thị xã, các cánh quân của ta nổ súng tiến công trên hai hướng đông bắc và tây bắc. Chỉ sau một giờ chiến đấu, quân ta đã chiếm được căn cứ biệt động quân, trụ sở tình báo CIA Mỹ ở nội ô thị xã. Trên hướng tây thị xã, Sư đoàn 6 vẫn làm chủ lộ 1 từ đèo Mẹ Bồng Con đến ấp Phan Bội Châu. Hướng bắc thị xã, Tiểu đoàn 445 bộ đội địa phương tỉnh và K8 - bộ đội huyện đánh tan Liên đoàn 936 tại Bình Phú, Suối Cát, bắt sống 117 tên. Từ ngày 11 đến 13/4, các lực lượng du kích và bộ đội địa phương bao vây căn cứ Núi Thị, giải phóng các xã và các đồn điền cao su.: Hàng Gòn, Cẩm Mỹ, Suối Râm... mở rộng bàn đạp đứng chân cho các đơn vị bộ đội chủ lực.

Ngày 12/4, địch cho máy bay oanh kích dữ dội xuống các vị trí trong nội ô thị xã Long Khánh và khu vực phía bắc chi khu Tân Phong. Lữ đoàn dù ngụy số

1 được máy bay đổ xuống ngã ba Tân Phong phối hợp cùng Sư đoàn 18 bên trong đánh ra để giải tỏa áp lực của quân ta. Để tránh thiệt hại cho dân, Bộ chỉ huy chiến dịch chỉ đạo tập trung hóa lực mạnh, sử dụng pháo binh cấp tập diệt các cứ điểm quân sự bên trong thị xã, kéo địch ra ngoài thị xã từ công ngã ba Dầu Giây lên giáp với Lâm Đồng.

Ngày 15/4, Sư đoàn 6 diệt gọn Chiến đoàn 52 thuộc Sư 18 ngụ ở ngã ba Dầu Giây, giải phóng hoàn toàn lộ 20, làm chủ phía tây thị xã. Địch đưa bộ chỉ huy nhẹ Quân đoàn 3 lên Trảng Bom để chỉ huy cuộc hành quân giải tỏa, nhưng các mũi ứng cứu của địch trên quốc lộ 1 đều bị đập tan. Liên tục trong các ngày từ 16 đến 19/4, quân ta bắn hàng ngàn quả đạn pháo vào các mục tiêu quân sự của địch trong thị xã. Đảng viên, cơ sở cốt cán và quần chúng đã vận động làm tan rã hàng trăm binh lính địch. Trong cơn tuyệt vọng, địch càng tỏ ra điên cuồng, chúng cho máy bay trút bom đạn vào thị xã và vùng ven (trong đó có hai quả bom hơi ngạt CBU). Thế cùng, bọn đầu sỏ chỉ huy lập kế hoạch rút chạy.

Ngày 18/4, Lữ đoàn dù số 1 nhận lệnh rút về phía nam chi khu Tân Phong để yểm trợ cho hướng rút chạy trên liên tỉnh lộ 2. Tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 ngụy ra lệnh "tùy nghi di tản". 22 giờ ngày 20/4/1975, hơn 220 xe quân sự của địch chen nhau rút chạy về hướng lộ 2. Quân ta tổ chức chốt chặn và truy kích, bắt sống tên đại tá Tỉnh trưởng Phạm Văn Phúc và đám tùy tùng. Rạng sáng ngày 21/4/1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch tại thị xã Long Khánh ở phía đông bắc Sài Gòn hoàn toàn bị phá vỡ. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng. Thị xã Long Khánh hoàn toàn được giải phóng.

Ngay trong đêm 21/4, khi phòng tuyến Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã phải tuyên bố từ chức, tìm đường trốn chạy ra nước ngoài. Cùng trong thời điểm này, bên kia bờ đại dương, tổng thống Mỹ cũng công khai nhìn nhận: Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc với Mỹ. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng khẳng định sự sáng suốt lựa chọn điểm yếu của địch; chỉ đạo mở chiến dịch tiến công có ý nghĩa quyết định toàn cuộc của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Miền; giúp Trung ương hạ quyết tâm mở chiến dịch mang tên Bác Hồ "chiến dịch Hồ Chí Minh" giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đây là một điểm son chói lọi ghi đậm dấu ấn lịch sử trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Long Khánh, Đồng Nai, là tài sản vô giá của quê hương, là niềm tự hào của thế hệ hôm nay và mai sau.

### ***7. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam và tỉnh Đồng Nai.***

Ngày 10/3/1975, trận đánh chiếm Buôn Ma Thuật mở đầu cho chiến dịch mùa xuân 1975 trong tháng 3/1975, Tây Nguyên được hoàn toàn giải phóng. Kế tiếp sau đó là chiến dịch Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, ta giải phóng hoàn toàn Quân khu 1 và 2 của ngụy, giải phóng một vùng rộng lớn ở miền Trung và duyên hải miền Trung. Trong cơn hoảng loạn, địch phải thực hiện chiến thuật "tùy nghi di tản", rút bỏ hàng loạt vị trí để xây dựng tuyến phòng thủ phía đông cố giữ cho được Sài Gòn, miền Đông và miền Tây Nam bộ, hy vọng tìm một giải pháp chính trị hòng duy trì chế độ tay sai ở Sài Gòn. Trước thời cơ cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chỉ thị cho các lực lượng tiến công giải phóng miền Nam trong năm 1975. Tuyến phòng thủ thép Xuân Lộc bị đập tan, thị xã Biên Hòa là tuyến phòng thủ án ngữ cuối cùng của chế độ Sài Gòn. Biên Hòa cũng là cửa ngõ của đại quân ta vào Sài Gòn. Chiến dịch Hồ Chí Minh đã triển khai trên hướng Biên Hòa với quân đoàn 2 và quân đoàn 4.

\* Quân đoàn 2 từ lộ 2 Xuân Lộc tiến về Long Thành, Nhơn Trạch để về Sài Gòn. Quân đoàn 2 đã đánh dứt điểm các cứ điểm mạnh của địch ở Suối Râm, Nước Trong, một phần kho Long Bình, chi khu Long Thành, Nhơn Trạch, giải phóng hoàn toàn hai huyện này vào ngày 7/4/1975.

\* Quân đoàn 4 từ Sở cao su Bình Lộc bắt đầu đánh địch vào ngày 25/4/1975, triển khai lực lượng đánh dứt điểm địch tại ngã ba Dầu Giây, Sông Thao, chi khu Trảng Bom... Quân đoàn đánh địch, giải phóng đến đâu, chính quyền địa phương tiếp quản đến đó. Quân đoàn đánh chiếm Quân đoàn III ngụy, sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình. Sư đoàn 6 ở lại cùng địa phương tiếp quản giữ sân bay Biên Hòa, kho Long Bình, Quân đoàn III vào 10 giờ sáng ngày 30/4/1975. Bộ phận Quân đoàn 4 gồm xe tăng, pháo binh, bộ binh tiến về Sài Gòn tiếp quản dinh Độc Lập và các cơ quan đầu não của ngụy quyền. Kết hợp với lực lượng bên ngoài, lực lượng quân chúng bên trong nổi dậy cướp chính quyền tại chỗ.

Thành ủy Biên Hòa đã chủ động triển khai công tác chuẩn bị từ ngày 9/4/1975, đến 15/4/1975 thì hoàn tất trong nội thành Biên Hòa. Kế hoạch dự kiến hai khả năng:

- Đánh dài ngày phải di tản dân sang hướng đông bắc.

2/ Đánh giải phóng ngay, tiếp quản gọn. Kế hoạch gồm các điểm chính như sau:

\* Phổ biến chủ trương giải phóng miền Nam, giải phóng Biên Hòa. Cán bộ, đảng viên, cốt cán đều vui mừng phấn khởi, ai cũng bắt tay ngay vào việc.



Ủy ban khởi nghĩa được tổ chức ở nội thành Biên Hòa, các xã, phường ngoại ô và Khu kỹ nghệ Biên Hòa.

\* Lực lượng tại chỗ là đảng viên, đoàn viên, cốt cán nắm quân chúng và phòng vệ dân sự của địch là cơ sở của ta có trang bị súng để cùng quân chúng nổi dậy giành chính quyền tại ấp, xã, huyện, tỉnh

\* May cờ lớn nhỏ; ghi âm sẵn lời kêu gọi của Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời và Mặt trận Giải phóng Biên Hòa để kêu gọi nhân dân nổi dậy; ghi âm 10 điều kêu gọi binh lính địch, quay về với Tổ quốc lập công đầu.

\* Giải phóng tù nhân ở nhà tù Tân Hiệp và nhà tù Biên Hòa. Tất cả mọi người đều phải hành động kết hợp theo tiếng súng của lực lượng vũ trang từ bên ngoài. Lúc bấy giờ phải phóng tay phát động không còn rụt rè do dự, phải mạnh dạn đứng lên giành chính quyền về tay mình. Các bộ phận được phân công cướp chính quyền, chiếm giữ các mục tiêu khi giải phóng

\* Lực lượng biệt động, an ninh và các bộ phận đánh giải phóng 4 xã: An Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Long Bình từ 23 đến 29/4/1975.

\* Ban Công vận thành phố tiếp quản khu Kỹ nghệ Biên Hòa vào ngày 29/4/1975. \* Địch ở các cứ điểm quan trọng, các cơ quan đầu não như Quân đoàn III và tiểu khu Biên Hòa, chi khu Đức Tu rút chạy từ đêm 9/4/1975.

\* Lực lượng cán bộ, đảng viên bên trong cầm cờ ở Tòa hành chính Biên Hòa lúc 6 giờ sáng ngày 30/4/1975; sau đó là dinh Trung tướng Toàn, Tư lệnh Quân đoàn III, Nha cảnh sát miền Đông, Quân đoàn III, Ty cảnh sát Biên Hòa, Quận Đức Tu.

\* Sở chỉ huy tiền phương và lực lượng vũ trang Trung đoàn 5, lực lượng chính trị chiếm Tòa hành chính Biên Hòa vào lúc 10 giờ 30 ngày 30/4/1975.

\* Sư đoàn 6 chiếm giữ sân bay, Quân đoàn III vào 10 giờ 30 cùng ngày.

\* Ban An ninh T1 chiếm giữ Nha cảnh sát miền Đông, Ty cảnh sát Biên Hòa.

\* Ban An ninh thành phố Biên Hòa, chiếm giữ Quận Đức Tu.

\* Lực lượng Trung đoàn 5 triển khai chốt canh gác các ngã ba trong thành phố và giữ khu Kỹ nghệ Biên Hòa. Ba mươi năm chiến tranh giải phóng, mùa xuân 1975 đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của nhân dân Biên Hòa Đồng Nai. Lần đầu tiên trong lịch sử cận hiện đại đất nước ta không còn bóng quân xâm lược. Thắng lợi to lớn mở ra một thời kỳ mới cho dân tộc và nhân dân Biên Hòa Đồng Nai: Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## \* CẢM NHẬN VỀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

Truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai được ghi dấu ấn đậm nét nhất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Truyền thống ấy đã được tiếp nối, trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ người già đến lớp trẻ, từ gái đến trai, không phân biệt màu da, dân tộc, tôn giáo, chức sắc, địa vị... Một truyền thống được xây dựng trên tinh thần tự nguyện, không ép buộc, không khuôn mẫu. Để khi thực dân Pháp nổ tiếng súng đầu tiên tại Đà Nẵng (năm 1858), mở đầu cuộc xâm lược đất nước ta, thì chính truyền thống ấy của người dân Biên Hòa - Đồng Nai đã phát huy sức mạnh hơn bao giờ hết. Khi mà triều đình nhà Nguyễn ký kết hòa ước Nhâm Tuất (năm 1862), nhượng 3 tỉnh miền Đông: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường cho thực dân Pháp thì có những sĩ phu như Trương Định quyết không tuân lệnh vua mà thuận theo lòng dân, giương cờ Bình Tây Đại Nguyên Soái, tập hợp quần chúng đứng lên chống lại thực dân Pháp xâm lược. Hay có một Trương Quyền (con Trương Định) thay cha lập Căn cứ Giao Loan (Rừng Lá) tiếp tục đánh đuổi thực dân xâm lược.

Đất Biên Hòa còn vang danh người anh hùng Đoàn Văn Cự với tổ chức hội kín chống Pháp ở căn cứ Linh tuyên đầu thế kỷ XX. Lòng yêu nước, vì đại nghĩa dân tộc, Đoàn Văn Cự đã chiêu tập nghĩa binh đánh giặc. Cuộc khởi binh chống kẻ thù xâm lược bất thành nhưng nghĩa khí anh hùng của ông để lại niềm kiêu hãnh và tự hào cho hậu thế. Đoàn Văn Cự ngã xuống hiên ngang giữa căn cứ Linh tuyên rực lửa, trong tay vẫn nắm chặt thanh đao vừa chém thẳng vào quân thù.

Hay thời chống Pháp đầu thế kỷ XX, Biên Hòa còn nổi danh với Lâm Trung trại. Những con dân xứ Biên Hòa bất khuất, không khuất phục bọn ngoại bang xâm lược đã tụ nghĩa tại căn cứ Gò Mọi. Họ hoạt động bí mật, chuẩn bị lương thảo, rèn vũ khí chờ cơ hội đánh Pháp. Tháng 2/1916, trại Lâm Trung phát động tấn công giặc tại thành Săng đá, khám đường Biên Hòa. Sau cuộc tấn công này, quân Pháp đã dùng nhiều thủ đoạn để bắt bớ nghĩa quân. Nhưng con người gọi với nhau bằng những cái tên thân mật như: Ba Hàu, Năm Hy, Hai Lựu, Lào Lọt, Hai Sở, Ba Vạn, Bảy Phát, Hai Danh... đã chấp nhận hy sinh hiên ngang trước họng súng kẻ thù. Họ vì đại nghĩa dân tộc, vì bình yên của nhân dân đã xem cái chết nhẹ tựa lông hồng, chỉ tiếc nỗi đại cuộc chưa thành.

Thực dân Pháp sang xâm lược đất nước ta, mang theo bọc thép, xe tăng, vũ khí tối tân hiện đại và chính các sĩ phu ngày ấy đều biết rất rõ thời cuộc. Một

chiến trường dữ dội, lăm đạn bom, sát khí ngất trời, tiếng súng nổ, tiếng sắt thép đâm ngang chém ngược, tiếng máy bay quăng xé trên bầu trời, hy sinh, mát mát chắc chắn không tránh khỏi.

Đôi mắt với kẻ thù lớn mạnh với "đạn nhỏ, đạn to", "tàu thiết, tàu đồng" với đội quân xâm lược nhà nghề, vậy mà vũ khí để họ dùng chống lại chỉ là "một manh áo vải", "một ngọn tầm vông", chỉ có "lưỡi dao phay" và chỉ là những "hỏa mai đánh bằng rơm con cúi"<sup>5</sup>. Thử hỏi rằng đem những thứ đó ra đối chọi với súng đạn của thực dân khác nào bước chân vào chỗ chết.

Nhưng thưa không! Đừng nghĩ hành động của họ là liều lĩnh, đại dột, "điếc không sợ súng". Họ không sợ chết, đứng thế nhưng không hề muốn chết một cách vô ích. Họ tin ở chính nghĩa, ở sức mạnh tinh thần. Có sức mạnh ấy thì sẽ có cách đánh và đánh được, đánh thắng. Niềm tin ấy đừng tưởng là vu vơ, nó có căn cứ vững chắc ở truyền thống đánh giặc giữ nước lâu đời của dân tộc Việt Nam. Phát huy truyền thống ấy, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung đã dẹp được giặc Tống, đã bình được quân Nguyên, rồi đuổi được Minh, diệt được Thanh, toàn những kẻ thù hết sức hùng mạnh và vô cùng tàn bạo. Đối với giặc Pháp cũng vậy thôi; có pháo súng hiện đại, xe tăng bọc thép nào xá chi. Tinh thần Việt Nam, khí chất Việt Nam luôn cao ngất trời. Toàn dân đồng sức, đồng lòng thì bao nhiêu bọc thép, xe tăng cũng chỉ là vô nghĩa.

Bằng sự ngoan cường, lòng yêu nước nồng nàn, họ đã làm nên được những điều phi thường, chính họ đã cất lên được bản anh hùng ca chiến tranh của dân tộc. Bất chấp sự hiểm nguy, bất chấp sự chênh lệch, sự đối lập của hoàn cảnh chiến đấu, họ vẫn quyết chiến và quyết thắng, lấy tinh thần xả thân vì nghĩa để bù đắp lại sự thiếu hụt, chênh lệch của mình với kẻ thù.

Dù các cuộc khởi nghĩa của các sĩ phu thời bấy giờ đều thất bại nhưng chính những tấm lòng quả cảm đó là minh chứng hùng hồn cho tinh thần yêu nước, chí căm thù giặc ngoại xâm của nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng.

Cũng từ đây, lịch sử của Biên Hòa - Đồng Nai được viết tiếp nên bởi những trận đấu tranh anh dũng, kiên cường của toàn quân, toàn dân lúc bấy giờ; của những trận đấu không cân sức giữa một bên chỉ có ý chí và nghị lực, vũ khí vô cùng thô sơ với một bên được trang bị vũ khí hiện đại, tối tân. Nhưng lịch sử cũng sẽ không quên ghi cái tinh thần quật cường và ý chí chiến đấu mãnh liệt và

---

<sup>5</sup> . Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu.

hơn hết thảy là lòng yêu nước nồng nàn của toàn thể nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai quyết tâm đánh đuổi kẻ thù xâm lược.

Đặc biệt, từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3/2/1930, các phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai đã có bước tiến rõ rệt, đấu tranh có tổ chức, kế hoạch và đã đạt được những kết quả nhất định.

Trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, mảnh đất Biên Hòa - Đồng Nai này từng là nơi đung đầu, giao tranh quyết liệt; nơi diễn ra các cuộc đấu tranh liên tục và toàn diện giữa ta và địch. Những địa danh lịch sử như Chiến khu Đ, chiến khu Rừng Sác, Phước An; từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đến chiến thắng lịch sử La Ngà năm 1948, phá khám Tân Hiệp, trận đánh Mỹ đầu tiên ở nhà Xanh, đánh sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968, chiến dịch Xuân Lộc mùa xuân 1975 tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đều gắn liền với những chiến công vang dội và là niềm tự hào của quân và dân Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng, cả nước nói chung.

Và cũng chính trên mảnh đất ấy đã sinh ra hàng ngàn, hàng vạn những cán bộ, chiến sĩ, đồng bào, đồng chí kiên trung, bất khuất, một lòng một dạ chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân mà tên tuổi của họ đã đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc như một điểm son chói sáng.

Có những người chiến sĩ cách mạng được sinh ra và lớn lên ngay trên mảnh đất Biên Hòa - Đồng Nai nhưng cũng có những người con đến từ mọi miền Tổ quốc cùng tụ hội về đây sống, chiến đấu, hy sinh và vĩnh viễn nằm lại trên mảnh đất này, viết tiếp bản anh hùng ca bất tử. Đó là những liệt sĩ đã mãi mãi nằm lại giữa rừng chiến khu Đ, chiến khu Phước An, Rừng Sác bạt ngàn, gió lộng, vẫn chưa tìm được thi thể, chưa đưa được về với quê hương, nguồn cội của các anh chị và rồi Biên Hòa - Đồng Nai trở thành quê hương thứ hai vậy.

Và còn đó trận phá khám nhà lao Tân Hiệp ngày 2/12/1956. Biết rồi sẽ hy sinh, sẽ mất mát nhưng quyết định nổi dậy, tự phá khám, cướp súng địch trở về với Đảng, với nhân dân tiếp tục chiến đấu là trách nhiệm của người chiến sĩ cách mạng, niềm tin vào Đảng, vào Bác Hồ kính yêu, tin vào sức mạnh của dân tộc Việt Nam. Các liệt sĩ cũng đã nằm lại mảnh đất Tân Hiệp - Đồng Nai, nhiều người vẫn chưa tìm được thi thể, cũng đến từ mọi miền của Tổ quốc. Tất cả các anh, chị đã góp phần tô thắm thêm lá cờ đỏ sao vàng của dân tộc Việt Nam; làm rạng danh thêm truyền thống cách mạng hào hùng của mảnh đất “Miền Đông gian lao mà anh dũng”. Mỗi tác đất, ngọn cây, mỗi tên đường, tượng đài được

dựng hôm nay đều khắc ghi dáng hình và công lao to lớn của các anh, chị cho thế hệ mai sau noi gương, tiếp bước.

Cũng chính truyền thống đấu tranh cách mạng hào hùng mà người dân Biên Hòa - Đồng Nai đã tạo nên biết bao chiến công lừng lẫy, làm nức lòng quân dân cả nước, làm rung động hệ thống tổ chức của cả thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trong số đó phải kể đến chiến thắng trong trận đánh Mỹ đầu tiên ở miền Nam Việt Nam tại Nhà Xanh, Biên Hòa năm 1959, chiến thắng sân bay Biên Hòa năm 1964, được chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài ca ngợi chiến thắng:

*“Uy danh lừng lẫy khắp năm châu*

*Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu*

*Thành đồng trống thắng lay lâu trắng*

*Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu”.*

Bác Hồ đã từng nói:

“... Nhân dân ta rất biết ơn các Bà mẹ cả hai miền Nam Bắc đã sinh đẻ và nuôi dạy những thế hệ anh hùng của nước ta. Trong thời kỳ cách mạng hoạt động bí mật và trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và lũ can thiệp Mỹ, phụ nữ ta đều có công lao to lớn”.

Không có bà mẹ anh hùng thì không có những người con anh hùng. Chân lý đơn giản ấy ngời sáng và trường tồn trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam nhất là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Những trang sử hào hùng, chói lọi, lưu danh sử sách về truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai mãi mãi không bao giờ quên nhắc về những người mẹ. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh hiện có 1.118 mẹ (trong đó có 69 mẹ còn sống) được nhà nước phong tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. Đó là sự ghi nhận và cố gắng bù đắp phần nào những hy sinh, chịu đựng, mất mát và nước mắt mà các mẹ đã dành cho Tổ quốc này. Dẫu biết không gì có thể bù đắp được, song nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân tỉnh Đồng Nai nói riêng không bao giờ quên ơn những công lao thầm lặng mà vĩ đại đó của các mẹ - những người đã gánh cả nỗi đau gian sơn trên đôi vai gầy yếu của mình, đi suốt cả chiều dài lịch sử dân tộc. Đất nước Việt Nam luôn kính cẩn nghiêng mình trước các mẹ.

Có thể khẳng định rằng: Đứa con là niềm vui, niềm an ủi, là động lực vô biên để giúp mẹ vượt qua những thăng trầm của cuộc sống. Người xưa cũng đã

có câu “*Trẻ cây cha, già cây con*”. Những đứa con mẹ mang nặng đẻ đau, suốt đời mẹ nhường cơm, sẻ áo, “*chỗ ướt mẹ nằm, chỗ khô ráo dành con*”.

Mẹ chính là niềm tựa, niềm tin, bóng mát chở che, là nhựa sống truyền cho những đứa con lớn lên thành “*Những người con gái, con trai/ Đẹp như hoa hồng, cứng như sắt thép*”. Mẹ đã sinh thành, nuôi dưỡng các con, yêu con hơn hết thầy. Nhưng trước vận mệnh của đất nước bị lâm nguy, mẹ đã thực hiện trọn lời thề: “*Thà mất con còn hơn mất nước*” - một lời thề có thể được chứng nhận bằng cả máu, nước mắt và những bữa cơm mẹ ngồi chống đũa nhìn những chén cơm trắng không người ăn sau khi hòa bình lập lại.

Những bà mẹ Việt Nam luôn sáng ngời đến thế. Tiễn chồng và các con lên đường đánh giặc, mẹ ở lại hậu phương tiếp tục đào hầm, vót chông, âm thầm làm cơ sở cho cách mạng, thường xuyên tiếp tế lương thực, thuốc men cho bộ đội, du kích và thông báo tình hình địch trong vùng bị chiếm đóng để cán bộ, bộ đội có phương án đấu tranh như mẹ Lê Thị Tron (Long Thành), mẹ Nguyễn Thị Hảo (Nhơn Trạch)...

Và đã có biết bao người vợ tiễn chồng, người mẹ tiễn con lên đường đánh giặc mãi mãi không trở về. Họ thắm lặng sống một mình trong căn nhà nhỏ sau ngày đất nước thống nhất. Chính tình yêu quê hương đất nước, niềm tin vào Đảng, vào Bác Hồ kính yêu, tin vào sức mạnh của Việt Nam đã giúp cho các mẹ vững niềm tin, vượt lên mọi gian lao, vất vả cùng nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai viết tiếp bản hùng ca về người phụ nữ Việt Nam “*anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang*”.

Những tượng đài hôm nay không chỉ khắc ghi hình dáng của mẹ, các anh, các chị mà còn là ngọn đuốc soi đường, chỉ lối, tiếp thêm sức mạnh cho thế hệ trẻ Biên Hòa - Đồng Nai noi gương, tiếp bước, vươn cao, vươn xa hơn nữa.

Truyền thống đấu tranh cách mạng hào hùng của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai còn được bồi đắp nên từ truyền thống trọng nghĩa, trọng tình, yêu thương, đoàn kết của mỗi người dân trên mảnh đất “*Miền Đông gian lao mà anh dũng*”. Nói đến điều đó để chứng minh một điều rằng, chính từ những con người như Trần đại Độ của đất Trấn Biên xưa còn được nhắc đến là vị quan thanh liêm, chánh trực, trọng nghĩa khí đã chém những kẻ lộng quyền hại dân, tự nhận hình phạt với triều đình. Lòng thương dân, dám làm, dám chịu trách nhiệm xưa nay hiếm. Đó không chỉ làm cho người dân đồng tình mà chúa Nguyễn còn lấy làm gương điển hình, ban cho thêm quyền hạn để trừ bọn hại dân, hại nước.

Hay có một Nguyễn Thị Tồn của làng Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng xưa giữa cái thời nữ nhi phong kiến đã lặn lội ra đến cung đình đánh trống kêu

oan cho chồng là Bùi Hữu Nghĩa. Tiếng trống ấy không chỉ làm vang động kinh kỳ giữa thời bấy giờ mà còn là hành động anh hùng của nữ nhi đất Biên Hòa. Không chỉ mình oan được cho người chồng yêu thương, giữ được cái nghĩa tặng tình sâu, bà Nguyễn Thị Tôn còn được Hoàng Thái hậu Từ Dũ ban cho danh hiệu “Liệt phủ khả gia”.

Bởi lẽ, truyền thống yêu nước, sự đoàn kết, gắn bó của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai không chỉ thể hiện qua những cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược, mà còn qua những cuộc vận động “nuông cơm sẻ áo”, hay “hũ gạo tiết kiệm”, “tuần lễ ủng hộ miền Đông” trong trận lụt năm Nhâm Thìn 1952. Thế mới thấy hết được tình người của người dân Biên Hòa - Đồng Nai. Và đó cũng chính là một trong những nền tảng tạo nên truyền thống đấu tranh cách mạng hào hùng của nhân dân Đồng Nai trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ, đánh đuổi thực dân Pháp và đế quốc Mỹ ra khỏi bờ cõi nước Việt.

Đề đến hôm nay, tiếp nối truyền thống đấu tranh cách mạng hào hùng ngày ấy, người dân Biên Hòa - Đồng Nai bước vào cuộc sống mới với niềm tin, xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh. Bốn mươi ba năm kể từ ngày đất nước thống nhất từ mùa xuân năm 1975, thành phố Biên Hòa từng bước tiến lên. Lịch sử của một thời đấu tranh hào hùng của Biên Hòa được nhà nước phong tặng danh hiệu thành phố anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Với những bước chuyển mình, phát triển, thành phố Biên Hòa được công nhận đô thị loại I năm 2015.

Chính quá khứ là niềm tự hào để soi rọi, là hành trang bước vào tương lai; để người Biên Hòa - Đồng Nai hôm nay có quyền tự hào về mảnh đất “Miền Đông gian lao mà anh dũng”, về hào khí Đồng Nai lưu danh sử sách.

## CÂU 2

**HÃY CHO BIẾT VÀ NÊU CẢM NHẬN VỀ NHỮNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI; TỪ ĐÓ GIỚI THIỆU MỘT HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI MÀ ANH (CHỊ) TỪNG BIẾT HOẶC THAM GIA? ĐỂ PHÁT HUY VÀ BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY ANH (CHỊ) SẼ LÀM GÌ?**

**\* CHO BIẾT VÀ CẢM NHẬN VỀ NHỮNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI**

Đồng Nai là vùng đất mở. Qua nhiều giai đoạn của lịch sử, vùng đất này đón nhận nhiều lớp cư dân từ các nơi đến sinh sống, do nhiều nguyên nhân, những biến động của lịch sử. Sự cộng cư với nhiều thành phần dân tộc hiện nay đã làm cho sắc thái văn hóa của Đồng Nai thêm đa dạng, phong phú. Trong quá trình khai khẩn, tạo dựng cuộc sống trên vùng đất mới, bao thế hệ của các lớp cư dân không ngừng tạo dựng và bồi đắp mạch nguồn văn hóa, để lại những dấu ấn ấn tượng trên mảnh đất được xem là địa đầu của Nam bộ.

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện có 38 dân tộc đang sinh sống. Người Kinh chiếm 92,3% dân số. Người Hoa xếp thứ nhì, với 5,3%. Thứ đến là các dân tộc bản địa như Chơro, Mạ, S'tiêng... Nhiều dân tộc đã có ngôn ngữ riêng, cư trú trên địa bàn Đồng Nai lâu đời, có bề dày lịch sử, văn hóa. Thế nhưng, tiếng Việt vẫn là ngôn ngữ phổ thông.

Tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai mà trong đó phải kể đến là người Việt, người Hoa và các dân tộc bản địa là phức hệ bao gồm nhiều nhân tố hiện gắn bó thiết thực với đời sống tinh thần của người địa phương, thể hiện trong sinh hoạt gắn với vòng đời người (việc sinh, dưỡng, tang, cưới, mừng thọ...); với sinh hoạt cộng đồng (thờ cúng tổ tiên, cúng đình, cúng miếu, đền thờ, nhà dài...) tương ứng với mỗi cộng đồng có những tập quán, tín ngưỡng dân gian khác nhau.

Trong khuôn khổ bài viết này, cá nhân chỉ xin đề cập sâu và cảm nhận các tập quán, tín ngưỡng dân gian của các cộng đồng người Việt, người Hoa và các dân tộc bản địa gắn với sinh hoạt cộng đồng xã hội.

### **I. Cộng đồng người Việt**

#### **1. Tục thờ cúng trong nhà**

##### **1.1 Thờ cúng tổ tiên**



Thờ cúng tổ tiên là một hình thức sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng dân gian tiêu biểu của người Việt nói chung, người Việt ở Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng. Vào ngày sóc vọng, đi xa, cưới hỏi, mừng thọ, đỗ đạt, nhất là vào ngày giỗ, tết, gia đình thường làm lễ tế tổ tiên.

Trong nhà, bàn thờ bao giờ cũng được đặt nơi trang trọng nhất của ngôi nhà. Trên bàn thờ đặt lư hương, bộ đồ đèn, lư trầm, bình phong, bình hoa, bài vị, ảnh người đã khuất... Hàng năm vào dịp kỵ nhật, giỗ chạp, con cháu, bà con dòng họ tề tựu tại nhà thờ chính, nơi có người con trai trưởng phụng tự, trước là tri ân ông bà, cha mẹ đã thác, sau dùng chung mâm cỗ với nhau.

Tín ngưỡng của tục thờ cúng tổ tiên là quan niệm về sự tồn tại của linh hồn và mối liên hệ giữa người đã chết và người sống (cùng chung huyết thống) bằng con đường hồn về chứng kiến, theo dõi hành vi của con cháu, quở trách hoặc phù hộ cuộc sống của họ. Trong tín ngưỡng này đạo lý là nội dung nổi trội.

Đạo lý uống nước nhớ nguồn, một mặt con cháu bày tỏ lòng biết ơn đối với các bậc sinh thành, lúc họ đã chết cũng như khi còn sống. Mặt khác, nó cũng thể hiện trách nhiệm liên tục và lâu dài của con cháu đối với nhu cầu của tổ tiên. Trách nhiệm được biểu hiện không chỉ trong các hành vi sống (giữ gìn danh dự và tiếp tục truyền thống của gia đình, dòng họ, đất nước) mà còn ở trong các hành vi cúng tế cụ thể.

Khi cúng lễ tổ tiên, một mặt con người hướng về quá khứ, định hướng cho hiện tại (giáo dục truyền thống gia đình, đạo lý làm người cho con cháu) và mặt khác đã chuẩn bị cho tương lai. Đường dây thế hệ mà cũng là đường dây đạo lý sẽ luôn liên tục nối tiếp, phát triển.

Thờ cúng tổ tiên còn là hình thái tín ngưỡng có ý nghĩa lớn về mặt tổ chức cộng đồng trong xã hội truyền thống. Sống trong xã hội, xét theo cả trục dọc và trục ngang, con người không thể sống biệt lập, đơn độc. Theo trục dọc phụ hệ, thờ cúng tổ tiên là sự nối tiếp liên tục các thế hệ: ông bà - cha mẹ - bản thân. Mỗi con người phải có trách nhiệm thờ phụng bốn đời trước: cao, tăng, tổ, khảo (ky, cụ, ông, bố) và họ cũng tin rằng sẽ được con cháu bốn đời kế tiếp cúng giỗ. Theo trục ngang, thờ cúng tổ tiên đã gắn bó con người trong mối liên kết dòng họ: họ cha, họ mẹ, họ vợ (hoặc chồng). Với tư cách một tập thể - gồm cả người đang sống và người đã chết gắn bó với nhau về huyết thống và thờ chung một thủy tổ, dòng họ có sức mạnh đảm bảo giá trị tinh thần cho mỗi thành viên của nó trong làng xã.

Vai trò tổ chức liên kết cộng đồng của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn rõ hơn khi ta xem xét vấn đề thờ quốc tổ. Cả cộng đồng cư dân Việt Nam được

cũng cô bởi niềm tin chung một cội nguồn “đồng bào”, đều là “con Lạc cháu Hồng”. Và đó cũng chính là sức mạnh giúp cho dân tộc ta vững vàng trước mọi sự đe dọa của giặc ngoại xâm “các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước” (chủ tịch Hồ Chí Minh). Suốt từ thế kỷ XV, XVI đến nay, khi Hùng Vương được coi là quốc tổ, ý thức này đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng đối với đời sống tâm linh của dân tộc.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có nội dung bình dị và giàu tính thực tiễn. Bởi thế nó dễ dàng được thế tục hóa trở thành nếp sống, phong tục, bám rễ sâu trong tiềm thức của mỗi người. Bằng việc thờ cúng tổ tiên, thế hệ trước nêu gương cho thế hệ sau không chỉ vì trách nhiệm đối với các bậc sinh thành mà còn để giáo dục dạy dỗ con cháu lưu truyền nòi giống.

Trong khi tế lễ, lời khẩn vái của họ cũng thật giản dị, rất thực tiễn: lời cầu xin che chở, phù trợ cho cuộc sống hàng ngày của họ được bình yên, suôn sẻ. Không biết sự cầu xin ấy hiệu quả như thế nào, nhưng trước hết, con người cảm thấy thanh thản về mặt tâm linh, điềm tựa tinh thần quan trọng cho cuộc sống.

Không chỉ các tôn giáo, mà ngay cả trong các tín ngưỡng dân gian khác như tín ngưỡng thờ thành hoàng, thờ Mẫu..., ta cũng thấy dấu vết tác động của tín ngưỡng thờ tổ tiên ở sự biết ơn cội nguồn, biết ơn các đấng sinh thành. Bắt nguồn từ tín ngưỡng thờ thần, người dân Việt thờ Mẫu (thờ mẹ) với mong muốn kéo vị thần này gần với tín ngưỡng gia tộc, từ đó có mối đồng cảm gắn bó như giữa người mẹ luôn che chở với đàn con của mình.

Có thể nói, thờ cúng tổ tiên là một tín ngưỡng dân gian của dân tộc có nguồn gốc từ xa xưa và mang đạo lý nhân ái uống nước nhớ nguồn.

### *1.2 Thờ thần độ mạng*

Trong gia đình cư dân Việt ở Đồng Nai, ngoài việc thờ cúng ông bà để nhớ nguồn cội, còn thờ thần độ mạng để được phù trợ, che chở. Thần độ mạng cho đàn ông phổ biến là Quan Công (Quan Thánh Đế quân), độ mạng cho đàn bà phổ biến là các mẫu còn gọi là mẹ sanh, mẹ độ.

Quan công là tên gọi dân gian của Quan Vân Trường, một nhân vật lịch sử đời Tam Quốc, còn được gọi là Quan Thánh Đế quân, Quan Vũ, Xích Đế. Vía ông ngày 24/6 âm lịch.

Thờ Bà (thờ mẫu):

Các Bà độ mạng được thờ trong gia đình gồm một trong số: Mẹ Thai Sanh, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương; Chúa Xứ nương nương, Linh Sơn Thánh mẫu; Thiên Hậu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Địa mẫu, Quan Âm Bồ

tát... Do các mẹ sanh mẹ độ đa dạng cho nên ngày cúng, ngày vía cũng không thống nhất, tùy theo từng gia đình, thông thường là các ngày rằm hoặc ngày cuối tháng âm lịch hoặc ngày vía.

### *1.3 Thờ cúng các thần bản gia*

Thần bản gia được hiểu là các vị thần bảo hộ cho gia đình trong một phạm vi đất đai giới hạn và trách nhiệm khá rõ ràng. Trong đó phải kể đến các vị như: ông Địa - Thổ Công, thần Tài, Táo quân.

### *1.4 Thờ khác*

Thờ Tổ nghiệp còn gọi là thờ Tiên sư, Thánh sư, Nghệ sư... những người thầy đã truyền nghề cho đời sau. Tổ nghề thuốc, nghề gốm, nghề đúc đồng.. còn được nhiều gia đình thờ nhưng lai lịch thường không rõ ràng.

## **2. Các lễ tiết gia đình trong năm**

### *2.1 Tết:*

Tết là lễ tiết quan trọng trong năm của cư dân Việt đánh dấu một điều gì đó hệ trọng trong đời sống tinh thần của công chúng. Người Biên Hòa - Đồng Nai lưu tâm đến các Tết phổ biến: Tết Nguyên Đán, Tết Đoan Ngọ và Tết Trung thu.

### *2.2 Những ngày rằm*

Ngoài rằm tháng tám là Tết Trung thu, có ba ngày rằm quan trọng được người Biên Hòa - Đồng Nai thực hiện lễ thức cầu cúng đặc biệt; đó là rằm tháng giêng, rằm tháng bảy, rằm tháng mười.

### *2.3 Những ngày vía*

Ngoài những ngày Tết, ngày rằm, người Biên Hòa - Đồng Nai còn có những lễ thức cúng vía vào những ngày vía trọng trong năm. Ngoài các ngày vía gắn với việc thờ cúng các vị thần bản gia, trong chu kỳ một năm, cư dân Việt ở Đồng Nai thường có các lễ cúng vía vào các ngày tháng nhất định.

- Mùng 8/1 âm lịch cúng sao hội, cúng vía Trời, vía Đất, Vía Ngâu (mùng 7/7), Vía Bà như: Linh sơn Thánh mẫu: 15/1 âm lịch, Quan Âm Bồ tát: ngày 19/2 và 19/6 âm lịch, Bà Chúa Xứ: 24/4 âm lịch, vía Ngũ hành nương nương: ngày 5/5 âm lịch, Cửu Thiên Huyền Nữ: mùng 9/9 âm lịch..., cúng đất...

## **3. Tập quán, tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội**

Đối với người Việt, tập quán, tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội thường được duy trì và phát huy tại các cơ sở tín ngưỡng như đình, đền và miếu (miếu)...

### 3.1 Đình

Theo kết quả khảo sát năm 1997, toàn tỉnh có 141 đình, riêng thành phố Biên Hòa có 34 đình ở 26 phường xã, nhưng các huyện Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán lưu thừa vài đình nhỏ. Có xã hơn mười cái đình (xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu: 12 đình; xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa: 11 đình), có nơi hai ba xã chung một cái đình...

#### 3.1.1 Đối tượng thờ

Đối tượng thờ trong các đình ở Biên Hòa - Đồng Nai rất phong phú. Đó là tập hợp những thần linh mà dân làng tôn thờ và thể hiện trong việc bài trí trong nội thất và khuôn viên đình.

Ngoài đối tượng thờ chính, trong mỗi đình còn phối thờ Tả ban, Hữu ban, Bạch mã Thái giám, Nhạc sư, Tiên sư, thờ thần Nông, thần Hồ, Rái Cá, Tiền hiền, Hậu hiền, Tiền đại hương chức, Hậu đại hương chức...

Đối tượng thờ chính trong đình thường có hai dạng:

- Thần Thành hoàng bốn cảnh:

Theo quan niệm của người dân, vị thần này được dân làng tôn thờ vì là thần linh thương dân, bảo vệ cuộc sống bình yên của dân làng, làm cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi... Thần ban phước cho ai sống tốt, thành kính, tin thần như ban cho gặp những điều may mắn, cứu ra khỏi những lúc khốn nguy, lâm nạn ... và cũng sẵn sàng quở trách, hình phạt với những ai sống không ngay thẳng, thật thà: khiến cho bệnh tật, làm ăn không phát triển, lâm vào hiểm nguy... Tựu chung, tín ngưỡng thờ thần làng là một vị thần linh, phúc thần, công chính, hiển linh.

- Nhân thần

Một số đình ở Biên Hòa - Đồng Nai thờ thần là những người có thật trong lịch sử, có công lao to lớn trên nhiều mặt đối với vùng đất Biên Hòa hay cả Nam bộ hoặc của đất nước. Trong đó phải kể đến như đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh (trước kia là đình Bình Kính). Sau khi Nguyễn Hữu Cảnh mất, đưa vào thờ và đổi tên đình Bình Kính thành đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh. Tương tự đình Tân Lâm thờ ông Trần Thượng Xuyên, đền thờ Đoàn Văn Cự, Mộ Nguyễn Đức Ứng, đền thờ Nguyễn Tri Phương, đình Tân Phú (p. Bửu Hòa) thờ Trương Công Định, đền thờ Trần Hưng Đạo... Tất cả các nhân vật lịch sử có thật trên được đưa vào thờ trong đình và được nhân dân suy tôn lên làm Thần và được nhà nước phong kiến sắc phong thành: Thượng đẳng thần, trung đẳng thần và Hạ đẳng thần. Tục thờ Bác Hồ ở đình cũng là biểu hiện đáng chú ý. Tượng ảnh Bác

thường được thờ ở bàn Hội đồng hay vị trí của Tiên sư ở hậu điện, hoặc lập bàn thờ Bác ở chính điện mỗi khi tiến hành cúng Kỳ yên như đình Phú Mỹ (xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch)...



*Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh (Tp. Biên Hòa)- Ảnh tư liệu*

### 3.1.2 Lễ hội cúng đình:

Lễ hội cúng đình thể hiện phần hồn của đình. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, hầu hết các đình phần lễ trội hơn phần hội. Do phối tự thờ nhiều vị thần trong đình, cho nên lịch lễ dày đặc lễ cúng quanh năm, có thể chia thành hai loại: Tập tế và cúng kỳ yên.

Tạp tế là các lễ nhỏ vào các lễ tiết và ngày vía thánh thần trong năm, cúng chứ không tế và không mở hội, thường là do các hương chức, hội tề hoặc Ban tế tự dâng cúng lễ vật rất đơn giản và lời khấn ngắn gọn. Không cần nghi thức và bài bản quy định.

Lễ Kỳ yên là lễ chính của đình gọi là lễ vía thần nhưng thực là lễ hội nông nghiệp để cầu an: Cầu cho quốc thái dân an, phong điều vũ thuận. Mỗi đình định ngày cúng Kỳ yên riêng, phổ biến là trong 3 tháng đầu năm hoặc 3 tháng cuối năm âm lịch.

Nghi thức cúng lễ Kỳ yên ở đình làng Nam bộ nói chung và Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng tuân theo điển lệ của triều đình nên trình tự cúng tế của các đình căn bản giống nhau. Sách Gia Định Thành thông chí của Trịnh Hoài Đức có ghi vắn tắt về lễ cúng Kỳ yên của đình làng xưa, xét đến nay, không khác mấy. Lễ hội thường diễn ra trong 3 ngày, gồm có các lễ chính như: Lễ Thánh sắc, Túc Yết, , Tinh sanh, cúng Tiền hiền - Hậu Hiền, Đàn cả (Đoàn cả), Xây châu - đại bội, Tổng phong, Hồi sắc...

Trong lễ Kỳ yên, có sự quy định khá nghiêm ngặt về lịch lễ, thành phần nhân sự tham gia tế tự cũng như lễ vật dâng cúng Thần như: xôi, thịt, bánh, trà, rượu...

Sau phần lễ là phần hội. Hiện nay, hầu như phần hội trong ngày lễ Kỳ yên tại các đình của người Việt chủ yếu là diễn tuồng, ca cổ, cải lương, đờn ca tài tử. Có nhiều đình còn có múa lân sư rồng...

### 3.2 Đền

Ở Biên Hòa, Đồng Nai, cơ sở tín ngưỡng thuộc loại hình đền thờ với tín ngưỡng dân gian có nguồn gốc từ những di dân từ miền Bắc là: đền thờ Hùng Vương (phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa), đền Trần Hưng Đạo (phường Tân Tiến).

Đền Hùng Vương ở Biên Hòa (xây dựng năm 1960), do giáo dân Công giáo lập và phụng thờ, trong điện thờ tượng Hùng Vương thứ 18, có bàn thờ Bác Hồ. Ngày lễ hội 10/3 âm lịch rất đông người trong và ngoài tỉnh đến dự tưởng niệm. Trước bàn thờ Quốc tổ Hùng Vương có đủ thành phần già trẻ, gái trai, giáo dân, phật tử, cán bộ cách mạng. Đây là biểu hiện vừa cổ truyền vừa hiện đại của truyền thống đại đoàn kết toàn dân và nghĩa đồng bào ở người Việt Nam. Đền thờ Hùng Vương ở Tân Phú, Long Khánh cũng có ý nghĩa tương tự. Lạc Long Quân - Âu Cơ cũng được thờ như Quốc tổ ở nhiều nơi, cách thờ cúng đơn

giản nhưng đầy ý nghĩa; điện thờ ở Dầu Giây huyện Thống Nhất thờ 100 chiếc đũa và văn cúng bằng thơ song thất lục bát có ý nghĩa như một lời tự giáo huấn.



*Đội hình nam, nữ thanh thiếu niên chuẩn bị dâng bánh chưng, bánh dày lên Vua Hùng tại Đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương (p. Bình Đa, Biên Hòa).*

Đối với các đền thờ quốc tổ Hùng Vương thì hàng năm, cứ đến ngày mùng 10/3 âm lịch sẽ tổ chức giỗ tổ; có những nghi tiết tương tự như tế trong lễ Kỳ yên ở đình làng (có nghi túc yết, nghi đàn cả nhưng được giản lược nhiều); có sự tham gia của người dân địa phương và chính quyền sở tại. Mâm lễ vật dâng lên cúng các vua Hùng không bao giờ thiếu bánh chưng, bánh dày.

Trong những ngày diễn ra lễ, ví dụ như đền thờ quốc tổ Hùng Vương tại phường Bình Đa (Tp. Biên Hòa) có tổ chức hội thi làm bánh chưng, bánh dày, hội diễn văn nghệ, múa trống.... Đó đã thật sự trở thành ngày hội lớn không chỉ của người dân Biên Hòa - Đồng Nai mà là của cả nước hướng về nguồn cội, tổ tiên, giáo dục truyền thống tốt đẹp ngàn đời của dân tộc Việt Nam về “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây”, ...

Đối với đền Trần Hưng Đạo: Hàng năm đền có các ngày cúng theo âm lịch: Thượng nguyên (12/1), Vào hạ (12/4), Tán hạ (12/7), Tất niên (20/12), ...

Lễ chính của đền là vào hai ngày 2, 3/3 âm lịch. Lễ vật xôi, trái cây, thịt...

### 3.3 Miếu và lễ hội cúng bà

Theo tài liệu khảo sát năm 1997, ở Đồng Nai có 198 miếu các loại; như vậy, miếu đa dạng và số lượng nhiều hơn đình. Đình gắn với cộng đồng làng thì miếu gắn với đình, chùa, cụm dân cư, vườn nhà của gia đình, hương lộ, hương thôn; nhân vật chính là mẫu.

#### 3.3.1 Đối tượng thờ

Xét về đối tượng thờ cúng, nhận thấy thần điện của miếu đa tạp hơn đình, chùa. Có thể phân thành các dạng chính như: Thờ vong hồn linh ứng: Thờ các phúc thần, thờ Thần Hồ, Rái Cá, Mãng Xà vương, thần Đất dưới dạng Thổ Chủ, Thổ thần hoặc Ông Tà, thờ Thánh mẫu...

Khảo sát miếu Bà ở Đồng Nai, Bà được thờ là một tập hợp các nữ thần có nguồn gốc và “lý lịch” khác nhau, được thờ cúng ở miếu tùy theo tâm niệm của mỗi nơi như:

- Bà Âu Cơ: lễ cúng chính vào ngày 10/3 âm lịch.
- Bà Ngũ Hành: Được thờ phổ biến nhất, đó là 5 vị nữ thần ứng với: Kim Đức Thánh phi, Mộc Đức thánh phi, Thủy Đức thánh phi, Hỏa Đức thánh phi, Thổ Đức thánh phi. Ngày vía chính là 5 - 5 âm lịch.
- Liễu Hạnh Công chúa: vía vào ngày 15/ 3 âm lịch.
- Bà Chúa Thượng ngàn: Bà được phối hưởng trong lễ cúng đình, không còn cúng ngày vía riêng.
- Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương: Lệ cúng vào ngày 3/3 (âm lịch) và các ngày rằm lớn.
- Chúa Xứ nương nương, Linh sơn Thánh mẫu.
- Thiên Hậu Thánh mẫu: Vía Bà Thiên hậu ngày 23/3 âm lịch.
- Cửu Thiên Huyền Nữ: vía Bà ngày 9/9 trùng với ngày Cửu Trùng của người Hoa.
- Mẹ Thai sanh: Người Đồng Nai thờ Mẹ Thai sanh với quan niệm là “mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy”.
- Thủy Long Thần nữ: vía ngày 5/5 âm lịch.
- Quan Âm Bồ tát.
- Các nữ thần bản địa: như Thị Vải, một thôn nữ có tính cách khác thường, giàu lòng thương người được người địa phương yêu mến lập miếu thờ, và tên



miếu gắn liền với tên núi ở Long Thành - Bà Rịa. Cô bóng Hiên chuyên việc bói toán nhưng thực lòng, khảng khái, được người địa phương tin phục, lập miếu thờ ở Thiện Tân (Vĩnh Cửu), Ngày vía Cô 15/2 âm lịch.

### 3.3.2 Lễ hội

Lễ hội cúng Bà ở mỗi miếu một khác, tùy vào ngày vía của mỗi Bà. Những ngày sóc, vọng, ngày Tết, ngày vía đất, các miếu Bà được mở cửa cúng một lễ nhỏ bằng nhang, đèn, bông, bánh trái. Ngày vía mới là lễ chính. Có nơi cúng thường niên như nhau, có nơi đảo lệ 2, 3 năm một lần. Lễ cúng vía Bà thường vào ban đêm (thuộc âm), do Ban tế tự của làng đứng cúng hoặc có khi do tổ chức Hội mẫu ở địa phương làm chủ lễ. Miếu thuộc hệ dân dã nên nghi thức cúng Bà không đóng khung theo khuôn phép điển lệ; cởi mở, sinh động hơn cúng đình. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn áp dụng nghi thức cúng đình trong cúng miếu.

Lễ vật cúng đơn giản không nhất thiết phải heo sống, heo đen, xôi tinh khiết, cũng không nhiều kiêng kỵ như cúng đình; bình thường thì: Heo quay, heo luộc, mâm xôi, đèn nhang, vàng bạc, bánh trái; có thể cúng vịt; nghèo hơn thì cúng gà, xôi chè, heo thu gọn thành thủ vĩ, vịt quay... nói chung là tùy tâm, tùy sức. Dân làng thành tâm dâng cúng hoa, mâm vàng bạc, đồ trang sức.. đều được miễn là lòng thành.

Lễ hội cúng Bà phổ biến là Hát bóng rỗi, Chạp Địa - Nàng; một loại hình nghệ thuật truyền thống phổ biến ở Biên Hòa - Đồng Nai. Gồm có các nghi thức sau đây: Khai tràng, Châu mời - Thỉnh tổ, Chạp Địa - Nàng, múa bóng, thỉnh lộc và chúc lộc.



*Một hoạt động trong lễ hội cúng bà  
ở miếu Cai Vạn, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai (ảnh Ái Vân)*

Các nữ thần được thờ tại miếu ở Đồng Nai phần lớn có nguồn gốc nữ thần biển, đánh dấu một hồi ức gắn với chặng đường gian lao hình thành các cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai. Với một tập hợp nữ thần phức hệ như thế, Đồng Nai như là điểm hội tụ đồng thời cũng là nơi khuếch tán các hệ tín ngưỡng thờ nữ thần của miền Bắc, miền Trung, miền Tây, người Hoa và bản địa. Tục thờ cúng nữ thần cũng cho thấy, cư dân Việt ở địa phương ít nhất cũng tìm được biểu tượng có ý nghĩa nhân bản hơn tư tưởng Nho giáo vốn xem thường phụ nữ.

## **II. Cộng đồng người Hoa**

### **1. Vài nét về người Hoa ở Đồng Nai**

Do nhiều biến động của xã hội, nhiều dân tộc từ các nơi khác đã tìm đến vùng đất Đồng Nai sinh sống trong nhiều thời kỳ lịch sử. Sự cộng cư nhiều thành phần dân tộc nói chung, trong đó có cộng đồng người Hoa nói riêng đã

góp phần làm đa dạng sắc thái tộc người, sự phong phú về văn hóa của Đồng Nai.

Tại Đồng Nai, sự có mặt của người Hoa từ thế kỷ thứ 17; cụ thể được định vị vào năm 1679. Sự kiện này được ghi chép trong “Đại Nam thực lục tiền biên” và một số sử sách của triều Nguyễn. Vào mùa xuân, tháng Giêng, năm 1679 (Kỷ Mùi), Tổng binh trấn thủ các địa phương thủy lục ở Long Môn tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) là Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tiến; cùng Tổng binh trấn thủ các châu Cao, Lô, Liêm là Trần Thắng Tài (Trần Thượng Xuyên) và phó tướng Trần An Bình đem hơn 3000 quân và hơn 50 chiến thuyền đến các cửa biển Tư Dung và Đà Nẵng xin chúa Nguyễn cho tỵ nạn trên đất Việt. Đây là nhóm người Hoa trung thành với nhà Minh, không chịu thần phục nhà Thanh nên đã nổi dậy phát cờ “bãi Mãn phục Minh” nhưng bất thành. Thấy họ lâm vào cảnh thế cùng lực kiệt, chúa Nguyễn cho phép họ nhập cư. Chúa Nguyễn tiếp đãi nhóm người Hoa này và sai các tướng Văn Trinh, Văn Chiêu hướng dẫn cho họ vào đất Đông Phố để mở mang, sinh sống. Binh thuyền tướng sĩ của Dương Ngạn Địch theo cửa Lô Lạp, cửa Đại, cửa Tiểu đến định cư ở Mỹ Tho; binh lính tướng sĩ Cao, Lô, Liêm của Trần Thượng Xuyên theo cửa biển Cần Giờ đến định cư ở Bàn Lân xứ Đồng Nai (tức Biên Hòa ngày nay).

Bắt đầu từ cuối thế kỷ XVII cho đến những năm cuối thập niên 70, thế kỷ XX, số lượng người Hoa đến vùng Biên Hòa -Đồng Nai nói riêng ngày càng tăng qua nhiều đợt di dân mỗi khi Trung Quốc hay các vùng người Hoa sinh sống có nhiều biến động về xã hội. Trong đó, có những mốc đáng ghi nhận là từ sau năm 1954 và sau năm 1975. Từ sau năm 1975, có 3.331 hộ gồm 17.647 khẩu đến định cư tại Đồng Nai.

Theo thống kê dân số (1/4/1999) thì tổng số người Hoa ở Đồng Nai là 102.331 người. Người Hoa có mặt hầu hết các đơn vị phường, xã, thị trấn của các huyện, thành phố thuộc địa bàn Đồng Nai, đa số tập trung tại thành phố Biên Hòa, các huyện Định Quán, Tân Phú, Thống Nhất, Xuân Lộc, thị xã Long Khánh, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch...

Tín ngưỡng cộng đồng của người Hoa ở Đồng Nai cũng rất phong phú. Tùy theo đặc điểm mỗi bang, hội hay dòng họ mà người Hoa xây dựng những cơ sở thờ tự để cộng đồng thờ bái, cúng viếng. Cộng đồng người Hoa sinh hoạt theo tổ chức Bang thì hệ thống thần linh thờ chính là Quan Thánh Đế Quân, Thiên Hậu, Quảng Trạch Vương, Ông Bồn, Địa Tạng, Bà Thánh, Trần Thượng Xuyên, Án Thủ công công, các vị tổ nghề (đá, mộc, rèn), Thái Tuế. Người Hoa sinh hoạt theo tổ chức hội miếu thì hệ thống thần linh chủ yếu là Thổ Thần, Quan Âm.

Ngoài các đôi tượng thờ chính thường từng tự nhiều vị nhân thần khác. Hơn ba thế kỷ kể từ khi đợt di dân đầu tiên đến Đồng Nai từ cuối thế kỷ thứ XVII, cộng đồng người Hoa đã có những đóng góp đáng kể trên vùng đất mới mà họ chọn làm nơi sinh sống, cư trú. Mặc dù đã trải qua bao thăng trầm, biến động của xã hội, những thế hệ người Hoa đã kề vai sát cánh với các dân tộc cộng cư trên đất Đồng Nai ra sức xây dựng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

## ***2. Về tập quán, tín ngưỡng dân gian của người Hoa***

Ba trăm ba mươi năm có lẽ, kể từ khi đặt chân đến “Đồng Nai xứ sở lạ lùng, con chim kêu phải sợ, con cá vùng phải kinh“, nhóm người Hoa đầu tiên bắt đầu tạo lập cuộc sống trên vùng đất mới. Họ cùng với lưu dân người Việt, số lưu dân đến định cư trước, cần mẫn khai khẩn mưu cầu một cuộc sống ấm no hơn, hạnh phúc hơn nơi mà họ đã ra đi dù trước mắt còn nhiều chông gai trắc trở. Bao thế hệ người Hoa từ đoàn di dân buổi đầu tiên trên đến những đợt di cư do nhiều biến cố xã hội sau này (trong đó có cộng đồng người Hoa trước đây sinh sống tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam, đến Đồng Nai từ cuối thập niên 50, đầu thập niên 60, thế kỷ XX) đã cùng nhau khẩn khai, xây dựng vùng “tị địa “trước xa lạ trở thành “quê hương” thân quen, bao dung họ.



***Chùa Ông Cù lao phò (Biên Hòa) - Một cơ sở tín ngưỡng của người Hoa -  
Thờ ông Quan thánh đế quân (ảnh tư liệu)***

Hành trang đến với vùng đất phương Nam của nhóm lưu dân người Hoa ngoài sự cần cù, nhẫn nại, khéo léo trong buôn bán để mưu cầu cuộc sống no ấm, họ còn mang trong tâm thức mình hình ảnh của tổ tiên, thần, thánh, tập tục,

tín ngưỡng. Do vậy, khi đã ổn định và thành công trong cuộc sống, người Hoa xây dựng nhiều ngôi chùa, đền miếu để tỏ lòng thành, ghi nhớ công lao với tổ tiên, phúc thân mà chính họ quan niệm rằng, đã giúp đỡ, chở che cho cộng đồng người Hoa trong suốt chặng hành trình đầy hiểm nguy và con đường lập nghiệp nơi vùng đất mới. Tín ngưỡng thờ Ông Quan Đế thánh quân với nhiều tên gọi khác để chỉ về nhân vật lịch sử thời Tam quốc: Quan Vân Trường (một con người được tôn thánh của lòng trung nghĩa, tài đức vẹn toàn) được cụ thể hóa bằng các đền, chùa khá phổ biến trên vùng Đồng Nai. Nói một cách khác, có thể xem sự tồn tại hoặc tàn tích của những ngôi miếu, chùa thờ Quan Công là nhận diện được vùng này có cộng đồng người Hoa sinh sống trong lịch sử 320 năm của xứ Đồng Nai - Gia Định. Ở Đồng Nai, tồn tại nhiều ngôi chùa Ông mà điển hình là các địa điểm: Phước Thiện, Bến Gỗ, Cù lao Phố, Bến Cá. Hiện nay, kiến trúc hiện tồn của chùa Ông chỉ còn ở Phước Thiện, Bến Gỗ và Cù lao Phố. Chùa Ông ở Cù lao Phố là một công trình kiến trúc nghệ thuật độc đáo, là cơ sở văn hóa tín ngưỡng được xây dựng sớm và có quy mô lớn của người Hoa.



*Rước đờc ông Quan Thánh đế quân trên sông Đồng Nai  
trong lễ hội chùa Ông, Cù lao Phố (ảnh tư liệu)*

Bên cạnh tín ngưỡng thờ Ông qua đền, chùa, cộng đồng người Hoa còn thờ các vị nhân thần khác có gốc tích từ quê nhà. Di tích Phụng Sơn tự ở thành phố Biên Hòa là một điển hình của người Hoa bang Phúc Kiến. Họ tôn thờ Quảng

Trạch tôn vương - một con người xuất thân từ tầng lớp nghèo khổ nhưng có chí hướng ở vùng Phụng Sơn, Nam An. Sống giúp dân dẹp loạn, chết oai linh hiển hách bảo vệ dân làng nên người Hoa Phúc Kiến suy tôn ông lên bực thánh minh, gọi họ làm danh xưng Quách Thánh vương.

Đồng thời với tín ngưỡng thờ Ông, cộng đồng người Hoa còn có tín ngưỡng thờ Bà - mà nhân vật được tôn thờ là Bà Thiên Hậu. Hầu hết các di tích tín ngưỡng của người Hoa ở Đồng Nai đều có miếu thờ Bà ở bên cạnh. Nguyên ủy bà Thiên Hậu là một nhân vật tài năng nhưng chết trẻ và thường hiển linh cứu độ người dân đi biển khi gặp bão dông, tai ương. Có lẽ, cảm ứng trước sự linh ứng, lòng trắc ẩn và cũng có thể quan niệm chính bà Thiên Hậu đã độ trì giúp cho họ trong chuyến vượt biển tìm đến nước Nam mà cộng đồng người Hoa ở vùng đất Đồng Nai đã không quên lập miếu tôn thờ.

Ở Đồng Nai miếu, chùa thờ bà Thiên Hậu khá phổ biến. Nhưng có lẽ di tích tiêu biểu và quy mô phải kể đến Thiên hậu cổ miếu ở phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa. Nơi đây, vốn là một ngôi miếu nhỏ của những người Hoa bang Hẹ làm nghề đá tạo dựng để thờ Tổ sư Ngũ Đấng. Sự linh ứng của bà Thiên Hậu thu hút nhiều người tôn thờ nên người Hẹ đã rước Bà vào phối tự tại di tích. Đây là một công trình kiến trúc khá độc đáo được phối hợp bởi nhiều thành tố xây dựng nhưng chủ yếu vẫn là kiến trúc đá, được thể hiện tinh xảo bởi các nghệ nhân của người Hoa bang Hẹ. Bên cạnh đó, một số di tích của người Hoa trong quá trình giao lưu văn hóa Việt đã có tính chất Việt hóa như đình Tân Lân, miếu Thiên Hậu, miếu Cây Quăn, miếu Bà Thánh trên địa bàn thành phố Biên Hòa.

Với hệ thống cơ sở tín ngưỡng phong phú, cộng đồng người Hoa bày tỏ lòng thành của mình với thần, thánh, phật, tổ một cách trang nghiêm qua những nghi thức của lễ hội. Họ kính trọng và tôn thờ và luôn cầu mong những điều tốt đẹp của thần thánh ban cho cộng đồng, cho bản thân trong sự tồn tại của chu kỳ đời người. Đó là những khát vọng đẹp đẽ và đáng trân trọng. Những nghi lễ được dung hợp của nhiều quan niệm tín ngưỡng trong các lễ hội đã làm nên sự đa dạng của đời sống tinh thần trong cộng đồng người Hoa.

Tùy thuộc vào đối tượng thờ và phối thờ tại từng cơ sở tín ngưỡng mà ở đó tổ chức những ngày lễ cúng. Các cơ sở thờ thần chung chung thì chọn các ngày trong tháng (thường các ngày cúng được chọn rơi vào các ngày đầu tháng theo định kỳ. Loại hình miếu rầy, miếu thờ thần tại khu vực cộng đồng sinh sống thường có các ngày cúng theo tiết, mùa trong năm như: xuân, hạ, thu, đông và lễ tạ ơn cuốn năm. Các lễ cúng diễn ra trong thời gian ngắn, thường giới hạn trong

một ngày. Những cơ sở có đối tượng thờ được xác định thường chọn các ngày lễ trọng liên quan đến đối tượng thờ như: ngày sanh, ngày đản đạo, hiển thánh hoặc ngày mất.

Về lễ hội có tính chất quy mô, điển hình ở một số cơ sở tín ngưỡng sau, thời gian tính theo âm lịch:

- Thiên Hậu cổ miếu (phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa) theo lệ 3 năm 1 lần, tổ chức lễ lớn vào các ngày 10 đến 13 tháng 6.

- Thiên Hậu tự, đình Tân Lâm (phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa) với lễ Kỳ yên và Địa nàng Bồng rỗi (tính chất Việt hóa).

- Nghĩa từ Phúc Kiến (xã Hóa An) với lễ chay đàn cầu siêu (đáo lệ 3 năm) vào trung tuần tháng 7.

- Miếu Quan Đế (Thất phủ cổ miếu) xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa vía Quan Công hiển thánh ngày 24 tháng 6.

- Các miếu Quan Âm thường diễn ra lễ hội vào ngày 18,19 tháng 2/ vía sanh Quan Âm; có tục đấu giá phúc pháo, đèn.

- Lễ Tả Tài Phán do các miếu Quan Âm tổ chức, kéo dài trong nhiều ngày, không ấn định thời gian cụ thể (thường đáo lệ 5 hay 10 năm, khi miếu có điều kiện về tài chánh).

Đặc điểm chung là mục đích của lễ hội thường là những điều cầu an, cầu phúc, cầu siêu. Ngoài ra, còn có những lễ hội như Tả Tài Phán có thêm tính chất thụ phong cho lực lượng thầy cúng. Một số lễ hội như: Vía Quan Âm, vía Quan Đế, Tả Tài Phán có những hoạt động tính chất hội đã cuốn hút nhiều người tham gia, tham dự có tính xã hội cao như đấu giá đèn lồng. Điểm đáng trân trọng từ các nghi hội này mà nguồn quỹ thu được đã có những đóng góp vào hoạt động phúc lợi xã hội đem lại nhiều hiệu quả tích cực.

Bên cạnh những yếu tố có tính ưu việt đó, cũng cần phải khẳng định rằng: một số lễ hội có những tập tục gây lãng phí nhiều tiền của như tục đốt hàng mã, thời gian kéo dài nhiều ngày. Một số cơ sở tín ngưỡng trong lễ hội còn duy trì, phục hồi những hoạt động mê tín dị đoan như coi bói, xem quẻ. Trong một số lễ hội, đặc biệt là lễ Tả Tài Phán thường có những Mạnh Thường quân là người nước ngoài nên có yếu tố vi phạm về công tác quản lý hành chánh. Những yếu tố được nêu trên cho thấy công tác tổ chức một số lễ hội đã vi phạm vào một số quy định trong Quy chế về Lễ hội được Nhà nước ban hành (QĐ số 39/2002/BVHTT ngày 23 tháng 8 năm 2001). Nếu những yếu tố này sớm khắc phục thì lễ hội của cộng đồng người Hoa ngày càng thể hiện nét văn minh, lành

manh trong đời sống xã hội và thực hiện đúng trong kỷ cương pháp luật nhà nước. Để thực hiện tốt những điều này, trách nhiệm không chỉ của cộng đồng người Hoa trong công tác tổ chức lễ hội mà còn là trách nhiệm của những cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, của chính quyền địa phương các cấp.

Trải qua bao biến cố lịch sử, lúc thăng, lúc trầm, trong suốt quá trình di cư và định cư ở Đồng Nai, người Hoa đã có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc khai phá, xây dựng vùng đất này. Nhóm cộng đồng người Hoa đã để lại những dấu ấn của mình trong diễn trình lịch sử của Đồng Nai. Qua những dấu tích kiến trúc, văn hóa vật chất hiện tồn và cả những nét sinh hoạt văn hoá thông qua các tập tục, tín ngưỡng, ngành nghề, lễ hội... cộng đồng người Hoa đã tạo nên một sức sống mãnh liệt trong dòng chảy lịch sử xứ Đồng Nai. Những dấu tích, kiến trúc các cơ sở tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa đã góp phần làm phong phú, đa dạng thêm bản sắc văn hóa của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai vốn giàu truyền thống và bao dung.

### **III. Cộng đồng các dân tộc bản địa:**

Đồng Nai là tỉnh có nhiều thành phần dân tộc cộng cư. Theo các nguồn sử liệu, trước khi lưu dân Việt đến Đồng Nai khẩn hoang, lập nghiệp vào thế kỷ XVI, thì người Mạ, Choro, X'tiêng đã từng cư trú. Chính vì vậy, các tộc người này được xem là cư dân bản địa của vùng Đồng Nai.

Người Mạ có nhiều tên gọi: Châu Mạ, Chê Mạ, Mạ, Mạ Tô, Mạ Ngan (Ngăn), Mạ Xốp ... Ở Đồng Nai, nhóm cộng đồng người Mạ tự nhận tộc danh của mình là: Mạ Krung, Mạ Klì - tức là nhóm người Mạ sống ở vùng bình nguyên, phía dưới so với nơi cư trú chính, tập trung tại hai huyện phía Bắc là Định Quán và Tân Phú và có khoảng trên 2.000 người.

Người Choro được gọi bằng nhiều tên khác nhau như: Ro, Tô, Xôp (Coop), hay Dơ Ro... Ở Đồng Nai, người Choro có khoảng 13.000 người; sống tập trung chủ yếu tại các huyện Vĩnh Cửu, huyện Định Quán, huyện Xuân Lộc và thị xã Long Khánh.

Người X'tiêng có một số tên gọi khác như: Sa tieng, Sa điêng, X'tiêng, Bù Lơ, Bù Đek, Bù Biêk, Bù Đip, Bù Lấp ... Ở Đồng Nai có khoảng 1.500 người. hầu hết, người X'tiêng ở Đồng Nai đều có nguồn gốc từ tỉnh Bình Phước, hiện nay cư trú tập trung tại huyện Tân Phú, huyện Long Thành, huyện Xuân Lộc.

#### ***1. Tập quán, tín ngưỡng dân gian***



Trong hoàn cảnh điều kiện sống hiện nay, một số tập quán của người Choro, Mạ không còn được duy trì. Thế nhưng, nó cũng còn những ảnh hưởng khá rõ nét trong đời sống của cộng đồng cư dân Choro, Mạ.

Trong chu kỳ đời người, có những phong tục gắn liền với bản thân hay cộng đồng cư dân Mạ với những thời điểm: sinh đẻ, cưới hỏi, tang ma.

Phụ nữ Choro, Mạ khi sinh đẻ có lắm điều kiêng cử. Trước đây, người Choro cất hẳn một cái chòi cho người phụ nữ đến kỳ sinh nở. Những cây cột được chọn làm chòi phải suông, thẳng, không có dây đeo bám. Cửa vào chòi hướng về phía không có cây cối, gò ụ che chắn. Người Mạ chọn một góc trong nhà dọn dẹp, ngăn vách cho người phụ nữ sống trong thời gian sinh con. Mọi thành viên trong gia đình đều có nghĩa vụ săn sóc cho người phụ nữ và đứa bé được sinh ra đời. Thời gian ở cữ thường kéo dài từ 7 đến 9 ngày.

Đứa trẻ khi được sinh ra, vài ngày sau thường được bà mẹ đem ra suối gần nhà tắm rửa với ý niệm: Bệnh tật sẽ trôi theo sông nước, đứa trẻ khỏe mạnh. Trong tuần lễ đầu sau khi sanh, bà mẹ dùng miếng tre nửa mỏng cắt rón cho đứa trẻ. Khi đứa trẻ bị bệnh, người mẹ bồng con với khúc cây mang theo đến một cái giếng gần nhà nhất, đọc lời khấn cho bệnh tật, ốm yếu của đứa con nhập vào khúc cây thế mạng cho con mình. Rồi quăng khúc cây xuống giếng với lòng tin đứa trẻ lành bệnh. Khi trong nhà có phụ nữ sinh đẻ, người Choro, Mạ để những dấu hiệu cho nhiều người biết như cành cây tươi cắm trước cửa để không có ai quấy rầy cũng như đèn trong thời gian ở cữ.

Về hôn nhân, thanh niên Choro, Mạ lớn lên được tự do tìm hiểu, bày tỏ tình cảm qua những lần gặp gỡ, tiếp xúc. Trước đây, khi chọn dâu, rể, các bậc cha mẹ thường đánh giá vào năng lực làm việc, sức khỏe, và đức hạnh. Muốn chọn rể, họ xem công cụ của người con trai như chà gạo, gùi, dao ... có bền, chặt bén hay không. Chọn dâu họ xem nhà bếp có ngăn nắp hay cầu thả, dơ dáy và chú ý xem cô gái có bị cộng đồng lên tiếng dèm pha hay không, ... ; đám cưới theo các nghi thức truyền thống.

Ngày nay, trai gái Choro, Mạ cũng được tự do tìm hiểu, nhưng những nghi thức trong lễ cưới cổ truyền không còn được duy trì. Phần lớn, người Choro, Mạ tổ chức đám cưới theo những nếp đời sống hiện tại của người Việt và một số theo nghi thức tôn giáo mà những gia đình đang theo. Nhưng một số hình thức cổ truyền vẫn duy trì như mang công chiêng theo trong ngày cưới, trình bày cho dòng họ, tổ tiên...

Về tang ma, khi nhà người Choro, Mạ có người thân chết thì gia quyến khóc than, nổi trống chiêng bằng âm thanh bằng âm điệu dành cho ma chay mà

dân làng đến viếng, chia sẻ. Những người đàn vào rừng, lễ cúng tìm cây gỗ tốt để đóng hòm. Nếu gia cảnh người chết không có đủ điều kiện thì họ bó xác bằng chần, chiếu và nẹp tre.

Người Choro, Mạ có tục mở cửa mã ngày thứ bảy với lễ vật cúng gồm có: bánh giã của gia đình làm, gà vịt, chén cơm.

Những tập tục, nghi lễ của dân tộc Choro, Mạ ở Đồng Nai ngày càng được cải biến dần trong quan hệ giao lưu tiếp biến với cộng đồng dân tộc anh em; đặc biệt sự ảnh hưởng của văn hóa người Việt và nghi lễ của các tôn giáo. Những hủ tục lạc hậu bị loại bỏ dần để tiếp thu cái mới. Vì vậy, một số những tập quán được nêu trên chỉ còn lưu lại trong ký ức.

## ***2. Lễ hội truyền thống***

Tín ngưỡng nguyên thủy của dân tộc Choro, Mạ là thờ đa thần với quan niệm mọi vật đều có linh hồn. Vì vậy, họ thờ rất nhiều thần, các hiện tượng thiên nhiên thường xảy ra mà chính cộng đồng, bản thân họ không lý giải được. Đây cũng chính là quan niệm, tín ngưỡng chung của các cộng đồng cư dân bản địa ở Đồng Nai.

*- Người Mạ:*

Hệ thống thần linh người Mạ thờ rất đa dạng. Nhưng có một vị thần mà họ xem là tối thượng trên tất cả các thần linh khác là Yang N'du (Thần N'du). Vị thần vô hình này có tài năng siêu phàm đóng vai trò quan trọng nhất trong tất cả các thần linh. Vì vậy, bất kỳ lễ cúng nào, để tôn trọng và biết ơn, người Mạ đọc lời khấn Thần N'du trước và mời về dự chứng giám.

Dưới Thần N'du là hàng loạt các vị thần khác như: Thần Lúa (Yang Kôi), thần Rừng (Yang Bri), thần Nước (Yang Dah), thần Núi (Yang Bonom), thần Nhà (Yang Hiu), thần Đá (Yang Luh)... Một số sử liệu khác cho thấy người Mạ còn thờ thần Lửa nhưng qua khảo sát tại Đồng Nai, cư dân Mạ ở đây không thờ từ xưa đến giờ. Họ quan niệm, lửa để dùng, không là đối tượng được thờ. Bao trùm lên hệ thống thần linh được thờ trong tín ngưỡng người Mạ là các vị thần có liên quan đến nông nghiệp. Các vị thần này được tổ chức lễ cúng mỗi khi người Mạ tiến hành công việc khai nương, phát rẫy, trồng trọt hay sau vụ mùa thu hoạch trong chu kỳ sản xuất.

Xuất phát từ quan niệm các thần linh có mặt khắp nơi, chi phối đến đời sống con người nên người Mạ tổ chức lễ cúng rất nhiều. Khi đau ốm, bệnh tật, đi rừng, ma chay... người Mạ tổ chức cúng các vị thần liên quan cụ thể. Chẳng hạn, khi đi săn thì cúng thần Rừng (Yang Bri) cầu cho việc bắt được nhiều thú rừng,

không bị thú dữ làm hại; khi làm nhà cúng thần Nhà (Yang Hiu) mong nhà cửa yên ổn, phù hộ không bệnh tật, nợ nần... Lễ vật cúng trong các buổi lễ đơn giản và tùy thuộc điều kiện của mỗi gia đình. Thường các lễ vật người hay dùng: Thịt gà, rượu, gạo, đèn sáp (lấy từ tổ ong). Khi gia chủ cúng thì đọc lời khấn (hoặc thầy cúng) đến các vị thần linh cụ thể để kêu cầu phụ trợ, giúp đỡ.

Trong năm, người Mạ có nhiều lễ cúng. Quan trọng nhất là lễ cúng thần Núi (Yang Bonom) và thần Lúa (Yang Kòi) với sự tham gia đông đảo của cộng đồng. Lễ cúng Thần núi thường được tổ chức cúng vào cuối năm. Một ngọn núi được xem là linh thiêng là nơi thần linh ngự trị sẽ được chọn để làm lễ. Mọi nhà trong làng góp các lễ vật và người có uy tín trong cộng đồng cử hành lễ. Họ trình các lễ vật, đọc lời khấn, tạ ơn thần rừng đã giúp đỡ thời gian qua và mong được gia thêm sự phù hộ cho thời gian tới, cầu xin phúc đến họa trừ cho buôn làng khi đi rừng săn bắt...

Lễ cúng Thần Lúa là lễ lớn nhất trong năm. Thời gian cúng thường được tổ chức vào tháng hai đến tháng ba âm lịch, khi mà người Mạ đã thu hoạch xong mùa màng.

- *Người Choro:*

Gọi thần linh là Yang (Giàng). Hệ thống thần linh người Choro thờ rất phong phú: Yang Nhà, Yang Rừng, Yang Sấm, Yang Mưa, Yang Lúa, Thần lợn rừng

Họ xem việc cúng kiếng các thần linh là cách ứng xử phải lễ đối với thế giới vô hình đang tồn tại, chi phối đến đời sống bản thân, cộng đồng. Người Choro tổ chức cúng khi người thân bị bệnh tật, gia đình gặp nạn hay vi phạm những luật lệ cộng đồng; hoặc cúng khi mở đầu việc làm mùa, thu hoạch hay làm bất cứ một công việc nào đó. Họ kêu cầu sự giúp đỡ hay tạ ơn thần linh. Đồng thời, qua cúng kiếng các thần linh, người Choro bày tỏ lòng thành kính đối với tổ tiên, đó là giềng mối thân thuộc của gia đình, dòng họ mà bất kỳ trong cuộc cúng Yang nào người Choro cũng phải thể hiện trong lời khấn.



*Một nghi thức trong lễ hội Sayangva của đồng bào Choro  
ở xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh*

Trong các loại Yang, người Choro xem trọng nhất là Yang Nhà, Yang Lúa, Yang Rừng. Những loại Yang này có tác động, ảnh hưởng trực tiếp và gần gũi trong hoạt động đời sống của cộng đồng. Yang Nhà theo quan niệm của người Choro là chủ thể nuôi mạng sống gia đình, thân tộc; vì vậy trong bất kỳ lễ cúng nào, người Choro đều trình lễ cúng qua Yang Nhà trước. Nếu không, thì việc cúng không trình qua Yang Nhà sẽ bị xem là hành động ngạo mạn, bị thần linh phạt nặng. Yang nhà được cúng bất kỳ thời gian nào trong năm.

Yang Rừng được người Choro cúng trước mùa mưa trong năm, không ấn định thời gian cụ thể. Dân làng góp lễ vật và người có uy tín nhất trong cộng đồng sẽ tổ chức hành lễ, thay mặt cho cộng đồng cầu xin thần linh của rừng núi ban ơn, hộ trì cho họ khi đi thực hiện các hoạt động liên quan đến rừng như săn bắn, khai phá nương rẫy...

Yang Lúa được người Choro cúng theo định kỳ hàng năm. Thời gian cúng không ấn định cụ thể nhưng thường trong khoảng từ tháng hai đến tháng ba âm lịch, vào những ngày trời đẹp, đêm có trăng sáng. Đây là lễ hội lớn nhất của cộng đồng và để lại những dấu ấn về lễ nghi nông nghiệp của người Choro. Trước đây, khi tính cộng đồng còn chặt chẽ, thể chế nhà dài tồn tại, người Choro tổ chức cúng Yang Lúa tại đây. Lễ hội cúng Yang Lúa thường kéo dài trong nhiều ngày đêm. Mọi người trong buôn làng đều tham dự. Những người thầy cúng giữ vai trò hành lễ trong các nghi thức.

Lễ vật cúng Yang Lúa gồm: thịt gà, thịt heo (đầu heo hoặc nguyên con còn sống), bánh nếp dầu trộn mè, rượu cần, những bông lúa. Riêng phần bánh làm nhiều hay ít tùy theo gia chủ; những loại bánh này làm riêng dùng cho trong ngày cúng Yang Lúa, ngày thường thì không. Rượu cần được làm trước đó nhiều ngày, điều quan trọng là gạo làm rượu phải lấy từ rẫy của gia chủ chứ không được mượn hoặc mua. Ngoài lễ vật cúng, một số loại cây trái được người Choro làm để đãi khách như: đọt mây rừng, rau nhíp, củ mì, com lam, củ nần, củ chup được đốt nướng trong ống tre lồ ô.

- *Người S'tiêng:*

Người S'tiêng còn thờ thần mặt trời, thần sấm sét cai quản đất đai; thần mặt trăng coi sóc việc gặt hái và cây cối; thần núi, thần lúa, thần rừng, thần suối,... Thần lúa được đồng bào hình dung là người phụ nữ trẻ và đẹp. Họ cũng rất tin có sự hiện hữu của thế giới ma quỷ chuyên đi gây hại cho con người nhưng không có thầy phù thủy để diệt trừ tà ma, mỗi làng thường có một vài vị là bà bóng, thầy cúng chuyên lo việc bói toán, cúng bái cho các gia đình thành viên trong làng khi hữu sự.

Trong các lễ cúng, các vị thần hoặc các lực lượng siêu nhiên nói chung được nhắc rất nhiều trong lời khẩn cầu xin, hay tạ ơn, hay thông báo điều gì đó. Lễ vật hiến tế thường là rượu, gà, lợn, trâu, bò. Đồng bào quan niệm số lượng vật hiến tế càng nhiều và con vật càng lớn chứng tỏ lễ cúng càng to, thần linh càng quyền thế, quan trọng. Đồng thời cúng thể hiện lòng thành, nguyện ước, cầu mong của họ được thần linh chứng giám nhiều hơn.

Trong năm, người S'tiêng có rất nhiều lễ cúng với qui mô lớn nhỏ khác nhau như:

Lễ cúng thần Neaktà thường được tổ chức tại làng hoặc miếu thờ trong rừng nhằm xua đuổi những bệnh tật, rủi ro, những điều xui xẻo... Để tổ chức lễ cúng, các thành viên trong cộng đồng góp rượu, thịt, gà, gạo... cúng xong cùng nhau ăn uống tại miếu rồi giải tán.

Lễ cúng Veha cầu cho cộng đồng được bình an, mùa màng tươi tốt. Lễ cúng thần đất khi bắt đầu phát nương rẫy. Khi chọc lỗ tía lúa, người S'tiêng làm lễ cúng thần lúa. Lễ cúng com mới khi lúa chín.

Người S'tiêng tin rằng mỗi con suối, mỗi khúc sông đều có thần cai quản nên khi đánh được mẻ lưới đầu tiên, sẽ làm lễ cúng pha bào (hình thức trả lễ thần sông suối).

Quan trọng nhất là lễ cúng thần lúa thường được tổ chức vào tháng âm lịch. Đây là lễ lớn nhất được coi như ăn tết của người S'tiêng, còn được gọi là lễ cúng rơm. Tùy điều kiện của từng gia đình, người ta mổ gà, mổ heo hoặc trâu, bò để ăn uống, ca hát, tạ ơn thần lúa đã cho cái ăn nuôi sống gia đình, cộng đồng.



*Biểu diễn công chiêng trong lễ hội của người S'tiêng Tà Lài - Tân Phú  
(Ảnh: Minh Trí)*

Lễ hội đâm trâu thường được tổ chức mừng được mùa lớn (gia đình thu hoạch lúa từ 100 gùi cỡ to trở lên), mừng chiến thắng kẻ thù, mừng làm ăn, phát đạt, mừng con cái lớn khôn... cùng với hiến sinh trâu còn có cả bò, heo. Nếu hiến sinh một trâu, cột lễ để buộc trâu làm đơn giản, nhưng từ hai trâu trở lên thì cột lễ được trang trí các họa tiết hoa văn đẹp, chế tác công phu. Lễ hội thường kéo dài suốt hai, ba ngày đêm liên tiếp. Cách nay dăm chục năm, người S'tiêng tổ chức đâm trâu như các dân tộc Tây Nguyên, ngày nay tục này hầu như không còn.



*Lễ hội đâm trâu của người S'tiêng ở Tà Lài - Tân Phú  
(Ảnh Minh Trí)*

Người S'tiêng có một số những kiêng cử như: Đã chọn xong đất làm rẫy, nếu gặp rắn, xương rắn, con cù lằn, con kì đà thì người ta kiên quyết bỏ không làm. Lập sóc mới, cấm người lạ bảy ngày đầu không được vào, dấu hiệu khi người S'tiêng lập sóc mới như: chằng dây ngang đường và buộc cành lá xanh làm hiệu. Cũng cấm mang vào sóc các ghè đựng rượu. Ai vi phạm sẽ bị phạt nặng. Trong thời gian bảy ngày, dân sóc kiêng ăn thịt heo, gà và rau cải. Họ dựng buộc trâu chuẩn bị làm lễ dựng sóc mới. Đàn ông ngủ toàn bộ trong rừng. Khi nhà sàn mới dựng xong thì bảy ngày đầu phải nấu ăn ở gầm sàn, sau đó mới được nấu ăn ở bếp ăn gia đình. Trước cửa ngôi nhà thường treo tổ ong vò vẽ để trấn ma quỷ.

Một trong những điều kiêng cử nữa là thấy chim két bay qua, họ cho là sóc sắp bị tấn công. Vào sóc, khách phải gặp trưởng sóc trước tiên, không được vào nhà người bị bệnh vì có thể mang cái chết cho người này. Nếu chó chết thì phải ăn hoặc quăng đi. Không được chôn vì chỉ con người mới được chôn, nếu chôn chó chết thì nhà đó sẽ mất một người. Heo, gà chỉ sinh ba con thì không nuôi, tốt nhất là mang bán. Gà không vào chuồng ban đêm thì hôm sau đem thịt để tránh tai họa cho chủ nhà, ... và rất nhiều những điều kiêng cử khác của người S'tiêng.

Cũng giống với các giống tộc anh em cư trú tại Đồng Nai, tộc người S'tiêng có đời sống văn hóa tinh thần vô cùng phong phú và đa dạng. Trước đây, với điều kiện sinh hoạt, lao động, đời sống còn nhiều khó khăn nên

đồng bào luôn tin vào thần linh. Vì thế, tín ngưỡng dân gian và lễ hội truyền thống của người S'tiêng vô cùng đặc sắc. Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đời sống của đồng bào được cải thiện rất nhiều. Các phong tục, tập quán, tín ngưỡng dân gian luôn được người S'tiêng lưu giữ, bảo tồn và phát huy. Góp phần làm phong phú, đa dạng hơn trong văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc sinh sống tại Đồng Nai nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung.

Sau phần lễ, cả cộng đồng người Mạ và người Choro, S'tiêng đều cùng dự tiệc, đánh chiêng, nhảy múa, hát ca bên ánh lửa ngay nhà Dài hoặc bãi đất trống, rộng nơi tổ chức lễ hội.



Phải khẳng định rằng, các tập quán, tín ngưỡng dân gian dù là của người Việt, người Hoa hay cộng đồng các dân tộc bản địa ở Đồng Nai thì đó cũng là truyền thống tốt đẹp ngàn đời của dân tộc Việt Nam. Nó được hình thành và vun đắp từ thuở sơ khai, mở cõi thậm chí là trước đó nữa. Với người Việt, tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên hay cụ thể hơn là thờ Quốc tổ Hùng Vương là một truyền thống lâu đời của dân tộc ta. Truyền thống ấy thấm sâu vào lòng người, trở thành một nhu cầu về tình cảm, một biểu hiện về mặt đạo đức. Đặc biệt, truyền thống ấy là sức mạnh tinh thần để dân tộc ta vượt qua mọi gian nan, thử thách trong suốt chiều dài lịch sử.

Thờ vua Hùng là biểu hiện của lòng biết ơn và tôn vinh công lao dựng nước của Tổ tiên. Với sự linh thiêng và uy nghi của tín ngưỡng thờ Vua Hùng, ý thức cộng đồng dần được hình thành từ trong gia đình, củng cố trong làng xã rồi phát triển trong toàn quốc theo quan hệ huyết thống: dòng máu Lạc Hồng, con cháu Lạc Hồng...

Truyền thống ấy chính là “sợi dây tâm linh” gắn kết toàn dân tộc như cây một cội, như con một nhà, đồng thời góp phần hình thành và hoàn thiện nhân cách của mỗi con người. Từ đây sức mạnh đoàn kết đang là động lực để đất nước ngày một phát triển vững bước đi trước mọi thử thách và biến cố của thời cuộc.

Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai còn thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Tri Phương, Trần Hưng Đạo, Trương Quyền, ..... các nhân vật lịch sử có thật, nhân thần đến nhiên thần như Thần Thành hoàng bốn cảnh, bà chúa Kho, mẫu Liễu Hạnh, chúa Xứ nương nương ... Dù đó là nhân thần hay nhiên thần thì các vị thần đều toát lên một giá trị cơ bản đó là chủ nghĩa yêu nước, chống giặc ngoại



xâm. Mỗi tín ngưỡng dân gian thờ cúng các vị đều chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc, tạo cho con người niềm tin, sức mạnh, động lực về tinh thần để vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Nó không chỉ là nét đẹp trong văn hóa truyền thống Việt Nam mà còn góp phần cho văn hóa Việt Nam thêm đậm đà bản sắc.

Ví như người dân đến lễ hội, trước là dâng lên Thần, mẫu, các đối tượng thờ những lễ vật, cầu quốc thái dân an, mùa màng bội thu, gia đình êm ấm, hạnh phúc; sau được gặp gỡ bà con, làng xóm, trò chuyện, tâm sự chuyện học hành con cái, chuyện làm ăn của gia đình, tạo nên mối liên hệ, gắn kết cộng đồng với nhau.

Còn với cộng đồng người Hoa thờ Quan Công - tượng trưng cho sáu chữ “Trung, nghĩa, tín, trí, nhân, dũng”, những đức tính đẹp mà con người ai cũng cần học hỏi, trui rèn; hay thờ mẹ Quan Thế âm bồ tát hiện thân của đức từ bi. Muốn nói lên tình thương chân thành tha thiết nhất trong con người, không tình thương nào qua tình mẹ thương con. Vì thế, dù là người Việt, người Hoa thì tín ngưỡng dân gian này vẫn luôn được duy trì và lưu giữ.

Với cộng đồng các dân tộc bản địa cũng vậy - thờ Thần Lúa, Thần Rừng .... Mỗi một cộng đồng có một tín ngưỡng riêng. Mỗi tín ngưỡng mang một sắc màu riêng. Nếu chúng ta biết duy trì, phát huy những mặt tích cực, không cho nó biến tướng những mặt hạn chế thì cá nhân tin chắc rằng chính những điểm riêng biệt trong tín ngưỡng dân gian của người Việt, người Hoa và các dân tộc bản địa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sẽ góp phần tạo nên bản đồ sắc màu rực rỡ về văn hóa dân gian của tỉnh nhà.

Vào những ngày cuối và đầu của mỗi năm, nếu đi đến khắp các xã, phường trên địa bàn tỉnh, chúng ta cũng thấy không khí náo nức của lễ hội. Đó chính là những thời điểm thiêng liêng để tất cả mọi người cùng hướng về cội nguồn, để tưởng nhớ tới những vị anh hùng, những vị thành hoàng làng đã cứu giúp và phù trợ cho nhân dân được an lành, ấm no và hạnh phúc. Đó chính là nét đẹp trong đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ta. Đồng thời cũng là những truyền thống văn hóa tốt đẹp lắng đọng thành những tinh hoa văn hóa ngàn năm của mảnh đất “Miền Đông gian lao mà anh dũng” và nổi bật lên là truyền thống yêu nước ngàn đời của dân tộc Việt Nam.

\*\*\*

## **\* GIỚI THIỆU MỘT HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI MÀ BẢN THÂN THAM GIA**

Là người công tác trực tiếp trong ngành di sản văn hóa của tỉnh Đồng Nai, cá nhân được đi điền dã rất nhiều nơi, tham gia rất nhiều lễ hội của các cộng đồng từ người Việt, đến Hoa đến các dân tộc bản địa trên địa bàn tỉnh. Mỗi một dân tộc có những tập quán, tín ngưỡng khác nhau, rất phong phú và đa dạng. Đặc biệt, các hoạt động gắn với cộng đồng tại địa phương rất đặc sắc. Tuy nhiên, tôi sẽ giới thiệu một hoạt động tín ngưỡng dân gian của người Việt gắn với cộng đồng xã hội tại huyện Nhơn Trạch. Đó là lễ hội Kỳ yên tại đình Phước Thiện (ấp Trầu, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai).

Đình Phước Thiện được khởi dựng vào đầu thế kỷ XIX, với lối kiến trúc chữ Công (I), được xếp hạng là di tích cấp tỉnh vào năm 2009.

Đối với đình Phước Thiện thì lễ cúng khác so với một số đình làng ở vùng Nam bộ; lễ cúng Tiên hiền, Hậu hiền được tách riêng với lễ Kỳ yên, tổ chức vào ngày rằm tháng 8 (âm lịch) hàng năm, nhằm ghi nhận công lao khai khẩn lập làng, ấp của các vị. Lễ cúng được tổ chức đơn giản không có học trò lễ, không có các nghi thức cúng cỗ truyền với các lễ vật: rượu, hoa quả, bánh, trà, vài món ăn mặn như chiên, xào,... Các dãy bàn thờ trước Chánh điện không cúng chỉ bày biện lễ vật đầy đủ rồi thắp hương.

Lễ cúng Kỳ yên hay còn gọi là lễ Cầu an được tổ chức vào ngày 15, 16 tháng 11 (âm lịch) hàng năm; mục đích tín ngưỡng là cầu cho mưa hòa gió thuận (phong điều vũ thuận), mùa màng tươi tốt (phong đăng hòa cốc), quốc thái dân an, nhà nhà sung túc, cuộc sống ấm no.

\* Để một lễ Kỳ yên được tổ chức, Ban Quý tế đình Phước Thiện sẽ tiến hành như sau:

- Ngày 30/10 âm lịch hàng năm họp Ban Quý tế để bàn bạc và phân công nhiệm vụ, công việc dọn vệ sinh toàn bộ khuôn viên đình, phát cây tía cành, trồng hoa vào chậu chuẩn bị cho ngày đại lễ.

- Ngày 10/11 âm lịch là Tu lý (Ban Quý tế tập trung nhân sự, phân công công việc, tiến hành sửa sang, quét dọn trong đình). Công việc như vệ sinh bàn thờ, lau chùi lư đồng, đỉnh đồng...

- Ngày 13/11 âm lịch viết liễn đối dán lên các cây cổ thụ trong đình.

- Ngày 14/11 âm lịch toàn thể Ban Quý tế cùng bà con dân làng tập trung tại đình sửa sang, dọn dẹp, vệ sinh lại lần cuối.

- Ngày 15/11 âm lịch tiến hành nghi lễ Dựng nêu, lễ Thượng kỳ, lễ Tinh sanh (lần 1) và lễ Túc yết.

- Ngày 16/11 âm lịch tiến hành lễ Tinh sanh (lần 2), lễ Đàn cả, lễ Hạ nêu và Hạ kỳ.

\* Xưa kia, lễ Kỳ yên ở đình Phước Thiên gồm có các nghi lễ sau:

- Lễ Dựng nêu;
- Lễ Thượng kỳ;
- Lễ Rước sắc;
- Lễ Khán sắc;
- Lễ Tinh sanh (02 lần);
- Lễ Túc yết;
- Lễ Xây chầu;
- Lễ Đàn cả;
- Lễ Hồi sắc;
- Lễ Hạ nêu.

\* Ngày nay, lễ Kỳ yên tại đình Phước Thiên còn lại các nghi lễ sau:

- Lễ Dựng nêu;
- Lễ Thượng kỳ;
- Lễ Tinh sanh (02 lần);
- Lễ Túc yết;
- Lễ Đàn cả;
- Lễ Hạ nêu.

\* Lễ vật cúng trong lễ Kỳ yên:

Xôi: Là lễ vật trọng, hầu như nhà nào cũng mang một mâm xôi ra đình để tế Thần nhằm bày tỏ tấm lòng tri ân của gia đình đối với Thần, đã giúp họ được mùa, sức khỏe dồi dào, gia đình bình yên.

Từ đêm ngày 15/11 âm lịch tại nhà một vị cao niên trong làng, tôi bắt đầu tham gia nấu xôi cùng các bà, các chị để dâng lên thần Thành hoàng bốn cảnh làng Phước Thiên. Thật vui khi được nghe bác chủ nhà - người lớn tuổi trong làng chia sẻ: để nấu được những chò xôi thơm, ngon, hạt xôi mềm và màu sắc

đẹp thì công đoạn chuẩn bị nước nấu xôi là quan trọng nhất. Nước nấu xôi được lấy lên từ giếng trong làng, lọc một lần qua vải màn sạch và đựng trong những chiếc vại đất lớn để ở hiên nhà. Cho một ít phèn chua vào trong mỗi vại, tùy vào lượng nước trong vại mà cho phèn chua nhiều hay ít. Sau đó, đậy nắp lại, để trong ba ngày để các tạp chất trong nước giếng lắng và vo kết lại dưới đáy vại, dùng nước này để nấu xôi. Khi lấy nước nấu phải lấy từ từ ở trên, không giục mạnh, tránh tạp chất dưới đáy vại nổi lên. Đây là kinh nghiệm được ông nội và cha truyền lại cho bác.



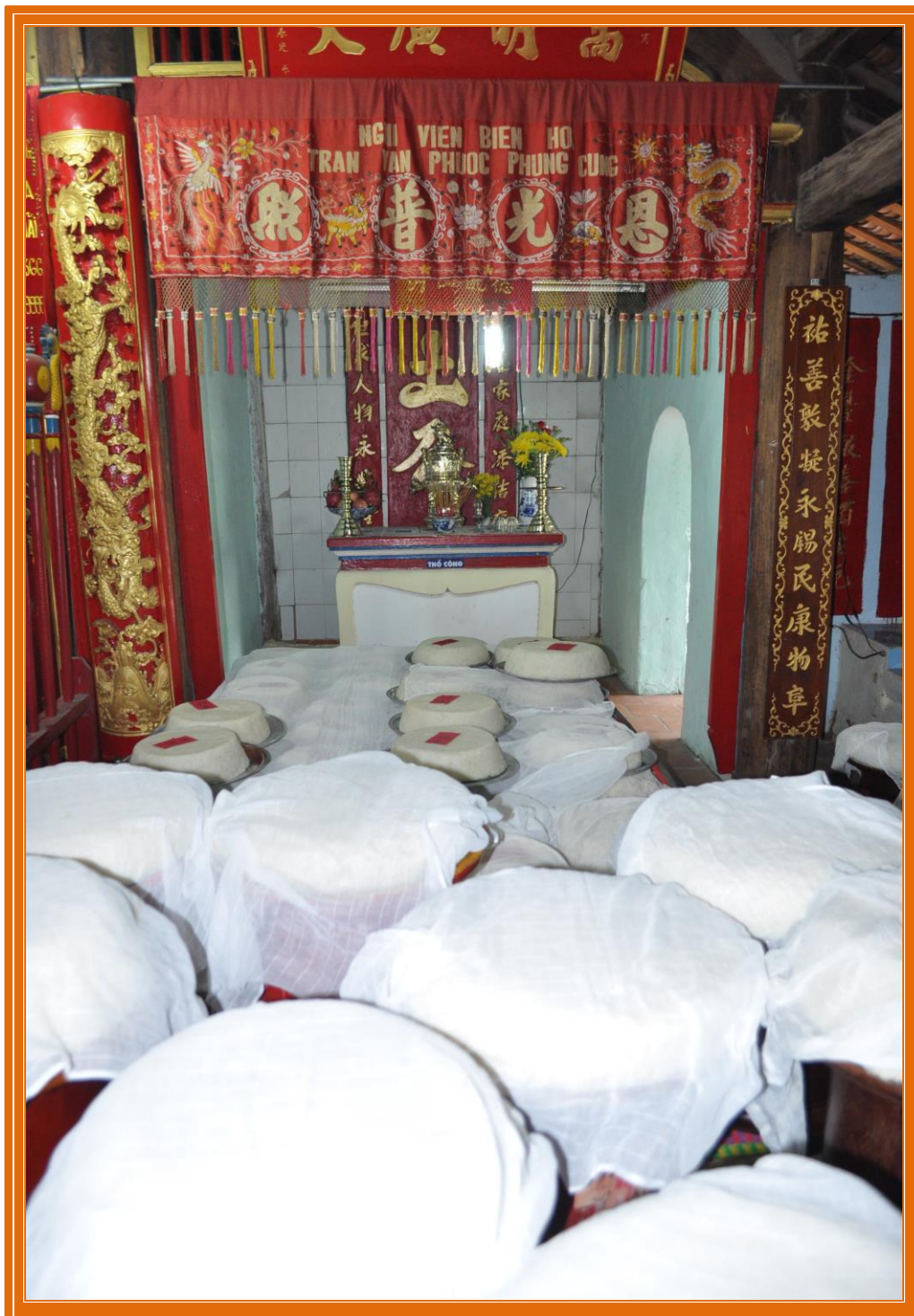
*Quang cảnh nấu xôi trong lễ Kỳ yên tại đình Phước Thiện (ảnh Huỳnh Nga)*

Công đoạn thứ hai cũng không kém phần quan trọng là chọn loại nếp dùng để nấu xôi. Nếp được chọn hạt phải to, tròn, bóng và đều hạt, không bị sâu mọt. Vo nếp đến khi nước vo thật trong rồi mang đi ngâm tối thiểu 30 phút, tối đa 40 phút trước khi nấu. Nguyên tắc nấu nước thật sôi trước khi cho nếp vào nồi và đậy nắp lại. Đun lửa đều trong 30 phút, dùng đũa tre cái xới nếp lên, rồi thêm ít nước lắng phèn và đun thêm trong 20 phút, mở nắp, tiếp tục cho thêm ít nước lắng phèn và đun trong 10 phút rồi tắt lửa. Thông thường mỗi đợt nấu như vậy cần khoảng 60 phút là xôi chín. Cứ thế, xôi được xới trải ra nong tre dưới có lót lá chuối, chờ xôi bớt nóng và thực hiện công đoạn đồ xôi lên chò.

Sau đó, dùng vải màn sạch phủ lên trên mỗi chò xôi. Công việc này bắt buộc do nam giới làm, phụ nữ thì phụ trách việc nấu xôi.

Các chò xôi trắng sẽ được mang ra đình, dâng lên bàn Thần và các ban thờ khác vào sáng sớm hôm sau.

Thịt: lễ vật tế Thần của đình Phước Thiên ngày nay, không theo cổ lệ chính thống là “Tam sanh” tức ba con vật dùng trong hiến tế: heo, bò, dê mà hầu như dân làng chỉ dùng toàn thịt heo để tế Thần.



*Những chò xôi trắng dâng lên Thần Thành hoàng trong lễ Kỳ yên đình Phước Thiên (H. Nhơn Trạch) - ảnh Huỳnh Nga*

Con gói: chỉ chung các con heo quay, vịt quay... của tư nhân mua để cúng tạ khi họ cầu Thần phù hộ để làm một việc gì. Tùy theo lời van vái mà họ đã hứa với Thần sẽ đáp lễ vật.

Heo com: là con heo để tế Tiên hiền, Hậu hiền. Heo này trước khi cúng phải làm lễ Tĩnh sanh và được xẻ thịt đãi khách sau khi tế. Riêng đình Phước Thiện con heo này không dùng để tế Tiên hiền, Hậu hiền nhưng vẫn được làm lễ Tĩnh sanh rồi xẻ thịt thiết đãi khách.



*Các vị cao niên tem trà trong lễ Kỳ yên đình Phước Thiện (H. Nhơn Trạch)  
(ảnh Huỳnh Nga)*

Rượu, trà, bánh trái, trâu cau: lễ tế Thần dâng ba tuần rượu, một tuần trà (9 ly rượu, 3 ly trà); rượu cúng lễ là rượu trắng. Ngoài ra, dân làng, khách mời đến dự lễ, dâng cúng các loại rượu tây, hoa quả, bánh trái đều không kiêng kỵ gì.



*Trầu cau đã được tem, và chẻ sẵn chuẩn bị dâng lên Thần Thành hoàng  
(ảnh Huỳnh Nga)*

Tại đình Phước Thiện, vẫn còn duy trì tục tem trầu, cau trước là dâng lên Thần Thành hoàng bốn cảnh và các vị thần phối thờ khác sau là mời khách (chủ yếu là cao niên) dùng khi đến dự lễ hội Kỳ yên.

**\* Nghi thức cúng tế trong lễ Kỳ yên:**

***Lễ Dựng nêu và lễ Thượng kỳ:***

Sự khác biệt trong nghi thức cúng lễ Kỳ yên ở đình Phước Thiện so với các ngôi đình khác ở Nam bộ là lễ dựng nêu vẫn còn được gìn giữ và phát huy, nhằm mục đích trừ đuổi quỷ đến quấy rối bà con dân làng trong ngày đại lễ của đình làng. Cây nêu được chọn để dựng là một cây tre dài, vót hết gai, để chóp lá tre nhỏ trên ngọn.



*Cờ, chuông, quạt mo... chuẩn bị treo lên cây nêu ở đình Phước Thiện  
(ảnh Huỳnh Nga)*

Ở đình Phước Thiện, lễ Dựng nêu được kết hợp với lễ Thượng kỳ, nghi thức này được tiến hành như sau:

Ngày 15/11 âm lịch: buổi sáng, dân làng cùng các thành viên trong Ban tế tự tề tựu về đình Phước Thiện, chuẩn bị làm lễ Dựng nêu và lễ Thượng kỳ.

Đúng 7h, năm vị bô lão của làng mặc áo dài khăn đóng tiến về hướng cột cờ trước sân đình, buộc vào cây tre một cành trúc nhỏ có gắn lá Quốc kỳ. Cách một đoạn cây tre, lá Đại kỳ được gắn kèm ở góc là một chuông nhỏ, một chiếc quạt mo cau hình tròn. Năm vị bô lão cùng một vài thanh niên trong làng tiến hành dựng nêu. Cây nêu, cờ được dựng lên cũng là lúc mọi hoạt động trong đình mới được phép tiến hành. Có thể nói rằng, đây là một nét văn hóa đẹp mà đình Phước Thiện cũng như nhân dân làng Phước Thiện còn lưu giữ được cho đến hôm nay.





*Cây nêu được dựng lên trong lễ Kỳ yên đình Phước Thiên, H. Nhơn Trạch  
(ảnh Huỳnh Nga)*

***Lễ Tỉnh sanh (lần 1):***

Ban tế lễ đặt con heo lên sàn nước gần nhà bếp, bôi té vào lạy Thần xin làm lễ Tỉnh sanh.

***Lễ Túc yết:***

14h, ngày 15/11 chuẩn bị đầy đủ lễ vật, nhang đèn, y phục, mõ, chiêng, trống, nhạc lễ bắt đầu tiến hành lễ Túc yết để nghinh Thần và trình báo việc tổ chức lễ tại đình.

Việc chuẩn bị đã xong, lễ sinh bắt đầu xướng các nghi thức tuần tự như sau:

Chấp sự viên tựu vị: Các vị đánh trống lệnh, mõ, chiêng và trống đứng vào vị trí của mình.

Quy: Các vị này tiến về bàn thờ Thần quy trình diện Thần.

Chấp sự già các tư kỳ sự: các vị lui ra, ai về chỗ nấy.

Củ soát tế vật: kiểm soát lễ vật có đầy đủ chưa.

Khởi thái bình: đánh ba hồi mõ.

Khởi minh chinh: đánh ba hồi chiêng.

Khởi đại cô: đánh ba hồi trống lớn.

Nhạc sinh tựu vị: ban nhạc khấn áo chỉnh tề vào chỗ.

Nhạc sinh nghinh Thần: ban nhạc vào xá lạy Thần.

Nhạc sinh tác nhạc: Các nhạc công của ban nhạc lễ hòa ba hồi chín chập.

Nhạc sinh hoàn cựu sở: ban nhạc về chỗ cũ.

Đông hiến tựu vị: Đông hiến vào trước bàn nghi.

Tây hiến tựu vị: Tây hiến vào trước bàn nghi.

Bồi tế tựu vị: Hai bồi tế vào trước bàn nghi.

Chánh tế tựu vị: Chánh tế bước vào trước bàn nghi.

Nghệ quán tẩy sở: các vị chánh tế, bồi tế, đông hiến, tây hiến đến chỗ thau nước.

Quán tẩy: các vị rửa mặt.

Thuế cân: các vị lau mặt.

Chỉnh y quan: các vị sửa lại khăn áo.

Phục vị: các vị trở về trước bàn nghi.

Nghệ hương án tiên: Chánh tế, bồi tế đi lên trước bàn hội đồng ngoại, học trò lễ bung đà hương đi vào.

Quy: Các vị cùng quy.

Phần hương: chánh tế đốt hương xong, đưa ba nén hương lên ngang trán.

Niệm hương: chánh tế niệm hương khấn nguyện.

Thượng hương: chánh tế đưa ba nén hương cho lễ sinh. Chánh tế, bồi tế lạy Thần một lạy. Lễ sinh đem ba nén hương xuống trước bàn nghi và dâng lên bàn thờ Thần.

Phủ phục hưng bình thân: Chánh tế, bồi tế đứng dậy.

Hung bái (ba lần): Chánh tế, bồi tế lạy thêm ba lần nữa.

Hưng bình thân: Chánh tế, bồi tế đứng dậy.

Nghinh thân cúc cung bái: Chánh niệm hương lạy Thần một lạy.

Thiếu thời (Lễ nhượng): Châm dứt nghi lễ: chánh tế, bồi tế xá ba xá rồi lui ra hai bên.

Viên quan chức sắc đồng lai bái: hội viên trong hội đến trước bàn nghi lạy Thần bốn lạy.

Kỳ lão đồng lai bái: các vị bô lão đến trước bàn nghi lạy Thần bốn lạy.

Phục vị: các vị trở về trước bàn nghi.

Hành sơ hiến lễ: Lễ dâng rượu lần thứ nhất.

Nghệ tửu tôn sơ: Lễ sinh bung đài rượu vào trước bàn nghi. Chánh tế, bồi tế tiếp lấy ba nhạo rượu, xá một xá, rót vào ba ly độ phân nửa rồi đưa nhạo và bal y rượu cho lễ sinh.

Nghệ tôn thần vị tiên: Lễ sinh gồm một cặp dâng, cặp đài đi trước, theo sau là chánh tế, bồi tế đến trước bàn hội đồng ngoại.

Quy: các vị quy xuống.

Tấn tước: Chánh tế, bồi tế bung lấy nhạo rượu đưa lên ngang trán khấn nguyện.

Hiền tước: Lễ sinh đứng dậy. Chánh tế, bồi tế vãn qui.

Phủ phục hưng bình thân: Chánh tế, bồi tế đứng dậy.

Hung bái (ba lần): Chánh tế, bồi tế lạy thêm ba lần nữa.

Hưng bình thân: Chánh tế, bồi tế đứng dậy.

Phục vị: các vị trở về trước bàn nghi.

Nghệ độc chúc vị: Hương vãn vào trước chánh điện, Học trò lễ cầm đèn.

Giai quy: Hương vãn và Học trò lễ quy.

Chuyển chúc: đem bản sớ vào, Học trò lễ soi đèn cho Hương vãn.

Độc chúc: Hương vãn đọc bản vãn tế.

Hưng bình thân: đứng lên xá Thần.

Xảo thời: Hương vãn lui ra.

Hành á hiến lễ: hiến tuần rượu thứ hai, nghi lễ như lần đầu.

Hành chung hiến lễ: dâng tuần rượu cuối. Nghi lễ vẫn như trước.

Nghệ ẩm phước dị: Học trò lễ lên bàn thờ Thần, ban tế lễ sót rượu đã cúng Thần vào ly cho Học trò lễ bung ra.

Giai quy: Chánh tế và Học trò lễ quỳ xuống.

Ẩm phước: Chánh tế uống rượu Thần ban cho.

Xảo thối: Chánh tế lui ra.

Phục vị: Chánh tế vào chỗ cũ.

Điểm trà: Học trò lễ bung trà, đi thẳng vào Chánh điện, Ban tế lễ tiếp trà dâng lên bàn thờ Thần.

Tạ thần súc cung bái: tất cả lạy Thần bốn lạy theo nhịp Học trò lễ xướng.

Hung bình thân: đứng lên.

Xảo thối: tất cả lui ra.

Phần chúc: Hương văn đốt văn tế.

Lễ tất: Lễ tế chấm dứt. Chánh tế, bồi tế lạy Thần một lạy rồi lui ra trước, lễ sinh lạy Thần một lạy rồi lui ra sau. Lễ Túc yết kết thúc.

### ***Lễ Tỉnh sanh (lần 2):***

Bắt đầu vào lúc 0h, ngày 16/11; chỉ khác lần Tỉnh sanh trước là bồi tế nhỏ một ít lông gáy bỏ vào ly và hứng một ít chút máu tươi đưa cho Chánh tế dâng lên bàn thờ Thần để làm lễ ế mao huyết.

Trải nghiệm tiếp theo của tôi là được chứng kiến cảnh giành lễ vật khi cúng thần Nông và lễ Ế mao huyết vào lúc 02 giờ sáng của ngày hôm sau (tức 16/11 âm lịch). Sau lễ tỉnh sanh là lễ cúng thần Nông và Ế mao huyết. Để thực hiện lễ này, bác chánh tế dùng chén sạch hứng huyết cùng một nhúm lông của con heo đã được chọc tiết trong lễ Tỉnh sanh đặt lên bàn hương án. Chén huyết có ít lông này gọi chung là "mao huyết". Sau khi thực hiện các nghi lễ ở bàn hương án với sự tham gia của dàn nhạc lễ, chén huyết được người chấp sự mang ra bàn thờ thần Nông để thực hiện nghi thức đốt hương, nguyện hương, thượng hương và quỳ lạy trước khi dâng ba tuần rượu, rồi mang chén huyết ra phía góc cây có đào hồ sẵn gần bàn thờ thần Nông, đặt chén huyết xuống và lấp lại.



*Ban Quý tế đình Phước Thiên đang thực hiện nghi lễ Ế mao huyết  
(ảnh Huỳnh Nga)*

Sau đó dâng trà ở bàn thờ thần Nông, khi nghe xướng “phân hóa”, chánh tế đốt giấy vàng mã, kết thúc phần lễ Ế mao huyết. Theo lời kể của các cụ bô lão trong làng, nghi thức Ế mao huyết xuất phát từ chuyện khi xưa, quan quân trên đường hành quân, lúc dừng chân nghỉ ngơi, quân lính làm thịt heo, trâu, bò... xong thường đào hố chôn tất cả lông và nhiều bộ phận khác của con vật cho sạch sẽ.

Trong khi cúng trước bàn thần Nông, có đông đảo nam thanh niên quây quanh đó. Lễ tất, họ nhanh chóng giành nhau lấy miếng thịt, đĩa xôi, trái cây, bánh, ... Trong chớp mắt, trên bàn thờ thần Nông không còn một lễ vật nào. Mọi người đứng xung quanh cười ồ lên và nhìn nhau vui vẻ. Tôi chưa kịp hiểu chuyện gì vừa diễn ra thì được bác chánh tế giải thích:

- Đây là tục của làng, nếu đông người vào giành nhau lễ vật trên bàn thờ thần Nông khi cúng xong thì năm ấy mùa màng bội thu, cuộc sống dân làng sẽ ấm no và hạnh phúc.

#### **Lễ Đàn cả:**

02h sáng ngày 16/11, lễ Đàn cả được bắt đầu nhằm mục đích tạ ơn Thần đã ban cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu, cuộc sống ấm no, đầy đủ. Đây là lễ chính của đình, nghi thức hoàn toàn giống các nghi thức trong lễ Túc yết.

Duy chỉ khác một câu ở Nghi âm phước: lễ Túc yết xướng: “Nghinh thần cúng bái” còn lễ Đàn cả đổi thành: “Tạ thần cúng bái”.

Lễ Đàn cả kết thúc.

### **Lễ Hạ nêu và Hạ cờ:**

Kết thúc lễ Đàn cả, toàn thể các thành viên trong Ban Quý tế cùng bà con dân làng tiến hành hạ nêu và hạ cờ. Lễ được tiến hành rất đơn giản. Nêu và cờ hạ xong thì công việc dọn dẹp trong đình mới được phép bắt đầu.

Lễ cúng Kỳ yên kết thúc.

Nhìn chung, lễ cúng Kỳ yên ở đình Phước Thiện về cơ bản tương tự như một số đình của Nam bộ. Tuy nhiên, có vài điểm khác biệt: ngày lễ Kỳ yên thì bàn thờ Tiên hiền, Hậu hiền không cúng chỉ dâng lễ vật; lễ Dựng nêu vẫn còn được lưu giữ tại đình - đó là một truyền thống văn hóa đẹp; lễ Tĩnh sanh được tiến hành hai lần, con heo cơm để thiết đãi khách cũng được làm lễ Tĩnh sanh như con heo dâng cúng Thần.

### **\* Phần hội:**

Trong lễ Kỳ yên ở đình Phước Thiện, phần hội diễn ra các hoạt động như múa trống, thi chưng hoa, mâm ngũ quả lên bàn thờ Thần và các ban thờ khác, biểu diễn lân - sư - rồng của các đội đến từ xã Phước Thiện và các xã khác trước dâng lên Thần Thành hoàng bốn cảnh sau phục vụ bá tánh, thu hút đông đảo người dân địa phương và các khu vực khác đến xem hội.

Và chính các màn biểu diễn lân - sư - rồng trong đêm hội Kỳ yên đã tạo nên một không gian văn hóa đặc sắc, đậm chất truyền thống. Người ta đến đình ngày càng đông khi nghe tiếng trống đánh. Tiếng trống lân - sư - rồng, tiếng hòa reo tán thưởng, tiếng cổ vũ la hét của người xem tất cả hòa quyện tạo nên một bức tranh vô cùng sống động, tạo nên không khí vui tươi, háo hức, tâm trạng thoải mái của những người dự hội. Bao lo toan, mệt nhọc có vẻ đã tan biến và nhường lại cho tiếng cười.

Việc tổ chức các lễ cúng kỳ yên hàng năm tại đình Phước Thiện là dịp để người dân bày tỏ sự ngưỡng vọng của mình đối với vị Thần Thành Hoàng Bốn cảnh và các bậc tiền nhân có công khai khẩn, xây dựng làng xã. Lễ hội Kỳ yên tạo nên một không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thu hút đông đảo người dân địa phương và các vùng lân cận tham gia, đồng thời gắn kết tình làng nghĩa xóm.

Hội Kỳ yên mỗi năm một lần tại đình Phước Thiện xem như đã hoàn thành được “sứ mệnh của mình” trong việc đáp ứng nhu cầu tinh thần, tạo sự gắn kết cộng đồng trong nhân dân địa phương và du khách thập phương; cầu Thần ban bình an, mùa màng tươi tốt, nhân dân ấm no. Đó là cái đích cuối cùng của một lễ hội dân gian.

**\* ĐỀ PHÁT HUY VÀ BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY, BẢN THÂN SẼ:**

Đề phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc rất cần sự chung tay, góp sức của toàn thể dân tộc Việt Nam nói chung, nhân dân Đồng Nai nói riêng. Còn với cá nhân, hiện đang công tác trực tiếp trong lĩnh vực di sản văn hóa của tỉnh Đồng Nai, có cơ hội đi thực tế và tiếp xúc trực tiếp với các di sản văn hóa của tỉnh, tham gia nhiều lễ hội truyền thống... Bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa cũng là góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Việt. Từ thực tế hiện tại, trong thời gian tới, bản thân sẽ tham mưu các cấp lãnh đạo các nội dung dưới đây:

*Một là:* Tiến hành thống kê, phân loại, lập danh mục các di sản văn hóa vật thể có giá trị tiêu biểu, các di sản cần bảo vệ khẩn cấp để xây dựng lộ trình, đề án xếp hạng, trùng tu, tôn tạo. Theo đó, phân loại các di sản văn hóa của người Việt, người Hoa và các dân tộc bản địa rõ ràng, theo từng địa phương, theo từng loại hình để quản lý và phát huy có hiệu quả.

*Hai là:* Đối với các di sản văn hóa phi vật thể như: nội dung hoành phi, liễn đối, văn cúng tế, các hoạt động lễ hội kỳ yên, lễ hội cúng miếu bà của người Việt; lễ vía ông Quan Thánh đế quân, lễ vía bà Thiên Hậu, lễ Tả tài phán ... của người Hoa hay các lễ cúng Thần Rừng, Thần Lúa của cộng đồng dân tộc bản địa cần phải được tiến hành ghi chép, sưu tầm toàn bộ lịch lễ, nội dung, trình tự, thời gian, địa điểm, các hoạt động trong lễ để kịp lưu trữ dữ liệu, hình ảnh, làm tư liệu nghiên cứu và truyền dạy cho thế hệ hậu bối.

*Ba là:* Tham mưu chấn chỉnh các hoạt động mê tín dị đoan trong các cơ sở tín ngưỡng, tuyên truyền sâu rộng giá trị của di sản trong cộng đồng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; để chính người dân địa phương hiểu rõ giá trị của di sản từ đó mới phát huy tốt được.

*Bốn là:* Với các di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào các dân tộc bản địa như các loại hình âm nhạc của người Mạ, Choro, X'tiêng cần được tiến hành nghiên cứu một cách bài bản để truyền dạy ngay trong chính cộng đồng các dân tộc bằng nhiều hình thức dễ tiếp cận nhất.

- Đối với các loại hình dân ca của đồng bào các dân tộc, ngoài việc ký âm, chuyên ngữ để giảng dạy cho các thế hệ trẻ cần sử dụng thêm băng hình, video theo kiểu thức karaoke bằng ngôn ngữ của chính cộng đồng để truyền dạy.

- Duy trì các hình thức sinh hoạt văn nghệ gắn với thiết chế cơ sở như nhà dài, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng để tạo môi trường giao lưu, học hỏi và bảo tồn văn hóa của chính cộng đồng ấy.

*Nhân là:* Bản thân sẽ nâng cao trình độ chuyên môn cùng với công nghệ thông tin, đặc biệt là ngoại ngữ để đáp ứng thực tế đòi hỏi trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa tỉnh nhà.

Dựa vào các mặt tích cực của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 để tham mưu lãnh đạo mấy vấn đề sau:

*Sáu là:* Đổi mới và nâng cao chất lượng bảo tồn, phát huy giá trị di sản thông qua ứng dụng Internet marketing

- Chương trình số hóa di sản văn hóa không phải là việc làm mới đối với nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Riêng tỉnh Đồng Nai, công việc này tuy đã được triển khai nhưng chưa thật sự đem lại hiệu quả cao. Vì thế, trong thời gian tới, việc số hóa di sản văn hóa từ vật thể đến phi vật thể phục vụ du lịch như ẩm thực, sản vật địa phương, lễ hội, danh lam thắng cảnh từng khu vực cần thực hiện song song giữa việc bảo tồn và phát huy giá trị của di sản.

Sau khi số hóa, tư liệu đó cần được chuyển về một cơ quan làm đầu mối ngoài việc lưu trữ còn thực hiện xây dựng website có thiết lập phần mềm tự động biên dịch lời bình sang tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn ... để cập nhật các tư liệu đó lên trên hệ thống. Qua hệ thống đó, du khách trong và ngoài nước khi muốn tìm hiểu hoặc đến tham quan địa điểm nào, địa phương nào họ đều có thể vào website đó xem tất cả các thông tin miễn phí. Có thể tham khảo website mang tên Nippon Quest (<http://www.nipponquest.com>) của Nhật Bản đã thành công với ứng dụng này.

- Về lĩnh vực bảo tồn, phục dựng di sản văn hóa vật thể, ứng dụng công nghệ 3D được coi là phương pháp tốt nhất để phục dựng các di vật, cổ vật hoặc những công trình kiến trúc nghệ thuật của di tích đã bị xuống cấp, hoặc bị hủy hoại bởi khí hậu và thời gian, tái hiện lại các sự kiện lịch sử quan trọng, ...

Tỉnh Đồng Nai, có thể ứng dụng công nghệ 3D để tái hiện lại giai đoạn lịch sử từ năm 1679 - 1700 từ Huế vào đến vùng đất Cù lao Phố (Đồng Nai) để thông qua di sản có thể kể về quá trình hoạch định lãnh thổ phương Nam trên bản đồ



nước Việt của đức ông Nguyễn Hữu Cảnh, xây dựng thương cảng Cù lao Phố của Trần Thượng Xuyên cũng như cuộc sống của cộng đồng người Việt, người Hoa thời bấy giờ...(áp dụng với di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đình Tân Lâm, chùa Ông ...)

Hay với di tích Thành cổ Biên Hòa: ứng dụng công nghệ 3D để phục dựng kiến trúc các thành trì thời nhà Nguyễn phục vụ công tác trưng bày, nghiên cứu khoa học...

*Bảy là:* Nâng cao hiệu quả thuyết minh và quảng bá di sản

Đưa vào thực hiện thí điểm tại một số di tích, danh thắng như chùa Ông, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh (sau khi trùng tu, mở rộng), Văn miếu Trấn Biên, thành cổ Biên Hòa, Nhà lao Tân Hiệp, danh thắng Bửu Long, ... với ứng dụng thuyết minh tự động (Audio Guide) gồm nhiều ngôn ngữ khác nhau để phục vụ khách tham quan. Thiết bị trên sẽ được nối vào tai nghe và hoạt động dựa theo bộ định vị được cài sẵn ở các địa điểm cần thuyết minh, đồng thời du khách sẽ nhận được thêm tờ hướng dẫn kèm theo để hỗ trợ trong quá trình tham quan tại di sản.

Đối với các điểm di sản diện tích rộng lớn, có thể thông qua điện thoại di động thông minh kết nối Internet từ kho ứng dụng App Store. Nội dung thuyết minh di sản được thể hiện dưới hình thức văn bản, hình ảnh tĩnh và động. Ứng dụng này không chỉ khắc phục được những hạn chế của loại hình Audio Guide, mà còn có thể giúp cho khách tham quan nắm bắt được thông tin về thời gian mở cửa, địa điểm tham quan, giá vé và các thông tin liên quan khác. Du khách cũng có thể gửi phản hồi của mình trên ứng dụng App Store đến nhà quản lý để kịp thời bổ sung, điều chỉnh, xây dựng các sản phẩm dịch vụ du lịch ngày một chất lượng hơn.

*Tám là:* Phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực công nghệ chất lượng cao, đào tạo kỹ năng sử dụng công nghệ, góp phần đẩy mạnh khả năng tiếp cận sử dụng công nghệ, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể.

Đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ngành Văn hóa phải đáp ứng được xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tăng cường hợp tác quốc tế về lĩnh vực khoa học, công nghệ nhằm đáp ứng được kỹ thuật tân tiến dành cho lĩnh vực bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa.

Ứng dụng kỹ thuật 4.0 kết hợp với di sản văn hóa để tạo ra những sản phẩm công nghiệp văn hóa với mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa theo hướng bền vững.

*Chín là:* Phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ 4.0

Nâng cao năng lực làm chủ công nghệ và năng lực nghiên cứu phát triển sản xuất các sản phẩm công nghiệp văn hóa phục vụ thương mại, cũng như ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ cao để bảo tồn, phục dựng các di vật, cổ vật, báu vật, công trình kiến trúc nghệ thuật của di tích, nghệ thuật trình diễn dân gian đang bị mai một, hoặc biến mất trong đời sống văn hóa cộng đồng.

Phát triển khoa học công nghệ (tự động hóa, công nghệ thông minh) và ưu tiên đầu tư nghiên cứu sáng tạo, ưu tiên cho việc mua hoặc chuyển giao công nghệ để tạo ra sản phẩm công nghiệp văn hóa độc đáo nhằm quảng bá, giới thiệu với người tiêu dùng trong nước và trên thế giới.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu trong hoạt động bảo tồn, phục dựng di sản văn hóa vật thể; đẩy mạnh xây dựng dữ liệu số bảo tồn, lưu giữ những giá trị di sản văn hóa phi vật thể, tích hợp các ứng dụng nhằm cung cấp dịch vụ trực tuyến đến các đối tượng: nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp làm việc trong lĩnh vực văn hóa, các ngành công nghiệp giải trí, ngành công nghiệp du lịch.

*Mười là:* Tham mưu tăng cường vai trò quản lý nhà nước về văn hóa đối với hoạt động lễ hội

Trong quản lý và tổ chức các lễ hội, các cơ quan quản lý văn hoá các cấp - nhất là cấp huyện - cần hướng dẫn và tổ chức việc xây dựng những quy định, hương ước của làng, bản, buôn, phum, sóc..., trong đó có nhiều quy ước về văn hoá lễ hội và tín ngưỡng, sao cho các hoạt động văn hoá lễ hội phù hợp với những điều kiện của thời kỳ phát triển mới. Có thể nói, ngay trong hương ước từ xưa của các làng đã có những quy định có tính văn hóa cao. Ví dụ, về nhân sự của lễ hội: chủ tế, chủ sự đều phải là những người cao niên, trong năm qua không có "bụi", gia quyền song toàn, không mắc những điều thị phi; trai rước kiệu phải là trai tân, lao động giỏi, được mọi người yêu mến. Như thế, mỗi lần chọn nhân sự cho lễ hội cũng chính là một lần bình chọn gia đình văn hóa và cá nhân văn hóa. Ngày nay, nếu ta làm được điều này sẽ tích cực góp phần xây dựng lối sống văn hóa ở cơ sở, đồng thời loại trừ mê tín và những biểu hiện trái với văn hóa của những kẻ lợi dụng các dịp lễ hội để buôn thần bán thánh.

Trong việc tổ chức lễ hội hiện nay, chúng ta cũng cần quan tâm thực hiện cho được sự kết hợp tốt nhất giữa cái chung (hoạt động cộng đồng rộng lớn) và cái riêng (của những người có tín ngưỡng mà lễ hội đang được tiến hành), cái truyền thống (những yếu tố văn hóa có ý nghĩa tích cực được sáng tạo trong quá khứ) và cái hiện đại (vệ sinh môi trường, vệ sinh sức khỏe cho cư dân, không ảnh hưởng đến sản xuất, bảo đảm trật tự an ninh xã hội...), giữa nguyện vọng chính đáng và hợp lý với khả năng vật chất, kinh phí thực có của nhân dân...

Trong nhiều năm trở lại đây, lễ hội - tín ngưỡng dân gian có sự phục hưng. Có thể nói đây là sự phục hưng song trùng cả tín ngưỡng và văn hóa truyền thống. Lễ hội - tín ngưỡng dân gian không chỉ có giá trị đối với những ai có nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng, không chỉ là một hình thái văn hóa phi vật thể có tính trội, mà còn là một hình thái sinh hoạt cộng đồng có tính tự nguyện cao, mang lại sự cân bằng tâm lý và sinh thái cho nhân dân, đồng thời, là nhân tố thúc đẩy các hoạt động kinh tế và du lịch.

**PHỤ LỤC**  
**TÊN VÀ LỊCH LỄ MỘT SỐ ĐÌNH, MIẾU Ở TỈNH ĐỒNG NAI**

<b>Stt</b>	<b>Tên gọi</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Lịch lễ (Âm lịch)</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Vĩnh Cửu</b>		
1	Đình Bình Ninh	ấp Bình Lợi, xã Bình Lợi	16/3
2	Đình Long Chánh	ấp 2, xã Bình Lợi	16/2
3	Đình Bình Lợi	ấp 4, xã Bình Lợi	17/3
4	Đình Xuân Hòa	ấp 5, xã Bình Lợi	19, 20/12
5	Đình thần Đa Lộc	Xã Bình Lợi	16/12
6	Miếu bà Xóm Côi	ấp 2, xã Bình Lợi	16/3
7	Miếu Vạn	ấp 4, xã Bình Lợi	10/2
8	Đình thần Trị An	ấp 1, xã Trị An	15/1, 15/10
9	Miếu ông Thần Hoàng	ấp 3, xã Trị An	20/2
10	Miếu bà Ngũ Hành	ấp 2, xã Trị An	20/2
11	Đình Bình Sơn	ấp Thới Sơn, xã Bình Hòa	16/2; 16/8
12	Đình Bình Thanh	ấp Bình Thanh, xã Bình Hòa	15/8
13	Đình Tân Thạnh	ấp Tân Thạnh Đông, xã Bình Hòa	15/1; 15/7; 15/10
14	Đình Bình Thới	ấp Thới Sơn, xã Bình Hòa	16/12
15	Đình Hàm Hòa		10/2; 16/12
16	Đình Xóm Vòm	ấp Xóm Vòm, xã Thiện Tân	16/2; 16/8; 16/12
<b>II</b>	<b>Huyện Long Thành</b>		
17	Đình thần Phước Tân	ấp Miếu, xã Phước Tân (nay thuộc tp. Biên Hòa)	16/10

18	Đình Tam Phước	ấp Long Khánh, xã Tam Phước	15/1; 15/7; 15/11
19	Đình Gò Me	ấp Long Khánh 2, xã Tam Phước	15, 16/3
20	Đình Phước Hòa	ấp Phước Hòa, xã Long Phước	15, 16/12
21	Đình Long Hưng	ấp An Xuân, xã Long Hưng	15, 16/11
22	Đình thần Phước Bình	ấp 2, xã Phước Bình	15, 16/11
23	Đình Phước Lộc	Khu Cầu Xéo, TT. Long Thành	15, 16, 17/11
24	Đình Tam Thiện	ấp 3, xã Phước Thái	15/11
25	Đình Tam An	ấp 3, xã Tam An	15, 16/11
26	Đình An Định	ấp An Định, xã Tam An	15/12
27	Đình thần Lộc An	ấp Bình Lâm, xã Lộc An	15, 16, 17/11
28	Đình Phú Lộc	ấp Hàng Gòn, xã Lộc An	20/11
<b>III Huyện Định Quán</b>			
29	Đình thần Thành Hoàng Bồn Cảnh	ấp Thái Hòa 1, xã Phú Túc	02/2
30	Đình thần Bình Hòa	ấp Bình Hòa, xã Phú Túc	16/11
<b>IV Huyện Xuân Lộc</b>			
31	Đình Bảo Chánh	ấp Thọ Trung, xã Xuân Thọ	16/3
<b>V Huyện Cẩm Mỹ</b>			
32	Đình đức Trần Hưng Đạo (đình Xuân Quế)	ấp 1, xã Xuân Quế	20/8
<b>VI Huyện Nhơn Trạch</b>			
33	Đình Phước Thiện	Xã Phước Thiện	15, 16/11
34	Đình Phú Hội	Xã Phú Hội	15,16/11

35	Đình Phú Mỹ	Xã Phú Hội	15, 16/11
36	Đình Ông	ấp Phú Tân, xã Phú Đông	13/2
37	Đình Phước Khánh	ấp 2, xã Phước Khánh	11, 12/2
38	Đình Long Hiệu	ấp Long Hiệu, xã Long Tân	15/12
39	Đình Trương Vĩnh Tuy	ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân	10, 11/11
40	Đình Tân Tường	ấp Tân Tường, xã Long Tân	15/3, 15/11
41	Đình Bình Phú	ấp Bình Phú, xã Long Tân	13, 14, 15/11
42	Đình Phước Lương	ấp Phước Lương, xã Phú Hữu	14, 15/11
43	Đình Rạch Cá		15, 16/11
44	Đình An Phú	ấp 1, xã Phú Thạnh	15/2
45	Đình Ấp Ba	ấp 3, xã Phú Thạnh	15, 16/11
46	Đình Phước Long	ấp 2, xã Long Thọ	12, 13/2
47	Đình Phước Thọ	ấp 4, xã Long Thọ	16/2
48	Đình thần Phước An	ấp Bà Trường, xã Phước An	11/11
<b>VII</b>	<b>Thành phố Biên Hòa</b>		
49	Đình Bình Đa	Khu phố 2, phường An Bình	11, 12, 13/11
50	Đình An Hảo	Khu phố 8, phường An Bình	15, 16/11
51	Đình Bình Long	Khu phố 1, ấp Tân Bình, phường Bửu Hòa	15, 16/11
52	Đình Tân Phú (đình Trương Công Định)	Khu phố 5, ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa	
53	Đình Tân Bản	Khu phố 3, ấp Tân Bản, phường Bửu Hòa	15, 16/11
54	Đình Bạch Khôi	Khu phố 4, phường Bửu Long	18, 19/11
55	Đình Bình Điện	Đường Huỳnh Văn Nghệ	16/11

56	Đình Tân Lại	Khu phố 1	15, 16/11
57	Đình Bình Dương	ấp Bình Dương, phường Long Bình Tân	15/3, 15/11, 15/12
58	Đình Bình Thiên	Phường Quang Vinh	15/10
59	Đình Phước Lư	Khu phố 2, phường Quyết Thắng	11/11
60	Đình Tân Phong	Khu phố 1, phường Tân Phong	15/3, 15,16/11
61	Đình thần Trương Công Định	Khu phố 1, phường Tân Tiến	
62	Đình Tân Vạn	Khu phố 3, phường Tân Vạn	16/8
63	Đình Bình Trước	KP 5, phường Thống Nhất	15,16/11
64	Đình Lân Thị	phường Thống Nhất	11/11
65	Đình Vinh Thạnh	phường Thống Nhất	15,16/2; 12,13/11
66	Đình Tân Mai	phường Thống Nhất	
67	Đình Bình Hòa	ấp Tam Hòa, xã Hiệp Hòa	
68	Đình Bình Kính (đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh)	ấp Tam Hòa, xã Hiệp Hòa	16,17/5
69	Đình Bình Quan	ấp Tam Hòa, xã Hiệp Hòa	15,16/11
70	Đình Bình Tự	ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa	12,13/11
71	Đình Hưng Phú	ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa	16,17/11
72	Đình Hòa Quới	ấp Tam Hòa, xã Hiệp Hòa	16,17/11
73	Đình Tân Giám	ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa	16,17/11
74	Đình Tân Mỹ	ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa	16,17/11
75	Đình Thành Hưng	ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa	10,11/2
76	Đình Bình Xương	ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa	15,16/11

77	Đình Hóa An	ấp An Hóa, xã Hóa An	15,16,17/11
78	Đình Bình Trị	ấp Bình hóa, xã Hóa An	15/11; 22/12
79	Đình Tân Hạnh	ấp 1A, xã Tân Hạnh	
80	Miếu Bà Ngũ Hành	Khu phố 2, phường An Bình	
81	Miếu Án Thủ	Khu phố 3, phường Bình Đa	
82	Miếu Bà	Khu phố 1, ấp Tân Bình, phường Bửu Hòa	15,16/2;23/3
83	Miếu Năm Ông		
84	Miếu Ông Đá	Khu phố 2, phường Bửu Long	15,16/2
85	Miếu Sơn Quân		
86	Miếu Cây Quăn	Khu phố 4, phường Bửu Long	23/3
87	Miếu Bà		22,23/7
88	Miếu Thiên Hậu	Khu phố 2, phường Hòa Bình	21,22,23/3
89	Miếu Thổ Thần		
90	Miếu Tiên Sư		
91	Miếu Ông Cọp	Khu phố 4, phường Long Bình	Ngày sóc, vọng
92	Miếu Ngũ Hành	Khu phố Long Điền, phường Long Bình Tân	15/1; 18/3; 15/10
93	Miếu Bà Ngũ Hành		
94	Miếu Bà Cây Cám	Khu phố 1, phường Tân Mai	15/1; 15/7; 18,19/11
95	Miếu Bà Bàu Hang	Khu phố 7, phường Tân Phong	15/2
96	Miếu Quan Âm	Khu phố 2, phường Tân Phong	19/2; 24/12
97	Miếu Bà	Khu phố 6, phường Tân Tiến	15/1; 25/4; 17/10
98	Miếu Đồng Nai (Miếu Bà)	Khu phố 1, phường Tân Vạn	16/10



99	Miếu Ngũ Hành	Khu phố 1, phường Tân Vạn	
100	Miếu Đắc Phước	Khu phố 2, phường Tân Vạn	
101	Miếu Quan Đế	Số 20, đường Quang Trung	13/1; 24/6
102	Miếu Ngũ Hành nương nương	phường Thống Nhất	
103	Miếu Thổ Thần	phường Thống Nhất	
104	Miếu Thần Hồ	phường Thống Nhất	
105	Miếu Linh Sơn Thánh Mẫu	Khu phố 1, phường Thống Nhất	
106	Miếu Cây Chôm	Khu phố 2, phường Trung Dũng	
107	Miếu Cây Thị	Khu phố 3, phường Trung Dũng	
108	Miếu Bà Chúa Xứ	ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa	
109	Miếu Thổ Thần	Đình Bình Tự, ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa	Cúng trong lễ Kỳ yên của đình
110	Miếu Ngũ Hành nương nương	Đình Hưng Phú, ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa	11,12/2
	Miếu Ngũ Hành nương nương	Đình Tân Giám, ấp Nhất Hòa, xã Hiệp Hòa	12/2
111	Miếu Thổ Thần	Đình Tân Mỹ, ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa	Cúng trong lễ Kỳ yên của đình
112	Miếu Ngũ Hành nương nương	Đình Thành Hưng, ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa	18/2
113	Miếu Ngũ Hành nương nương	Đình Bình Hòa, ấp Tam Hòa, xã Hiệp Hòa	10/2
114	Miếu Thổ Thần		Cúng trong lễ Kỳ yên của đình
115	Miếu Ngũ Hành	Đình Long Quới, ấp Tam Hòa,	10,11/2

	nương nương	xã Hiệp Hòa	
116	Miêu Thổ Thần		Cúng trong lễ Kỳ yên của đình
117	Miêu Ông Hồ	Đình Hòa Quới, ấp Tam Hòa, xã Hiệp Hòa	Cúng trong lễ Kỳ yên của đình
118	Miêu Thổ Thần		
119	Miêu Bà	ấp An Hóa, xã Hóa An	6/8
120	Đền thờ Hùng Vương	Khu phố 3, phường Bình Đa	10/3
121	Đền Trần Hưng Đạo	Khu phố 4, phường Tân Tiến	3/3; 20/8

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách Gia Định thành thông chí, tác giả Trịnh Hoài Đức, dịch và chú giải Lý Việt Dũng, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, xuất bản năm 2005.
2. Bộ Địa chí Đồng Nai, tập I, II, III, IV, V.
3. Sách Đình Nam bộ tín ngưỡng và nghi lễ, tác giả Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường - Nxb.Tp.HCM, năm 1993.
4. Sách Kiến trúc cổ Việt Nam, tác giả Vũ Tam Lang, Nxb. Xây dựng năm 1991.
5. Sách Biên Hòa sử lược - tập 2, tác giả Lương Văn Lựu, Sài Gòn 1972.
6. Sách Biên Hòa - Đồng Nai, 300 năm hình thành và phát triển, Nxb. Đồng Nai, năm 1998.
7. Tài liệu Hồ sơ kiểm kê phổ thông di tích ở huyện Nhơn Trạch, nhà Bảo tàng Đồng Nai, năm 2003.
8. Sách Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - Biên Hòa, tác giả Nguyễn Đình Đầu, Nxb. Tp.HCM, năm 1994.
9. Sách Từ điển tiếng Việt, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Trung tâm từ điển ngôn ngữ Hà Nội, Việt Nam, năm 1992.
10. Sách Cơ sở văn hóa Việt Nam, tác giả Trần Ngọc Thêm, Nxb. Giáo dục, năm 1999.
11. Sách Đồng Nai di tích lịch sử văn hóa, Ths. Trần Quang Toại, chủ biên, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, năm 2004.
12. Miếu thờ và lễ hội làm chay ở Biên Hòa, Ts Nguyễn Thị Nguyệt, NXB Đồng Nai.
13. Việt Nam Phong Tục- Phan Kế Bính.
14. Đại Nam nhất thống chí- Nội các triều Nguyễn.
15. Cơ sở tín ngưỡng và truyền thống ở Biên Hòa, Phan Đình Dũng
16. Đình miếu và lễ hội dân gian miền Nam, Sơn Nam, NXB Trẻ.
18. Văn hóa người Hoa Nam bộ, NXB Trẻ VHVN.
19. Đồng Nai góc nhìn văn hóa, Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, NXB Đồng Nai.
20. Cơ sở tín ngưỡng và lễ hội truyền thống ở Biên Hòa, Phan Đình Dũng, NXB Thời Đại.
21. Tạp chí thông tin khoa học số 12, Bảo tàng ĐN.